



CNG VIETNAM



Đem nguồn
năng lượng sạch

tới mọi nơi



Việt qua **GIẢI PHÁP** *linh hoạt*
THÁCH THỨC

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

AT-CL-MT	An toàn – Chất lượng – Môi trường
BGD	Ban Giám đốc
BKS	Ban Kiểm soát
CBCNV	Cán bộ Công nhân viên
CNG	Khí thiên nhiên nén (Compressed Natural Gas)
CNG Việt Nam/Công ty	Công ty Cổ phần CNG Việt Nam
CTCP	Công ty Cổ phần
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HD	Hướng dẫn
HĐQT	Hội đồng Quản trị
ISO	Tiêu chuẩn ISO
KCN	Khu Công nghiệp
LNG	Khí thiên nhiên hóa lỏng (Liquefied Natural Gas)
LNST	Lợi nhuận sau thuế
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
LPG	Khí hóa lỏng (Liquefied Petroleum Gas)
OHSAS	Tiêu chuẩn Sức khỏe Nghề nghiệp và An toàn
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
PRU	Trạm giảm áp (Pressure Reducing Unit)
PV Gas/Tổng Công ty	Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP
PV Gas D	CTCP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam
PV Gas North	CTCP Kinh doanh Khí Miền Bắc
PVN/Tập đoàn	Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PetroVietnam)
QT	Quy trình
QTCT	Quản trị Công ty
TNSC	Tai nạn sự cố
TÚLĐTT	Thỏa ước Lao động Tập thể
ÚCKC	Ứng cứu khẩn cấp
VĐL	Vốn điều lệ
VSLĐ	Vệ sinh lao động

Giới thiệu

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

CNG Việt Nam vừa trải qua một năm 2019 với nhiều thách thức cả ở phía cầu (kinh tế thế giới và thị trường dầu khí ảm đạm) lẫn phía cung (nguồn cấp khí bị gián đoạn và phải san sẻ với hoạt động sản xuất điện). Những thách thức này dự kiến sẽ tiếp tục kéo dài trong năm 2020, đặc biệt là khi thế giới vẫn đang phải đối mặt với nhiều rủi ro bất định, đồng thời bối cảnh hoạt động của Công ty có nhiều thay đổi, thuận lợi song hành với khó khăn.

Ban lãnh đạo CNG Việt Nam xác định trọng tâm của hoạt động quản trị, điều hành trong giai đoạn hiện nay là “**GIẢI PHÁP LINH HOẠT**” trong toàn bộ chuỗi quy trình sản xuất kinh doanh, tăng cường hoạt động quản trị rủi ro để “**VƯỢT QUA THÁCH THỨC**”. Đồng thời, đẩy mạnh gắn kết với các bên có lợi ích liên quan để thỏa mãn yêu cầu của họ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, tối đa hóa giá trị doanh nghiệp và đóng góp cho cộng đồng-xã hội.

Trong quá trình chuẩn bị BCTN năm 2019, CNG Việt Nam tiếp tục tham khảo nội dung của Khung hướng dẫn lập Báo cáo Tích hợp của IIRC và bộ Tiêu chuẩn GRI dành cho Báo cáo Phát triển Bền vững. Chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý vị để không ngừng cải thiện chất lượng BCTN của Công ty. Mọi ý kiến xin gửi về:

Nhóm thực hiện BCTN – CTCP CNG Việt Nam

Địa chỉ : Tầng 7, Tòa nhà GAS Tower, Số 61B Đường 30/4, Phường Thăng Nhất, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Điện thoại : (84.254) 3574.635

Fax : (84.254) 3574.619

Website : www.cng-vietnam.com



MỤC LỤC



1 Xanh BẢN SẮC

CƠ CẤU QUẢN TRỊ

- 06 Giới thiệu chung
- 08 Ngành nghề và Địa bàn kinh doanh
- 10 Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi
- 12 Giải thưởng tiêu biểu
- 14 CNG - Sản phẩm năng lượng xanh
- 16 Hành trình năng lượng xanh

- 20 Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- 22 Chỉ số tài chính nổi bật năm 2019
- 24 Chỉ số phát triển bền vững năm 2019
- 26 Cơ cấu quản trị
- 28 Giới thiệu Hội đồng Quản trị
- 30 Giới thiệu Ban Kiểm soát
- 32 Giới thiệu Ban Giám đốc



2 Bền SỨC MẠNH

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÀ GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN

- 36 Bối cảnh vĩ mô và ngành khí thiên nhiên
- 37 Sức mạnh cạnh tranh của CNG Việt Nam
- 38 Chiến lược kinh doanh giai đoạn đến 2025
- 40 Gắn kết các bên liên quan trong Chiến lược hoạt động
- 44 Quản trị rủi ro



3 Vượt THÁCH THỨC

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

- 54 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 75 Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 76 Báo cáo của Ban Giám đốc
- 106 Cơ cấu cổ đông và Hoạt động Quan hệ nhà đầu tư



4 Tăng GẮN KẾT

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 112 Thành tựu phát triển bền vững 2019
- 114 Tăng trưởng kinh tế bền vững
- 116 Hệ thống quản lý tích hợp AT-CL-MT
- 120 Trách nhiệm với môi trường
- 126 Nguồn nhân lực
- 134 Cộng đồng – Xã hội
- 135 Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh



5 Vàng NIỀM TIN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH (KIỂM TOÁN)

- 138 Báo cáo của Ban Giám đốc
- 139 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 140 Bảng cân đối kế toán
- 142 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- 143 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- 144 Thuyết minh báo cáo tài chính



Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM**
 Tên tiếng Anh : **CNG VIETNAM JOINT STOCK COMPANY**
 Tên viết tắt : CNG VIETNAM
 Mã cổ phiếu : CNG
 Sàn niêm yết : HOSE



Slogan :

Đem nguồn
năng lượng sạch
tới mọi nơi

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 492032000040, đăng ký lần đầu ngày 28/05/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 23/05/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.

Vốn điều lệ : **270.000.000.000 đồng** (Hai trăm bảy mươi tỷ đồng)

Vốn chủ sở hữu : 542.851.739.181 đồng (tại ngày 31/12/2019)

Số lượng cổ phiếu lưu hành : 27.000.000 cp

Số lượng cổ phiếu niêm yết : 27.000.000 cp

Địa chỉ : Tầng 7, Tòa nhà GAS Tower, Số 61B Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu

Điện thoại : (84.254) 3574.635

Fax : (84.254) 3574.619

Website : **www.cng-vietnam.com**

Công ty Kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Deloitte Việt Nam





NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

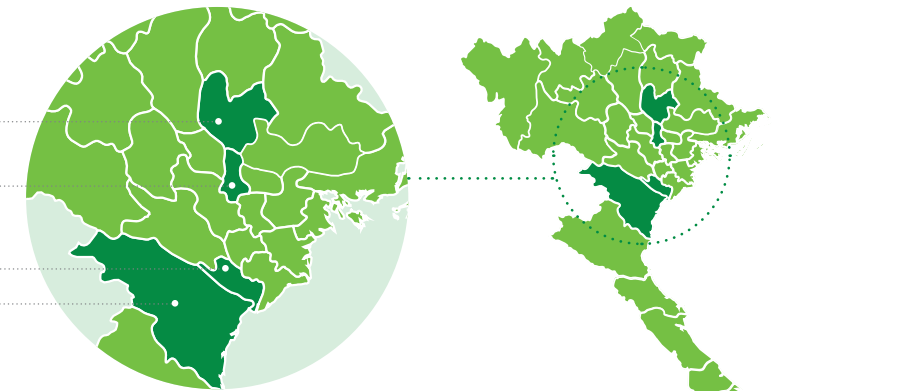
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh của CNG Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Tên Ngành	Mã Ngành theo VSIC
 SẢN XUẤT KHÍ ĐỐT, PHÂN PHỐI NHIÊN LIỆU KHÍ BẰNG ĐƯỜNG ỐNG Chi tiết: Sản xuất, chiết nạp và phân phối các sản phẩm khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG	3520 (chính)
 SỬA CHỮA MÁY MÓC, THIẾT BỊ Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện, máy móc, thiết bị sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG	3312
 VẬN TẢI HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG BỘ Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG, LPG và kinh doanh các khí nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng Công ten-nơ	4933
 LẮP ĐẶT MÁY MÓC VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP Chi tiết: Cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khí	3320
 BÁN BUÔN MÁY MÓC, THIẾT BỊ VÀ PHỤ TÙNG MÁY KHÁC Chi tiết: Mua bán và cho thuê thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí	4659
 SẢN XUẤT MÁY THÔNG DỤNG KHÁC Chi tiết: Sản xuất thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí	2819
 Đối với ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

ĐỊA BÀN KINH DOANH

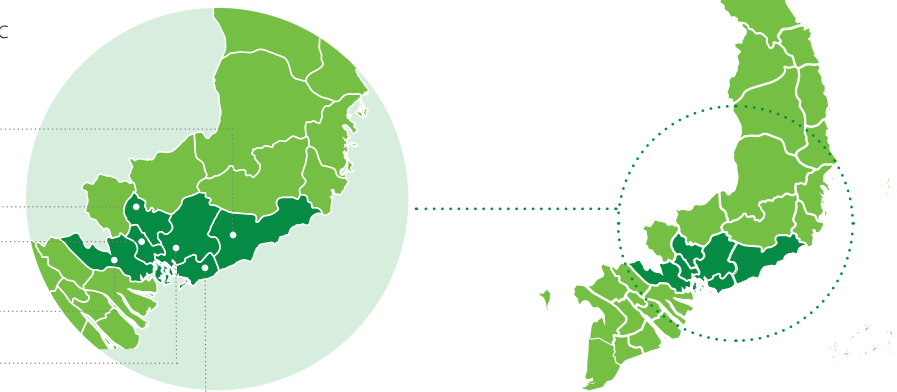
Khu vực miền Bắc:

- ★ Thái Nguyên
- ★ Hà Nội
- ★ Ninh Bình
- ★ Thanh Hóa



Khu vực miền Đông Nam Bộ và các khu vực khác:

- ★ Bình Thuận
- ★ Bình Dương
- ★ TP. Hồ Chí Minh
- ★ Long An
- ★ Đồng Nai
- ★ Bà Rịa - Vũng Tàu



KHÁCH HÀNG TIÊU BIỂU





Xây dựng và phát triển Công ty Cổ phần CNG Việt Nam bền vững, trở thành nhà cung cấp CNG, LNG hàng đầu tại Việt Nam, đi đầu trong lĩnh vực công nghệ và dẫn đầu về thị phần CNG, LNG trên thị trường.



Tạo dựng niềm tin cho khách hàng trong việc sử dụng nhiên liệu CNG, LNG sạch, an toàn, hiệu quả. Từ đó, phát triển Công ty ngày một lớn mạnh, mang lại giá trị bền vững cho khách hàng, cổ đông, người lao động và xã hội.



- Chất lượng
- An toàn
- Hợp tác
- Hiệu quả
- Trách nhiệm xã hội





★ **BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

★ **BẰNG KHEN ĐƠN VỊ THI ĐUA XUẤT SẮC**

do Thủ tướng Chính phủ trao tặng năm 2011

★ **BẰNG KHEN CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG**

★ **BẰNG KHEN CỦA TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM**

từ năm 2010 - 2015

★ **HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG 3 VÀ BẰNG KHEN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

năm 2014



DOANH NGHIỆP
KINH DOANH HIỆU QUẢ NHẤT VIỆT NAM
năm 2012

DOANH NGHIỆP
TĂNG TRƯỞNG MẠNH NHẤT VIỆT NAM
năm 2013

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT
năm 2011, 2012, 2015, 2016



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT
năm 2013



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT
năm 2014



DOANH NGHIỆP
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
năm 2016, 2017, 2018



DOANH NGHIỆP MID CAP
CÓ BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN TỐT NHẤT
năm 2018, 2019



CNG (COMPRESSED NATURAL GAS) LÀ KHÍ THIÊN NHIÊN ĐƯỢC KHAI THÁC TỪ CÁC MỎ KHÍ TỰ NHIÊN HAY LÀ KHÍ ĐỒNG HÀNH TRONG QUÁ TRÌNH KHAI THÁC DẦU MỎ, QUA THIẾT BỊ LÀM SẠCH ĐỂ LOẠI BỎ CÁC TẠP CHẤT VÀ CÁC CẤU TỬ NẶNG, VẬN CHUYỂN BẰNG ĐƯỜNG ỐNG TỚI NHÀ MÁY NÉN KHÍ. KHÍ THIÊN NHIÊN NÀY ĐƯỢC NÉN TỚI ÁP SUẤT 200 - 250 BARS Ở NHIỆT ĐỘ MÔI TRƯỜNG ĐỂ GIẢM THỂ TÍCH BỒN CHỨA, TĂNG HIỆU SUẤT VÀ GIẢM CHI PHÍ VẬN CHUYỂN BẰNG CÁC PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG SẮT, ĐƯỜNG THỦY.

Tại nơi tiêu thụ, CNG được gia nhiệt và giảm áp qua cụm thiết bị PRU (Pressure Reducing Unit), tới áp suất yêu cầu của khách hàng (thường là 3 bar).

CNG Việt Nam là công ty tiên phong trong sản xuất, phân phối CNG tại Việt Nam, cung cấp giải pháp nhiên liệu tiên tiến, giúp doanh nghiệp giảm chi phí, gia tăng hiệu quả vận hành máy móc, góp phần bảo vệ môi trường và an ninh năng lượng phục vụ nền kinh tế. Cụ thể, sản phẩm khí CNG được CNG Việt Nam phân phối để cung cấp cho các nhà máy có sử dụng nhiệt năng trong quá trình sản xuất, chế biến; phục vụ cho các khu chung cư và được sử dụng như là nhiên liệu thay thế xăng dầu trong ngành giao thông vận tải.

CNG Việt Nam hiện làm chủ công nghệ và vận hành các trạm máy nén, trạm nạp, phương tiện vận chuyển, bồn chứa, trạm giảm áp, tiếp khí đến tận khách hàng được thiết kế tuân thủ theo các tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn, quy phạm của Việt Nam, đảm bảo đủ điều kiện vận hành an toàn và được kiểm định định kỳ hàng năm.

QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI CNG



TRẠM ĐO KHÍ TIẾP LIỆU:

Khí thiên nhiên được lấy từ hệ thống khí thấp áp Phú Mỹ (PVGas D), đi vào Chi nhánh CNG Phú Mỹ qua hệ thống đường ống 6" với áp suất 22 barg, lưu lượng khí được kiểm soát qua hệ thống trạm đo khí đầu vào.

Hệ thống đo được thiết kế tự động cập nhật thành phần khí, áp suất, nhiệt độ, hiển thị các giá trị tại chỗ và truyền số liệu về trung tâm (GDC) để tính khí giao nhận.



TRẠM MÁY NÉN:

Từ trạm đo, khí được dẫn vào trạm máy nén CNG để nạp vào bồn chứa khí với công suất máy nén như sau:

Công suất của máy nén từ 2000 đến 2500 Sm³/h.

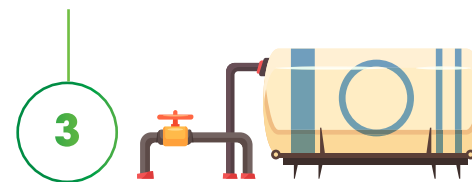
Đặc tính kỹ thuật:

- Lưu lượng: 2000 đến 2500 Sm³/h;
- Áp suất đầu vào: 14 – 22 barg;
- Áp suất đầu ra: 200 đến 250 barg;
- Nhiệt độ khí đầu vào: 10 - 40oC;
- Công suất điện: ≤370 KW/h/máy.

Các máy nén được điều khiển bằng PLC và kiểm soát được các thông số vận hành như áp suất, nhiệt độ, rò rỉ khí gas, độ rung máy..., đảm bảo an toàn cho quá trình vận hành máy.

Tại phòng điều khiển được lắp đặt hệ thống đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành Fire and Gas, các tín hiệu của hệ thống (dò khí, dò lửa, dò khói, nhiệt ...) sẽ được kiểm soát và gửi tín hiệu về hệ thống điều khiển để đóng ngắt các thiết bị khi xảy ra sự cố (shutdown van, dừng máy nén, kích hoạt còi, đèn báo động, ...).

Các máy nén và hệ thống điều khiển được thiết kế tuân thủ theo các tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn, quy phạm của Việt Nam, đảm bảo đủ điều kiện vận hành an toàn và được kiểm định định kỳ hàng năm.



TRẠM NẠP:

Tại trạm nạp, khí được các máy nén nạp vào các xe bồn chuyên dụng (composite, thép) chứa khí để vận chuyển đến khách hàng với thể tích các bồn như sau:



BỒN CHỨA CNG:

Bồn chứa CNG loại composite 20ft: Tổng thể tích 01 bồn CNG là 17m³; Áp suất làm việc 250 barg.

Bồn chứa CNG loại composite 40ft: Tổng thể tích 01 bồn CNG là 34m³; Áp suất làm việc 250 barg.

Bồn chứa CNG loại thép 40ft: Tổng thể tích 01 bồn CNG là 18m³; Áp suất làm việc 200 barg.

Các thiết bị được định kỳ kiểm định, đảm bảo an toàn cho công tác vận chuyển.



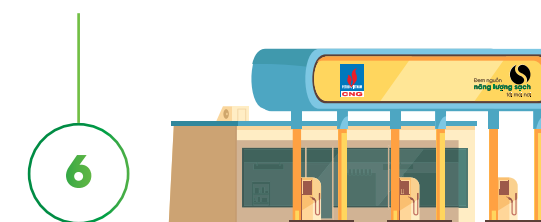
XE BỒN CHUYÊN CHỖ CNG:

Các xe chuyên chở khí tuân thủ nghiêm ngặt về quy định vận chuyển hàng nguy hiểm, cháy nổ. Thiết bị được đăng kiểm, kiểm định kịp thời đáp ứng yêu cầu của pháp luật, tiêu chuẩn, quy định, đảm bảo an toàn, phòng chống cháy nổ cho các thiết bị chuyên chở và tồn chứa.



HỆ THỐNG TIẾP NHẬN KHÍ CỦA KHÁCH HÀNG:

Tại các khách hàng được đầu tư hệ thống tiếp nhận khí CNG, có áp suất đầu vào từ 2-4 barg.



TRẠM GIẢM ÁP TẠI KHÁCH HÀNG:

Xe bồn vận chuyển khí đến trạm giảm áp tại khách hàng (PRU), từ đây khí được đưa từ xe bồn ở áp suất từ 200 đến 250 barg đi qua hệ thống PRU, giảm áp qua 2 giai đoạn (giai đoạn 1 giảm áp xuống 60 barg, giai đoạn 2 giảm áp xuống 2-7 barg) để cung cấp khí cho khách hàng theo yêu cầu.

Hệ thống PRU được thiết kế tuân thủ theo các tiêu chuẩn quốc tế và tiêu chuẩn, quy phạm của Việt Nam, hệ thống được điều khiển bằng PLC, kiểm soát sự cố, rò rỉ khí bằng các van đóng khẩn cấp (SDV), van an toàn, đầu dò khí, kiểm soát khí giao nhận bằng hệ thống đo đếm khí và các thiết bị được kiểm định đúng định kỳ hàng năm.



NĂM 2007

THÀNH LẬP VỚI VỐN ĐIỀU LỆ BAN ĐẦU 19,2 TỶ ĐỒNG

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (CNG VIETNAM) được thành lập vào ngày 28/5/2007 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 do Ban Quản lý KCN tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp với vốn điều lệ ban đầu là 19.200.000.000 đồng, trên cơ sở góp vốn của các cổ đông sáng lập:

- Tổng Công ty Dung Dịch Khoan và Hóa Phẩm Dầu Khí – CTCP (DMC): 51% vốn điều lệ;
- Công ty IEV Energy Sdn. Bhd (Malaysia): 42% vốn điều lệ); và
- Công ty TNHH Sơn Anh: 7% vốn điều lệ.

NĂM 2008

TĂNG MẠNH VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 67,2 TỶ ĐỒNG. NHÀ MÁY SẢN XUẤT CNG ĐẦU TIÊN TẠI KCN PHÚ MỸ 1

CNG Việt Nam tăng vốn điều lệ lên 67.200.000.000 đồng với sự tham gia góp vốn thêm của các cổ đông: Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV Gas), CTCP Phân phối Khí thấp áp (PV Gas D).

Nhà máy sản xuất CNG đầu tiên của CNG Việt Nam đặt tại KCN Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu với công suất ban đầu là 30 triệu Sm³ khí/năm (tương đương với 33.000 tấn LPG/năm) đã đi vào vận hành từ ngày 03/09/2008.

NĂM 2009

MỞ RỘNG THỊ TRƯỜNG, NÂNG CÔNG SUẤT NHÀ MÁY CNG PHÚ MỸ LÊN 70 TRIỆU SM³

Tổng Công ty Khí Việt Nam đồng ý chuyển nhượng toàn bộ phần vốn đang sở hữu tại CNG Việt Nam sang CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Nam (PV Gas South). CNG Việt Nam tiếp tục phát triển mở rộng thị trường phân phối khí CNG thông qua việc đầu tư thực hiện dự án nâng công suất Nhà máy CNG Phú Mỹ lên 70 triệu Sm³.

NĂM 2010

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 125 TỶ ĐỒNG. ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN - CHẤT LƯỢNG - MÔI TRƯỜNG ĐƯỢC BSI CHỨNG NHẬN

Để thực hiện đầu tư các dự án mở rộng sản xuất, CNG Việt Nam đã phát hành 5.780.000 cổ phần để tăng vốn điều lệ từ 67.200.000.000 đồng lên 125.000.000.000 đồng cho cổ đông hiện hữu, cán bộ chủ chốt và cổ đông chiến lược, theo Nghị quyết số 314/NQ – ĐHCĐ/2010 của ĐHCĐ ngày 02/04/2010.

Sau 2 năm đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, CNG Việt Nam đã xây dựng và triển khai áp dụng thành công hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường (ATCLMT) theo các tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2008 và ISO 1400:2004 được BSI (Viện Tiêu chuẩn Anh) đánh giá, công nhận và cấp chứng chỉ vào ngày 22/07/2010.

NĂM 2011

TIẾP TỤC TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 203,1 TỶ ĐỒNG VÀ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN HOSE

Từ tháng 03/2011, sau khi hệ thống máy nén khí giai đoạn điều chỉnh đi vào hoạt động, tổng công suất thiết kế của CNG Việt Nam chính thức đạt 70 triệu Sm³, cung cấp khí cho 21 khách hàng tại các khu vực Nhơn Trạch, Bình Dương, TP.HCM, Long An.

Sau khi tiến hành tăng vốn điều lệ lên 203.100.000.000 đồng, ngày 23/11/2011, cổ phiếu chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) với số lượng 20.312.038 cổ phiếu, mã chứng khoán là CNG, trên cơ sở Quyết định số 167/2011/QĐ-SGDHCM do HOSE cấp.

NĂM 2012

PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ESOP CHO CBCNV VÀ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 213,28 TỶ ĐỒNG

Căn cứ Nghị quyết của ĐHCĐ năm 2011 về việc phát hành cổ phiếu cho người lao động với tỷ lệ 5% vốn điều lệ (ESOP 2011), HĐQT Công ty ra Nghị quyết số 01/NQ – HĐQT/2012 phê duyệt quy chế phân phối cổ phiếu theo ESOP 2011 và đã hoàn thành việc tăng vốn điều lệ 5% lên 213.280.000.000 đồng.

NĂM 2013

TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ LÊN 270 TỶ ĐỒNG VÀ THÔNG QUA CHÍNH SÁCH CỔ TỨC 35%

Ngày 25/09/2013, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông qua việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty từ 213.280.000.000 đồng lên 270.000.000.000 đồng.

Ngày 13/12/2013, HĐQT Công ty ra Nghị quyết số 18/NQ – HĐQT phê duyệt tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ 15% (trong cổ tức tổng cộng 35%) trên vốn điều lệ hiện hành.

NĂM 2014

CHI NHÁNH MIỀN BẮC ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG

Ngày 15/04/2014, HĐQT Công ty ra Nghị quyết số 04/NQ – HĐQT phê duyệt chi trả cổ tức đợt 2 năm 2013 bằng tiền mặt với tỷ lệ 20% trên vốn điều lệ hiện hành.

Ngày 08/07/2014, HĐQT Công ty ra Quyết định số 176/QĐ-CNG phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh Công ty tại miền Bắc.

NĂM 2015

TỔNG SẢN LƯỢNG TĂNG MẠNH LÊN 94,3 TRIỆU SM³. TRẠM CẤP KHÍ TRUNG TÂM TẠI KCN MỸ PHƯỚC 3 CHÍNH THỨC HOẠT ĐỘNG

Năm 2015 đánh dấu sự thành công của CNG trong chiến lược mở rộng thị trường tại khu vực phía Bắc. CNG đã chính thức cấp khí cho 4 khách hàng tại khu vực này, giúp nâng tổng lượng khí CNG cung cấp cho khách hàng đạt mốc 94,3 triệu Sm³, tăng trưởng mạnh 26% so với năm 2014.

Ngoài ra, tháng 04/2015, Trạm cấp khí trung tâm tại KCN Mỹ Phước 3 (Bình Dương) chính thức đi vào hoạt động và cung cấp CNG cho các khách hàng trong KCN này. Đây là một phần trong kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh và phát triển mô hình cấp khí qua trạm trung tâm của CNG Việt Nam.

NĂM 2016

PV GAS TRỞ THÀNH CỔ ĐÔNG LỚN VỚI TỶ LỆ NẪM GIỮ 56%

Ngày 14/03/2016, PV Gas trở thành cổ đông lớn của CNG Việt Nam với tỷ lệ nắm giữ 56% vốn điều lệ, sau khi mua lại toàn bộ cổ phần từ PV Gas South.

Ngày 19/04/2016, HĐQT ra quyết định đổi tên Ban chức năng thành Phòng chức năng, phù hợp với hệ thống quản lý của PV Gas.

Ngày 17/05/2016, HĐQT ra nghị quyết thông qua việc thành lập Chi nhánh Phú Mỹ.

NĂM 2017

KỶ NIỆM 10 NĂM THÀNH LẬP

Số lượng khách hàng tăng mạnh, sản lượng tiêu thụ khí lên đến 141,3 triệu Sm³, các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đều vượt 35-40% so với kế hoạch.

NĂM 2018

TÁI CẤU TRÚC, SẮP XẾP LẠI CƠ CẤU TỔ CHỨC KHỐI VĂN PHÒNG CÔNG TY

Ban lãnh đạo Công ty triển khai rà soát, ban hành chức năng nhiệm vụ của các Phòng, Chi nhánh, Đơn vị trực thuộc Chi nhánh làm cơ sở triển khai, áp dụng KPI cấp đơn vị.

Số lượng khách hàng tiếp tục tăng mạnh. Năm 2018, Công ty đã cấp khí cho 06 khách hàng mới, trong đó 04 khách hàng thực hiện ký hợp đồng trong năm 2018.

Sản lượng tiêu thụ khí CNG đạt 164,6 triệu Sm³, tăng 25% so với kế hoạch và tăng 16% so với năm 2017.

Vốn chủ sở hữu của Công ty đạt 537 tỷ đồng, tăng 11,8% so với năm trước.

NĂM 2019

VƯỢT QUA MỘT NĂM GẶP NHIỀU KHÓ KHĂN VÀ THÁCH THỨC DO THIẾU HỤT NGUỒN CUNG VÀ THỊ TRƯỜNG DẦU KHÍ BIẾN ĐỘNG MẠNH. CÔNG TY TIẾP TỤC CÓ BƯỚC PHÁT TRIỂN KHI KÝ HỢP ĐỒNG CẤP KHÍ VỚI 06 KHÁCH HÀNG MỚI.

Sản lượng tiêu thụ khí đạt 192,16 triệu Sm³, vượt 123% so với kế hoạch và tăng 117% so với năm trước. Tổng doanh thu năm 2019 đạt 2.146,74 tỷ đồng, vượt 123% so với kế hoạch, trong đó doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (CNG) đạt 2.130,39 tỷ đồng, vượt 122% kế hoạch. LNTT đạt 107,6 tỷ đồng và LNST đạt 84,4 tỷ đồng, lần lượt tương ứng với 102% và 100% của kế hoạch năm.





Kinh BẢN SẮC



CƠ CẤU QUẢN TRỊ

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	20
Chỉ số tài chính nổi bật năm 2019	22
Chỉ số phát triển bền vững năm 2019	24
Cơ cấu quản trị	26
Giới thiệu Hội đồng Quản trị	28
Giới thiệu Ban Kiểm soát	30
Giới thiệu Ban Giám đốc	32



Bà **NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI**
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

HĐQT ĐÃ LUÔN THEO SÁT CÁC BIẾN ĐỘNG CỦA THỊ TRƯỜNG DẦU KHÍ THẾ GIỚI, TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ TRONG NƯỚC CŨNG NHƯ NGUỒN CẤP KHÍ VÀ DIỄN BIẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA KHÁCH HÀNG, TÌNH HÌNH NỘI TẠI CỦA CÔNG TY ĐỂ ĐƯA RA NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CHỈ ĐẠO PHÙ HỢP VỚI THỰC TẾ.

**Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng,
Đối tác và toàn thể CBCNV CNG Việt Nam,**

Năm 2019 tiếp tục chứng kiến một giai đoạn nhiều xáo trộn, đặc biệt là ảnh hưởng từ cuộc chiến tranh thương mại dai dẳng giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc, cùng các rủi ro địa chính trị khác đẩy kinh tế thế giới rơi vào trầm lắng và nhu cầu suy yếu. Vì vậy, thị trường dầu khí sau khi tăng khá tích cực trong quý 1 đã chuyển sang xu hướng biến động đi ngang ở mức thấp và thiếu động lực tăng trưởng.

Trong khi đó, Công ty cũng chịu áp lực từ nguồn cung cấp khí khi sự cố ngoài ý muốn tại mỏ Thái Bình đã làm nguồn khí đầu vào bị gián đoạn trong 6 tháng đầu năm. Nguồn cấp khí còn chịu ảnh hưởng do phải dồn sản lượng cho hoạt động sản xuất điện trong mùa khô theo chỉ thị từ Bộ Công thương. Giá thành CNG cao hơn LPG cũng khiến nhiều khách hàng chuyển sang sử dụng LPG. Những yếu tố này đã tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2019.

Trong bối cảnh đó, HĐQT đã luôn theo sát các biến động của thị trường dầu khí thế giới, triển vọng kinh tế vĩ mô trong nước cũng như nguồn cấp khí và diễn biến hoạt động kinh doanh của khách hàng, tình hình nội tại của Công ty để đưa ra những định hướng chỉ đạo phù hợp với thực tế. Với quyết tâm, nỗ lực cùng sự đoàn kết một lòng của tập thể Ban lãnh đạo và CBCNV cùng sự hỗ trợ, chỉ đạo sát sao của Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV Gas) và Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PetroVietnam), Công ty đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2019 do ĐHĐCĐ giao phó.

Công ty tiếp tục có bước phát triển khi ký hợp đồng cấp khí với 06 khách hàng mới, sản lượng tiêu thụ khí đạt 192,16

triệu Sm³, vượt 123% so với kế hoạch và tăng 117% so với năm trước. Tổng doanh thu năm 2019 đạt 2.146,74 tỷ đồng, vượt 123% so với kế hoạch, trong đó doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (CNG) đạt 2.130,39 tỷ đồng, vượt 122% kế hoạch. LNTT đạt 107,6 tỷ đồng và LNST đạt 84,4 tỷ đồng, lần lượt tương ứng với 102% và 100% của kế hoạch năm.

Bước qua năm 2020, sau một năm tiếp tục là điểm sáng hiếm hoi trên thế giới có mức tăng trưởng kinh tế vượt bậc, Quốc hội đặt chỉ tiêu tăng trưởng GDP khoảng 6,8%, tốc độ tăng CPI bình quân dưới 4%. Chính phủ sẽ tiếp tục điều hành chính sách tài khóa và tiền tệ linh hoạt để hỗ trợ tâm lý người tiêu dùng và doanh nghiệp. Tuy nhiên, kinh tế toàn cầu vẫn đang đứng trước những rủi ro bất định rất cao, trong đó dịch bệnh COVID-19 lan rộng đã làm đảo lộn nhiều dự báo lạc quan trước đó. Thị trường dầu khí dự báo biến động khó lường khi nhóm OPEC và các đồng minh vẫn bất đồng trong việc cắt giảm sản lượng, trong khi nhu cầu tiêu dùng và hoạt động sản xuất tiếp tục ảm đạm.

Hiện bối cảnh hoạt động của Công ty đã có nhiều thay đổi, nhiều cơ hội mới nhưng cũng không ít thách thức, HĐQT đã thống nhất cùng Ban điều hành thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên sau trong năm 2020: (1) Phối hợp chặt chẽ với PV Gas North và PV Gas D để tiếp nhận thành công mảng kinh doanh CNG; (2) Rà soát, đánh giá toàn diện năng lực sản xuất và kế hoạch kinh doanh trong bối cảnh mới; (3) Đẩy mạnh công tác quảng bá thương hiệu CNG Việt Nam và công tác khách hàng, đặc biệt lưu ý phân tích khả năng thiếu khí trong mùa khô để có phương án kinh doanh phù hợp; (4) Tăng cường công tác đào tạo chuyên

TỔNG DOANH THU NĂM 2019

2.146,74

TỶ ĐỒNG

Vượt 123% so với kế hoạch

sâu nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý cho CBCNV; (5) Tăng cường công tác quản trị tài chính, tiết kiệm chi phí, quản lý công nợ.

Với tinh thần **“Vượt qua thách thức”**, HĐQT cam kết cùng Ban điều hành và tập thể CBCNV đồng lòng, quyết tâm hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ ĐHĐCĐ đã giao phó.

Thay mặt HĐQT, tôi xin gửi lời cảm ơn đến Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PetroVietnam), Tổng Công ty Khí Việt Nam (PV Gas), Cơ quan chính quyền, Quý Cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể CBCNV đã luôn ủng hộ, đồng hành cùng CNG Việt Nam trong thời gian qua.

Trân trọng.

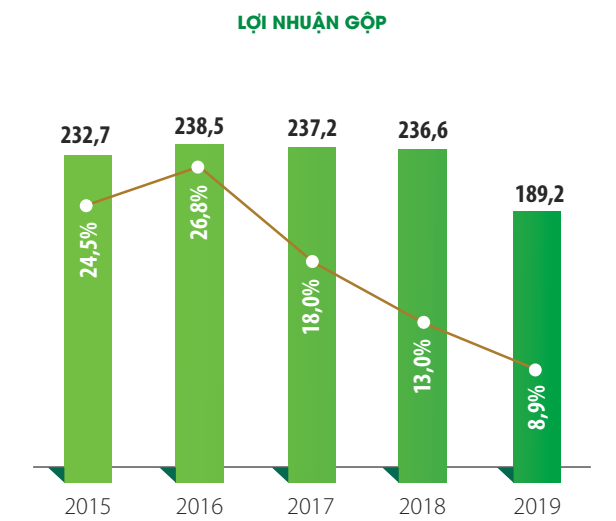
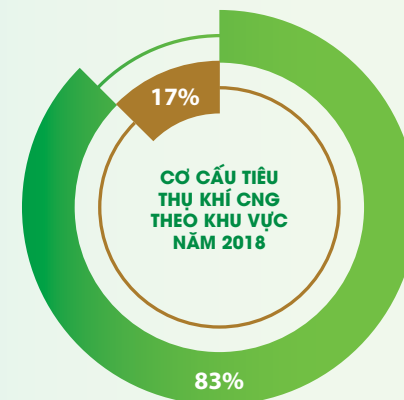
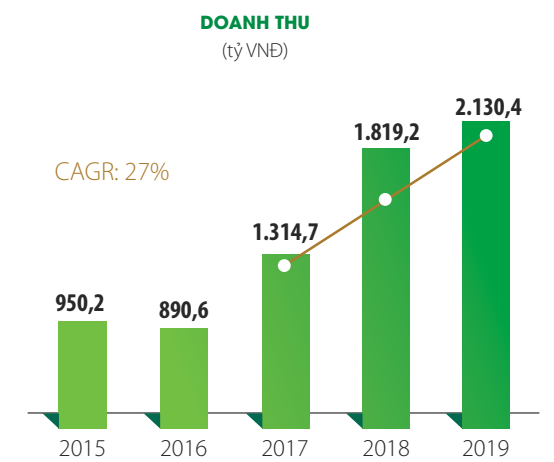
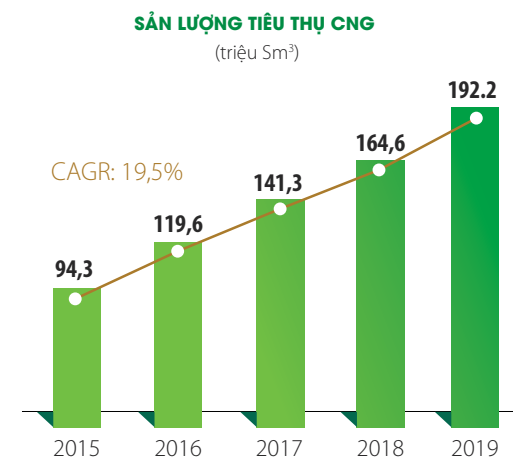
NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

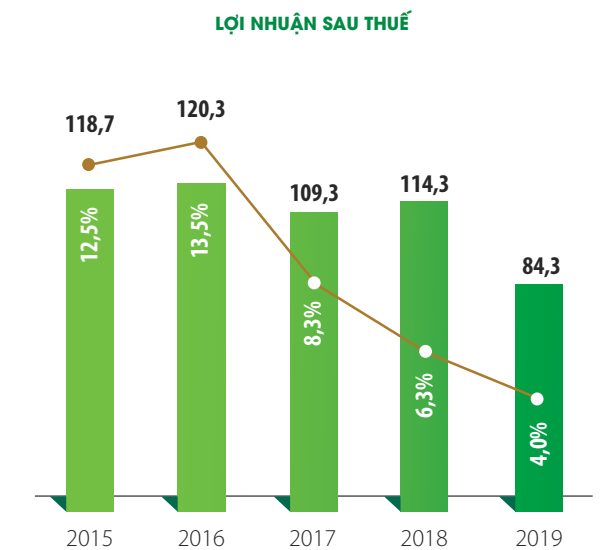
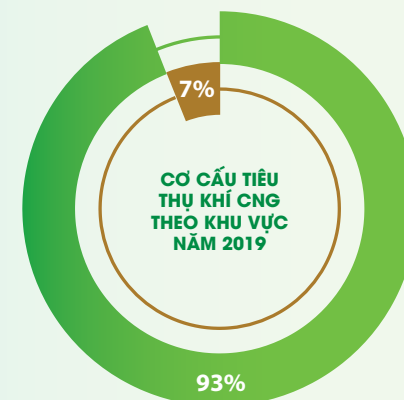
STT	Các chỉ tiêu chính	ĐVT	Năm 2019		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
I	Tổng sản lượng CNG	Triệu Sm ³	156,00	192,16	123%
II	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.746,88	2.146,74	123%
1	Doanh thu bán CNG	Tỷ đồng	1.739,88	2.130,39	122%
2	Doanh thu tài chính và khác	Tỷ đồng	7,00	16,35	234%
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	105,56	107,61	102%
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	84,44	84,35	100%



Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018	2019
Hoạt động kinh doanh					
Sản lượng tiêu thụ (Triệu Sm ³)	94,3	119,6	141,3	164,6	192,2
Kết quả hoạt động kinh doanh (Tỷ đồng)					
Doanh thu	950,2	890,6	1.314,7	1.819,2	2.130,4
Lợi nhuận gộp	232,7	238,5	237,2	236,6	189,2
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	146,2	150,5	142,3	138,6	104,9
Lợi nhuận trước thuế	145,1	147,7	142,4	145,2	107,6
Lợi nhuận sau thuế	118,7	120,3	109,3	114,3	84,3
Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)					
Tổng tài sản	643,8	649,9	730,0	835,5	838,6
Vốn chủ sở hữu	398,7	464,6	480,6	537,3	542,9
Vốn điều lệ	270,0	270,0	270,0	270,0	270,0
Hiệu quả hoạt động					
Thu nhập trên tài sản bình quân (ROAA)	18,5%	18,6%	15,8%	14,6%	15,9%
Thu nhập trên vốn cổ phần bình quân (ROEA)	28,6%	27,9%	23,1%	22,9%	10,1%
Chỉ tiêu cổ phiếu					
Số lượng cổ phiếu lưu hành (Triệu cp)	27	27	27	27	27
Lãi cơ bản của 1 cổ phiếu (Đồng)	3.942	3.854	3.560	3.652	2.620
Giá trị sổ sách của 1 cổ phiếu (Đồng)	14.760	17.207	17.801	19.854	20.106
Cổ tức (%)	30	30	15	15	25
Giá cuối năm (Đồng)	31.400	40.800	31.900	26.000	25.000
Vốn hoá thị trường (Tỷ đồng)	847,8	1.101,5	831,6	702,0	675,0



● Miền Nam ● Miền Bắc



● Miền Nam ● Miền Bắc



TỔNG GIÁ TRỊ
KINH TẾ PHÂN PHỐI

2.108,0

TỶ ĐỒNG

NỢP NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC

40,2

TỶ ĐỒNG

ĐÓNG GÓP CHO
CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

0,8

TỶ ĐỒNG

LAO ĐỘNG NỮ/TỔNG
SỐ LAO ĐỘNG

22%

LÃNH ĐẠO
CẤP CAO LÀ NỮ

19%

(9/47)

TỔNG GIÁ TRỊ
KINH TẾ TẠO LẬP

2.146,7

TỶ ĐỒNG

CỔ TỨC TIỀN MẶT
CHI TRẢ TRONG NĂM 2019

67,5

(25%) TỶ ĐỒNG

SỐ LƯỢNG
CBNV NĂM 2019

258

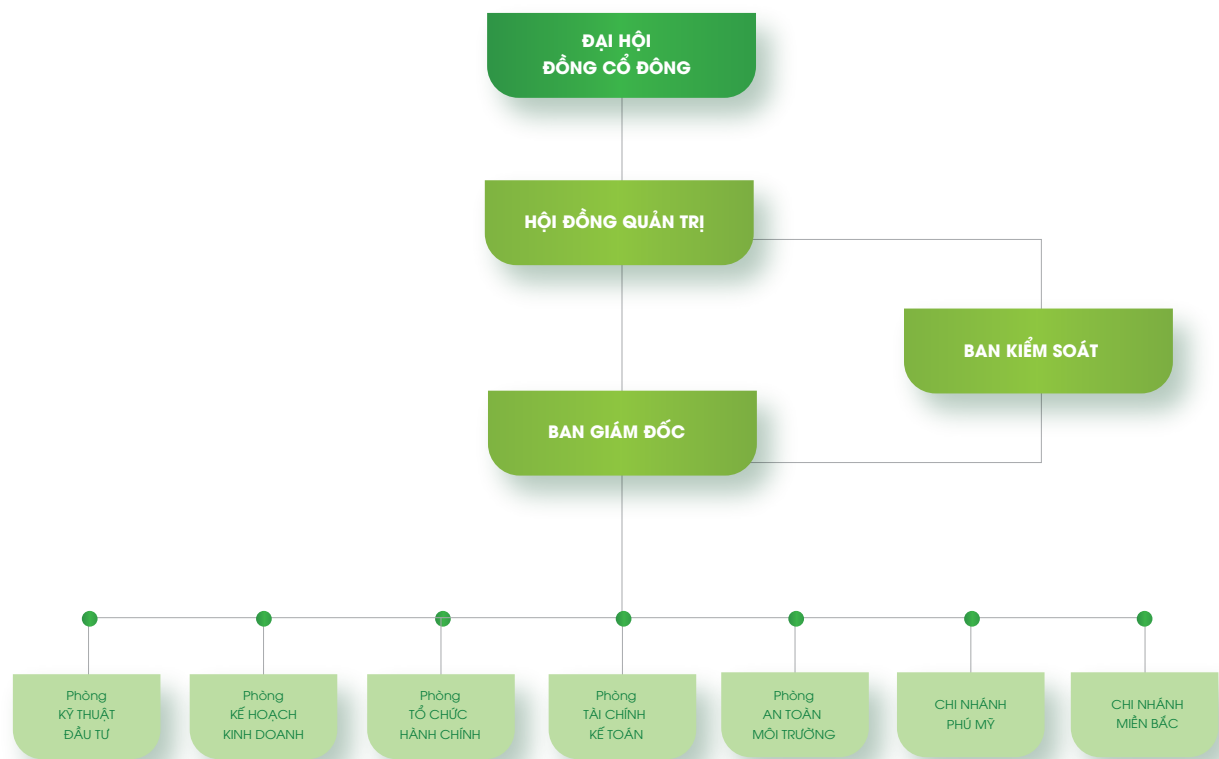
NGƯỜI

LƯƠNG THƯỞNG
& PHÚC LỢI CHO CBNV

58,8

TỶ ĐỒNG





ĐỂ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY HIỆU QUẢ THÌ CƠ CẤU QUẢN TRỊ CÔNG TY CẦN PHẢI QUY ĐỊNH RÕ VIỆC PHÂN CHIA QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM GIỮA CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA KHÁC NHAU TRONG CÔNG TY VÀ ĐẶT RA CÁC NGUYÊN TẮC VÀ THỦ TỤC CHO VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH. CNG VIỆT NAM HIỆN ĐANG HOẠT ĐỘNG VỚI MÔ HÌNH CTCP VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC TRỰC TUYẾN CHỨC NĂNG GIÚP CÔNG TY ĐẢM BẢO VẬN HÀNH HIỆU QUẢ CÙNG VỚI BỘ MÁY VÀ NHÂN SỰ TINH GỌN. ĐỒNG THỜI, ĐIỀU NÀY CŨNG GIÚP CÔNG TY TIỆM CẬN VỚI CÁC THÔNG LỆ QUẢN TRỊ TỐT NHẤT TRÊN THẾ GIỚI.

CƠ CẤU QUẢN TRỊ TẠI CNG VIỆT NAM

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: Không.

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn theo luật pháp và Điều lệ tổ chức hoạt động của CNG Việt Nam. ĐHĐCĐ là cơ quan thông qua chủ trương chính sách đầu tư phát triển của Công ty, quyết định cơ cấu vốn, thông qua phương án sản xuất kinh doanh, quyết định bộ máy tổ chức quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ tất cả những vấn đề quản lý của Công ty theo Điều lệ, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và tuân thủ pháp luật.

BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát được bầu bởi ĐHĐCĐ để thay mặt cổ đông kiểm tra, kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty trong việc chấp hành tuân thủ Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc có trách nhiệm quản lý và điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật Nhà nước, các quy định của ngành, điều lệ, quy chế, quy định của Công ty. Giám đốc là người đại diện cho Công ty trước pháp luật.

PHÒNG KỸ THUẬT - ĐẦU TƯ

Phòng Kỹ thuật – Đầu tư là phòng tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty, có chức năng: (1) Tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc trong lĩnh vực đầu tư – xây dựng và kỹ thuật; (2) Quản lý, điều hành và tổ chức triển khai các hoạt động khoa học – công nghệ, chất lượng, kỹ thuật vào sản xuất của Công ty; (3) Xây dựng chiến lược, quản lý công tác đầu tư – xây dựng và tổ chức thực hiện; (4) Quản lý cơ sở vật chất, tài sản, đất đai.

PHÒNG KẾ HOẠCH - KINH DOANH

Phòng Kế hoạch - Kinh doanh là phòng tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty có chức năng: (1) Tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc xây dựng chiến lược, liên doanh, liên kết trong lĩnh vực kinh doanh sản phẩm khí (CNG, LNG...) của Công ty; (2) Quản lý và phát triển công tác kinh doanh sản phẩm khí theo chiến lược kinh doanh đã đề ra; (3) Quản lý các hợp đồng trong lĩnh vực mua bán sản phẩm khí và các hợp đồng liên quan khác; (4) Nghiên cứu, dự báo giá và đánh giá chính sách kinh doanh hàng hóa của sản phẩm trong nước, khu vực và thế giới; (5) Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

PHÒNG TỔ CHỨC - HÀNH CHÍNH

Phòng Tổ chức – Hành chính là phòng tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty có chức năng: (1) Tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc quản lý công tác tổ chức cán bộ, nhân sự; công tác đào tạo, tiền lương, chế độ chính sách và công tác thi đua khen thưởng – kỷ luật trong toàn Công ty; (2) Quản lý thiết bị văn phòng; công tác văn thư lưu trữ, bảo mật và thông tin liên lạc; (3) Nghiên cứu, đề xuất và tổ chức triển khai các phương án hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Công ty phù hợp với mục tiêu phát triển của Công ty và yêu cầu sản xuất kinh doanh...

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Phòng Tài chính – Kế toán là phòng tổng hợp thuộc bộ máy điều hành Công ty có chức năng: (1) Tham mưu giúp việc cho Ban Giám đốc khai thác, sử dụng có hiệu quả và phát triển nguồn vốn và tài sản của Công ty; (2) Quản lý, điều hành các hoạt động tài chính trong toàn Công ty; (3) Quản lý và đảm bảo công tác kế toán, thống kê tuân thủ hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, Luật Kế toán, Luật Thống kê, Luật Thuế và các chế độ quản lý tài chính, kế toán hiện hành của Nhà nước và Công ty; (4) Xây dựng, đề trình quy chế tài chính và bảo vệ kế hoạch tài chính tổng hợp của Công ty; (5) Định kỳ lập báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch tài chính được giao



theo quy định; (6) Phối hợp với các Phòng khác thuộc Công ty theo sự phân công của Ban Giám đốc trong việc chuẩn bị, đàm phán ký kết và thực hiện hợp đồng với đối tác chịu trách nhiệm rà soát các điều khoản liên quan đến tài chính, kế toán...

PHÒNG AN TOÀN - MÔI TRƯỜNG

Phòng An toàn – Môi trường có chức năng: (1) Quản lý và điều hành công tác an toàn, phòng cháy chữa cháy, bảo hộ lao động và công tác môi trường; (2) Xây dựng và duy trì hệ thống quản lý an toàn, chất lượng, môi trường đảm bảo an toàn cho con người, tài sản và môi trường trong các hoạt động của Công ty.

CHI NHÁNH PHÚ MỸ

Chi nhánh Phú Mỹ thuộc bộ máy điều hành của Công ty, trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, vận chuyển các sản phẩm khí CNG. Chức năng của Chi nhánh Phú Mỹ bao gồm: (1) Tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong quản lý và điều hành hoạt động sản xuất, vận chuyển sản phẩm khí CNG theo kế hoạch sản xuất đã được phê duyệt, đảm bảo an toàn, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ khí CNG của các khách hàng; theo dõi, tính toán và báo cáo số liệu về cho Ban Giám đốc và các bộ phận có liên quan (2) Quản lý, theo dõi, bảo dưỡng sửa chữa định kỳ (hàng ngày, hàng tháng) hoặc đột xuất cho các thiết bị thuộc Chi nhánh Phú Mỹ được Công ty giao; (3) Tổ chức thực hiện công tác an toàn – sức khỏe – môi trường, PCCC và ứng cứu sự cố khẩn cấp cho hệ thống sản xuất, vận chuyển khí.

CHI NHÁNH MIỀN BẮC

Chi nhánh Miền Bắc là đơn vị hạch toán phụ thuộc theo Quy chế tài chính của Chi nhánh được HĐQT phê duyệt và Quy chế tài chính của Công ty, được tự chủ trong sản xuất và kinh doanh theo sự phân cấp của Công ty và chịu sự ràng buộc về nghĩa vụ và quyền lợi đối với Công ty trong phạm vi số vốn và tài sản được Công ty giao cho Chi nhánh quản lý khai thác và sử dụng.



HĐQT CỦA CNG VIỆT NAM HOẠT ĐỘNG VỚI 01 CHỦ TỊCH HĐQT VÀ 04 THÀNH VIÊN, TRONG ĐÓ 01 THÀNH VIÊN KIỂM NHIỆM GIÁM ĐỐC, 02 THÀNH VIÊN CHUYÊN TRÁCH VÀ 01 THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP. TRONG NĂM 2019, 01 THÀNH VIÊN HĐQT CHUYÊN TRÁCH ĐÃ ĐƯỢC BẦU ĐỂ THAY THẾ CHO THÀNH VIÊN HĐQT CÓ KIỂM NHIỆM CHỨC VỤ PHÓ GIÁM ĐỐC, ĐỂ ĐẢM BẢO TÍNH ĐỘC LẬP CỦA HĐQT VÀ TUÂN THỦ CÁC CHUẨN MỰC TỐT NHẤT VỀ QTCT.

VỚI QUY MÔ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH HIỆN TẠI CỦA CÔNG TY, HĐQT NHẬN THẤY CHƯA CẦN THIẾT PHẢI THÀNH LẬP CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC. THAY VÀO ĐÓ, CÁC THÀNH VIÊN HĐQT KHI THẤY CẦN THIẾT SẼ TỔ CHỨC CÁC BUỔI HỌP CHUYÊN ĐỀ CỤ THỂ ĐỂ TRAO ĐỔI CÁC VẤN ĐỀ TRONG THẨM QUYỀN, ĐỂ RA GIẢI PHÁP VÀ ĐỊNH HƯỚNG MỘT CÁCH HIỆU QUẢ.



Ông **VŨ VĂN THỰC**
Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Năm sinh: 1976
Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Xây dựng cầu đường

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:
4.680.000 (18,00%)

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0

Bà **NGUYỄN THỊ HỒNG HẢI**
Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1973
Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Tài chính – Ngân hàng,
Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển,
Cử nhân Kế toán – Kiểm toán

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:
4.680.000 (18,00%)
Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



Ông **PHẠM ĐÌNH ĐẠT**
Thành viên HĐQT chuyên trách

Năm sinh: 1962
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân kinh tế

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:
2.700.000 (10,00%)

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0

Bà **LÊ THỊ THU GIANG**
Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1973
Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ QTKD, Cử nhân Tài chính – Kế toán

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas: 0

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 625 (0,002%)



Ông **BÙI TƯỜNG ĐỊNH**
Thành viên HĐQT chuyên trách

Năm sinh: 1970
Trình độ chuyên môn:
Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh,
Kỹ sư Cơ khí động lực

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:
2.700.000 (10,00%)

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



Bà **NGUYỄN THỊ KIM YẾN**
Kiểm soát viên

Năm sinh: 1972
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành
Kế toán - Kiểm toán

Cổ phần đại diện sở hữu: 0

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



Bà **PHAN THỊ KIM THOA**
Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1967
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Kế
toán doanh nghiệp

Cổ phần đại diện sở hữu: 0

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



Ông **NGUYỄN QUANG BÁ**
Kiểm soát viên

Năm sinh: 1985
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Tài chính - Kế toán

Cổ phần đại diện sở hữu: 0

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0





Ông **BUI VĂN ĐẢN**
Phó Giám đốc

Năm sinh: 1965
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ
Dầu khí, Cử nhân Anh văn

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 6



Ông **VŨ VĂN THỰC**
Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Năm sinh: 1976
Trình độ chuyên môn:
Kỹ sư Xây dựng cầu đường

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0

Cổ phần đại diện sở hữu cho PVGas:
4.680.000 (18,00%)



Ông **TRẦN QUANG ĐẢN**
Phó Giám đốc

Năm sinh: 1963
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Máy xây dựng,
Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 762



Ông **NGUYỄN NGUYÊN VŨ**
Phó Giám đốc

Năm sinh: 1971
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị
Kinh tế, Cử nhân Anh văn

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 4



Ông **TRƯƠNG MẠNH THẮNG**
Phó Giám đốc

Năm sinh: 1975
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



Ông **NGUYỄN MẠNH HÙNG**
Kế toán trưởng

Năm sinh: 1984
Trình độ chuyên môn:
Cử nhân Tài chính - Ngân hàng

Cổ phần nắm giữ cá nhân: 0



BỀN SỨC MẠNH

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN VÀ GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN



Bối cảnh vĩ mô và ngành khí thiên nhiên	36
Sức mạnh cạnh tranh của CNG Việt Nam	37
Chiến lược kinh doanh giai đoạn đến 2025	38
Gắn kết các bên liên quan trong Chiến lược hoạt động	40
Quản trị rủi ro	44



TRIỂN VỌNG KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

Năm 2019, kinh tế thế giới bị bao phủ mây đen từ cuộc chiến thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc, khiến tốc độ tăng trưởng trì trệ và niềm tin kinh doanh sụt giảm nghiêm trọng. Bên cạnh đó là những bất ổn từ việc thỏa thuận Brexit bị kéo dài dai dẳng, căng thẳng địa chính trị ở nhiều khu vực như Trung Đông, bán đảo Triều Tiên,... Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) ước tính tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2019 chỉ ở mức 3%, đồng thời cảnh báo kinh tế toàn cầu đang tăng trưởng với tốc độ yếu nhất kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008.

Sau khi Mỹ-Trung đạt được Thỏa thuận thương mại giai đoạn 1, nhiều người kỳ vọng hai nước sẽ tiếp tục xúc tiến giai đoạn 2 và kinh tế thế giới sẽ sang trang mới. IMF dự báo kinh tế toàn cầu đạt mức tăng trưởng ở mức 3,4% trong năm 2020, cao hơn chút ít so với 2019. Tuy nhiên, mức độ rủi ro và bất định toàn cầu vẫn còn ở mức cao khi ngay từ đầu năm, tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp đã làm đảo lộn hoạt động sản xuất và kinh tế toàn cầu, khiến nguy cơ suy thoái tăng lên mức cao.

Trong bối cảnh thế giới bất ổn, kinh tế Việt Nam tiếp tục có một năm khởi sắc. Triển vọng kinh tế trong nước lạc quan và làn sóng dịch chuyển hoạt động đầu tư ra khỏi Trung Quốc đã khiến nguồn vốn FDI vào Việt Nam tăng mạnh trong năm qua. Đây sẽ là yếu tố hỗ trợ mạnh mẽ cho hoạt động SXKD của CNG Việt Nam trong những năm tới.

THỊ TRƯỜNG KHÍ THIÊN NHIÊN: CƠ HỘI XEN LẤN THÁCH THỨC

Thị trường dầu khí năm 2019 tiếp tục âm ảm khi mà nhu cầu không có nhiều động lực tăng trưởng. Sau khi tăng khá tích cực trong quý 1, giá dầu Brent gần như đi ngang trong biên độ hẹp và đạt mức giá bình quân khoảng 64 USD/thùng. Năm 2020, với động thái cắt giảm sản lượng từ nhóm OPEC và các nước đồng minh cho đến hết tháng 3/2020, giá dầu kỳ vọng được duy trì ở mức cao. Tuy nhiên, diễn biến của thời gian sau đó có vẻ rất khó đoán khi các nước khó tìm thấy thêm thỏa thuận; trong khi dịch bệnh COVID-19 khiến nhu cầu co hẹp mạnh trên toàn cầu.

Trong nước, trữ lượng dầu khí dự kiến tiếp tục sụt giảm do yếu tố tự nhiên và hoạt động đầu tư khai thác mới chững lại. Nguồn cấp khí cũng bị san sẻ với hoạt động sản xuất điện gây khó khăn cho hoạt động SXKD của Công ty. Bên cạnh nguồn khí từ các dự án như Sư Tử Trắng giai đoạn 2, Lô B, Cá Voi Xanh, Sao Vàng – Đại Nguyệt, Việt Nam dự kiến sẽ nhập khẩu LNG trong tương lai gần. Ngoài ra, quy định mới của Tổ chức Hàng hải Quốc tế (IMO) đang kéo giảm giá dầu nhiên liệu chứa lưu huỳnh cao (HSFO), vốn sẽ ảnh hưởng đến giá dầu tham chiếu trong công thức tính giá khí của CNG Việt Nam.

Về khía cạnh tích cực, Công ty vẫn đang nhìn thấy triển vọng từ hoạt động sản xuất công nghiệp sôi động, đặc biệt trước làn sóng dịch chuyển vốn đầu tư ra khỏi Trung Quốc. Đồng thời, nhu cầu khí thiên nhiên cho hoạt động vận tải công cộng cũng đang tăng lên khá mạnh.



LỢI THẾ CẠNH TRANH TỪ SẢN PHẨM CNG: Là nhiên liệu cho hiệu suất cao, giúp tăng tuổi thọ máy móc, thiết bị; thân thiện môi trường; hiệu quả kinh tế, tiết kiệm chi phí hơn hẳn nhiên liệu truyền thống; và an toàn hơn trong vận hành sản xuất.



CÓ UY TÍN VÀ THƯƠNG HIỆU TRÊN THỊ TRƯỜNG và luôn nhận được sự ủng hộ của khách hàng. Hệ thống khách hàng ổn định đa dạng, tập trung lại các khu vực kinh doanh trọng điểm của Công ty như: Bình Dương, Bà Rịa- Vũng Tàu, Long An, Thái Bình...



CỞ SỞ HẠ TẦNG VÀ CÔNG NGHỆ: Công suất nhà máy đạt hơn 185 triệu Sm³/năm đảm bảo cấp khí cho khách ổn định, hệ thống PRU trải rộng khắp các KCN. Công ty cũng đã làm chủ công nghệ CNG và đang đẩy mạnh nghiên cứu, hướng tới tiên phong trong công nghệ LNG.



NHÂN SỰ VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP: Nhân sự lãnh đạo quản lý cấp cao có trình độ và tầm nhìn quản lý doanh nghiệp, CBCNV năng động, sáng tạo và chủ động công việc; Tạo lập được văn hóa doanh nghiệp, tập hợp được sức mạnh tập thể đoàn kết hướng tới mục tiêu chung của toàn Công ty.



MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN: Luôn nhận được sự chia sẻ, hỗ trợ của Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas) và các đơn vị thành viên, các đơn vị trong và ngoài ngành.





TÂM NHÌN

Xây dựng và phát triển Công ty Cổ phần CNG Việt Nam bền vững, trở thành nhà cung cấp CNG, LNG hàng đầu tại Việt Nam, đi đầu trong lĩnh vực công nghệ và dẫn đầu về thị phần CNG, LNG trên thị trường.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

Xây dựng CNG Việt Nam trở thành một doanh nghiệp có thương hiệu mạnh, phạm vi hoạt động khắp cả nước.

Phát triển CNG Việt Nam theo hướng đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, lấy trọng tâm là sản xuất kinh doanh khí CNG, LNG.

Đào tạo đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn vững, kỹ thuật cao, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ cao của CNG, LNG.



BAO PHỦ THỊ TRƯỜNG CNG/LNG TOÀN QUỐC; VÀ NHANH CHÓNG CHIẾM LĨNH THỊ PHẦN LNG

Chiến lược chung là tiếp tục phát triển CNG đến năm 2022, sau đó duy trì giữ ổn định khách hàng CNG, từ 2023 triển khai phát triển khách hàng sử dụng LNG (hoặc triển khai sớm hơn tùy theo tiến độ nhập khẩu LNG của Tổng Công ty) để nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần.

Hiện CNG Việt Nam đang chiếm khoảng 44,5% thị phần trên cả nước, dẫn đầu thị trường phân phối CNG. Dự kiến từ năm 2020 theo mô hình tập trung kinh doanh sản phẩm khí, CNG Việt Nam sẽ mở rộng thị trường và sản lượng tiêu thụ khí CNG trên cả nước.

Để thực mục tiêu đó, Công ty chủ trương:

- Đa dạng hóa khách hàng nhằm đảm bảo sự ổn định và giảm phụ thuộc vào một ngành sản xuất nhất định.

- Đa dạng hóa phương thức bán hàng như bán CNG/LNG tại trạm mẹ, bán qua các Nhà phân phối/Đại lý và các hình thức hợp tác kinh doanh khác.
- Đa dạng hóa phương thức đầu tư: khách hàng tự đầu tư hệ thống thiết bị, phương tiện vận chuyển hoặc hợp tác đầu tư với CNG Việt Nam.
- Đa dạng hóa đối tác: hợp tác các đối tác có tiềm lực sản xuất, vận hành hệ thống thiết bị chuyên dụng CNG/LNG, đối tác vận chuyển, dịch vụ cung cấp nhân sự,...
- Nhận chuyển giao các giao dịch, các hợp đồng, tài sản của các đơn vị trong ngành theo mô hình tập trung kinh doanh sản phẩm khí của Tổng công ty Khí Việt Nam.

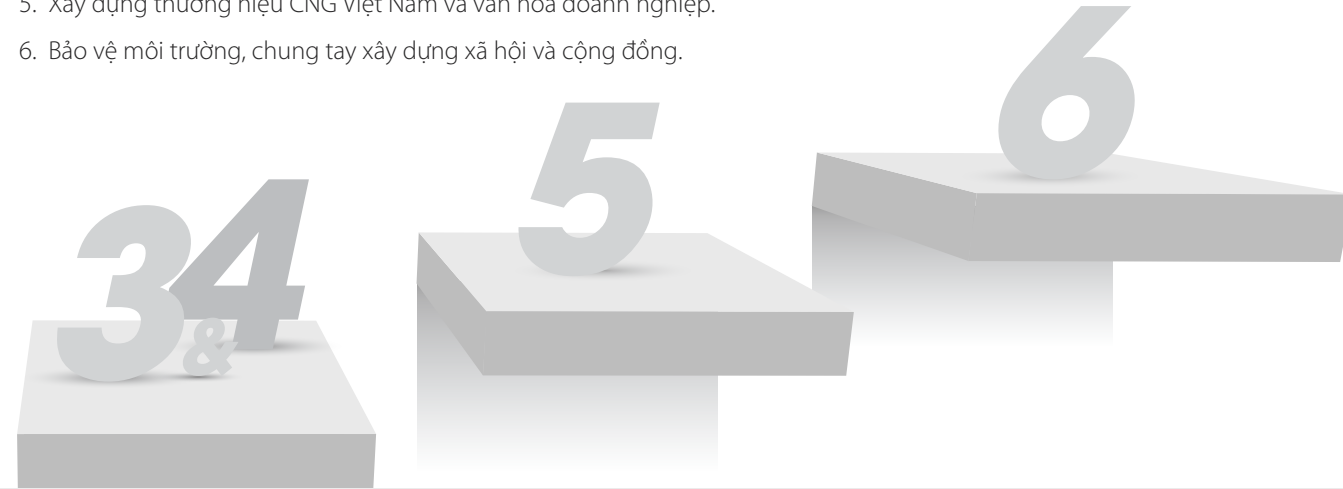
NÂNG CAO NĂNG LỰC SẢN XUẤT, TỒN CHỨA CNG, LNG

Hiện nay, khả năng mở rộng công suất tại Nhà máy Phú Mỹ không còn nhiều. Vì vậy, để phục vụ các mục tiêu chiến lược, Công ty cần đầu tư hoặc thuê nhằm nâng cao năng lực cung ứng, nâng công suất nén, vận chuyển phân phối đến khách hàng. Cụ thể:

- Giai đoạn 2020 đến 2021 nâng công suất lên 200 triệu Sm³/năm, phát triển thị trường LNG miền Bắc và đầu tư hệ thống xe bồn chuyên dụng vận chuyển LNG.
- Giai đoạn 2023 trở đi phát triển thị trường LNG Miền Nam và Miền Trung, xây dựng các bồn chứa tại khách hàng đồng thời đầu tư xe bồn chuyên dụng vận chuyển LNG.

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC ƯU TIÊN

1. Bao phủ thị trường CNG/LNG toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần LNG.
2. Nâng cao năng lực sản xuất, tồn chứa CNG, LNG.
3. Hoàn thiện chuỗi vận chuyển, phân phối, vận hành.
4. Tiên phong công nghệ tồn chứa, vận chuyển, phân phối LNG.
5. Xây dựng thương hiệu CNG Việt Nam và văn hóa doanh nghiệp.
6. Bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.



HOÀN THIỆN CHUỖI VẬN CHUYỂN, PHÂN PHỐI, VẬN HÀNH, TIÊN PHONG CÔNG NGHỆ TỒN CHỨA, VẬN CHUYỂN, PHÂN PHỐI LNG

Công ty tiếp tục tinh gọn bộ máy nhân sự, xây dựng hoàn chỉnh cơ cấu các phòng, Chi nhánh, đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu ngày càng lớn mạnh của Công ty. Nghiên cứu hệ thống thiết bị cung cấp LNG để đón đầu phát triển thị trường. Nghiên cứu sâu công tác nén, bảo dưỡng, điều độ vận chuyển nhằm rút ngắn thời gian vận chuyển đến khách hàng an toàn, ổn định. Xây dựng cơ sở hạ tầng nhà máy LNG/CNG hiện đại, đồng bộ đáp ứng nhu cầu thị trường.

XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU CNG VIỆT NAM VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Xây dựng và phát triển thương hiệu CNG Việt Nam trở thành thương hiệu uy tín, chất lượng và phổ biến. Đưa thương hiệu CNG Việt Nam ăn sâu vào tiềm thức các khách hàng tiêu thụ nhiên liệu và các nhà đầu tư. Đưa văn hóa doanh nghiệp, văn hóa an toàn thấm nhuần tới từng CBCNV.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, CHUNG TAY XÂY DỰNG XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Công ty đảm bảo mục tiêu luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật và Nhà nước về bảo vệ môi trường. Sử dụng công nghệ tiên tiến, xanh, sạch, thân thiện với môi trường, với mục tiêu hiệu quả, tiết kiệm và giảm thiểu tác động đến môi trường. Xử lý, vận chuyển và thu xếp việc xả thải an toàn các nguyên liệu, sản phẩm và chất thải một cách có trách nhiệm với môi trường.

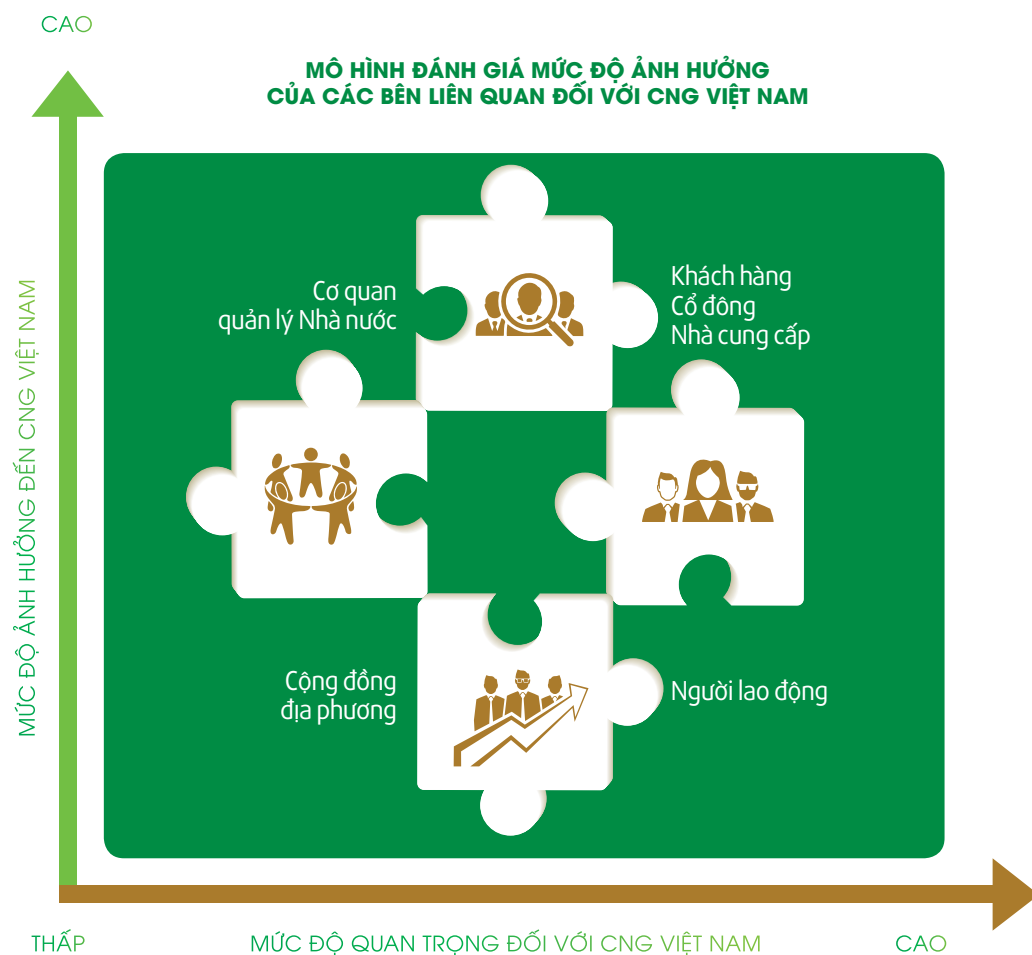




GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG

LÀ CÔNG TY HÀNG ĐẦU TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI KHÍ THIÊN NHIÊN, CỤ THỂ LÀ CNG, CÔNG TY CÓ MỐI QUAN HỆ MẬT THIẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN TỪ ĐẦU VÀO ĐẾN ĐẦU RA VÀ VỚI CỘNG ĐỒNG - XÃ HỘI. ĐẶT TRONG BỐI CẢNH KINH DOANH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DÀI HẠN, CNG VIỆT NAM LUÔN XEM CÁC BÊN LIÊN QUAN LÀ NHỮNG ĐỐI TÁC QUAN TRỌNG BẬC NHẤT VÀ ẢNH HƯỞNG MẠNH MẼ ĐẾN HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA CÔNG TY TRÊN CÁC MẶT KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG.

Xác định được điều đó, CNG Việt Nam đã xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan, thường xuyên tham vấn để thu thập thông tin nhằm đáp ứng kỳ vọng của họ, phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. CNG Việt Nam xác định các bên liên quan dựa vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với Công ty bao gồm: **Khách hàng, Cổ đông/Nhà đầu tư, Nhà cung cấp, Người lao động, Cơ quan quản lý Nhà nước, và Cộng đồng địa phương**, dựa trên “Mô hình đánh giá mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan” bên dưới.



KỶ VỌNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU TRONG HDSXKD

Căn cứ vào việc tương tác và tham vấn với các bên liên quan, CNG Việt Nam có thể xác định được các vấn đề mà họ quan tâm và kỳ vọng. Việc tham vấn cũng giúp Công ty xác định được lĩnh vực cần phải tập trung để đáp ứng sự quan tâm, kỳ vọng đó đồng thời phục vụ cho các định hướng mục tiêu chiến lược.

BÊN LIÊN QUAN	KÊNH THAM VẤN	MỐI QUAN TÂM VÀ KỶ VỌNG	GẮN KẾT VỚI MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG TRONG BCTN
KHÁCH HÀNG	Thiết lập cơ chế duy trì mối liên hệ, đối thoại thường xuyên và định kỳ thông qua quy trình “Bán khí và chăm sóc khách hàng”.	Giá khí, chất lượng dịch vụ khách hàng, cơ chế giải quyết khiếu nại.	(1) Bao phủ thị trường CNG/LNG toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần LNG.	Báo cáo của Ban Giám đốc
	Hàng năm, Công ty khảo sát ý kiến, sự hài lòng của khách hàng thông qua “Phiếu thăm dò ý kiến”.	An toàn trong vận hành và vận chuyển CNG, môi trường.	Tài chính vững mạnh, hoạt động ổn định liên tục.	Hệ thống quản lý tích hợp AT-CL-MT
CỔ ĐÔNG/NHÀ ĐẦU TƯ	Hàng quý, Công ty cũng tập hợp ý kiến phản hồi của khách hàng để trình Ban Lãnh đạo có phương án xử lý, chỉ đạo tích cực, kịp thời.	Phản hồi và trao đổi qua đường dây nóng hoặc email.	Thành tích của Công ty trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, xã hội và môi trường.	Báo cáo của Hội đồng Quản trị
	Hàng tháng, nếu thị trường nhiên liệu (giá FO, LPG) có biến động, Công ty sẽ gặp gỡ trực tiếp với khách hàng để đối thoại, đàm phán giá bán.	Giao lưu văn hóa – thể thao với khách hàng.	Hoạt động quan hệ nhà đầu tư, công bố thông tin.	(1) Bao phủ thị trường CNG/LNG toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần LNG.
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.	Tiếp nhà đầu tư thông qua điện thoại, đàm thoại.	(5) Xây dựng thương hiệu CNG Việt Nam và văn hóa doanh nghiệp.	Phân tích tài chính
	Viếng thăm Công ty, nhà máy.	Giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư qua hình thức email.	Tham gia hội thảo đầu tư do các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư tổ chức.	
NGƯỜI LAO ĐỘNG	Tiếp nhận phản hồi qua website.	Báo cáo thường niên, Báo cáo phân tích của công ty chứng khoán, quỹ đầu tư.		
	Công bố thông tin theo quy định.			



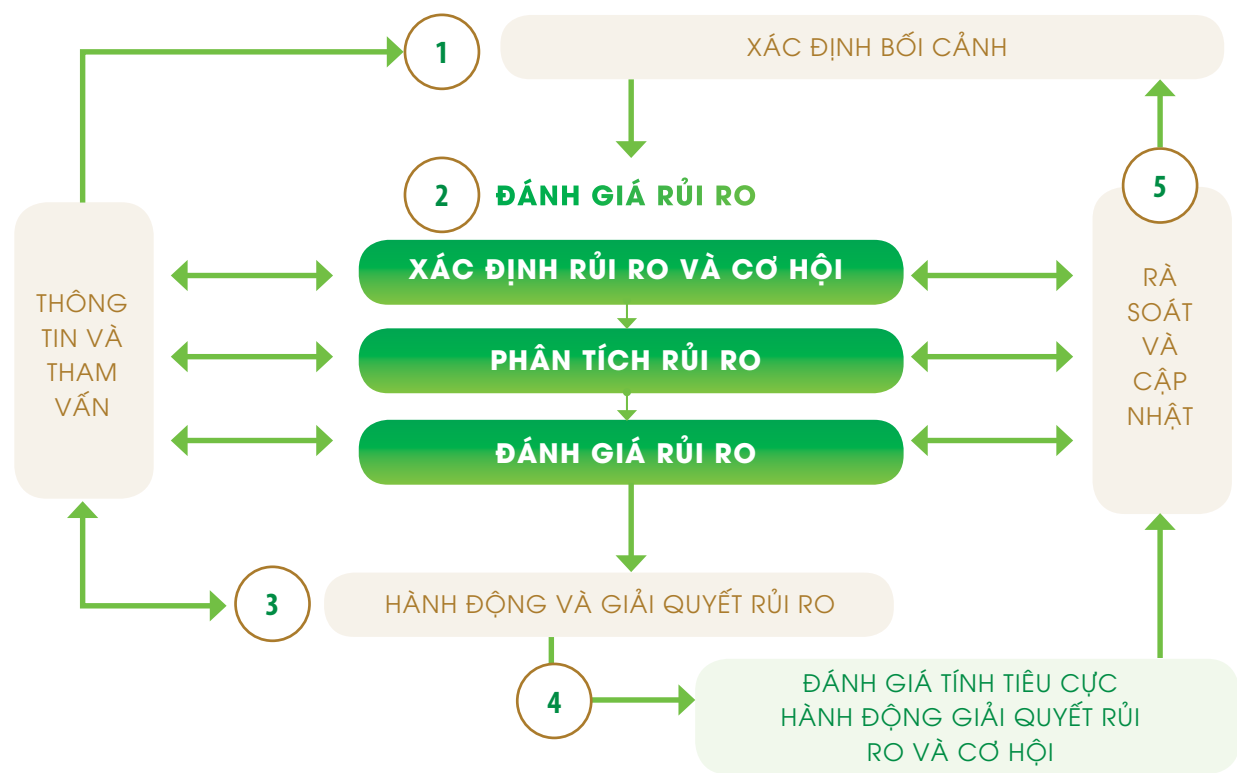
GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

BÊN LIÊN QUAN	KÊNH THAM VẤN	MỐI QUAN TÂM VÀ KỶ VỌNG	GẮN KẾT VỚI MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG TRONG BCTN
NHÀ CUNG CẤP	<p>PVGas là công ty mẹ và cũng là nhà cung cấp khí CNG duy nhất. Ngoài ra, CNG Việt Nam còn có các nhà cung cấp khác như: cung cấp thiết bị, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ bảo trì-bảo dưỡng...</p> <p>Công ty duy trì cơ chế tiếp xúc, đàm phán về nguồn cung khí CNG cũng như giá đầu vào để đảm bảo sự ổn định liên tục của nguồn cung và hạn chế rủi ro giá khí đầu vào.</p> <p>Tìm kiếm và đánh giá chi tiết chất lượng của các nhà cung cấp trang thiết bị, dịch vụ... trong và ngoài nước để đảm bảo an toàn, hiệu quả, bền vững, dựa trên các hoạt động đầu thầu và quy chế mua sắm trang thiết bị của Công ty.</p> <p>Giao lưu văn hóa – thể thao với nhà cung cấp.</p>	<p>Giá bán khí đầu vào và các sản phẩm, dịch vụ khác.</p> <p>Khả năng thanh toán hợp đồng cung cấp.</p> <p>Hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả bền vững.</p>	<p>(1) Bao phủ thị trường CNG/LNG toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần LNG.</p> <p>(2) Nâng cao năng lực sản xuất, tồn chứa CNG, LNG.</p> <p>(3)&(4) Hoàn thiện chuỗi vận chuyển, phân phối, vận hành/ Tiên phong công nghệ tồn chứa, vận chuyển, phân phối LNG</p>	<p>Báo cáo của Ban Giám đốc</p> <p>Phân tích tài chính</p> <p>Quản trị rủi ro</p>
NGƯỜI LAO ĐỘNG	<p>Đánh giá thành tích của các đợt bỏ nhiệm và xem xét lương.</p> <p>Hoạt động của Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty.</p> <p>Hội nghị Người lao động được tổ chức hằng năm.</p> <p>"Đối thoại định kỳ tại nơi làm việc" theo Quy chế dân chủ mà Công ty đã ban hành.</p>	<p>Chế độ đãi ngộ như quyền lợi lương thưởng, bảo hiểm, an toàn nghề nghiệp, đào tạo...</p> <p>Môi trường làm việc và cơ hội thăng tiến.</p> <p>Thành tích và uy tín của Công ty về kinh tế, môi trường, xã hội.</p>	<p>(5) Xây dựng thương hiệu CNG Việt Nam và văn hóa doanh nghiệp.</p>	<p>Nguồn nhân lực</p> <p>Cộng đồng-Xã hội</p> <p>Báo cáo của Ban Giám đốc</p> <p>Phân tích tài chính</p>





BÊN LIÊN QUAN	KÊNH THAM VẤN	MỐI QUAN TÂM VÀ KỶ VỌNG	GẮN KẾT VỚI MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG TRONG BCTN
CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	<p>Tham gia các Hội nghị, Hội thảo do các cơ quan trung ương, sở ban ngành tổ chức.</p> <p>Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật để thay đổi cho phù hợp với những quy định mới, đảm bảo sự tuân thủ, đặc biệt trong lĩnh vực an toàn.</p> <p>Tham gia đóng góp vào quy hoạch phát triển chung của ngành Dầu khí.</p>	<p>Tuân thủ các quy định pháp luật trong các lĩnh vực an toàn, bảo vệ môi trường và các quy định đặc thù của ngành Dầu khí.</p> <p>Đảm bảo môi trường làm việc, an toàn lao động cho CBCNV và cộng đồng địa phương.</p> <p>Tuân thủ các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế.</p>	<p>(6) Bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.</p> <p>(5) Xây dựng thương hiệu CNG Việt Nam và văn hóa doanh nghiệp.</p>	<p>Trách nhiệm với môi trường</p> <p>Cộng đồng-Xã hội</p> <p>Tăng trưởng kinh tế bền vững</p>
CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	<p>Phối hợp với chính quyền địa phương nơi đặt trụ sở văn phòng, nhà máy, chi nhánh để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của người dân địa phương.</p> <p>Gặp mặt trực tiếp để trao đổi các vấn đề phát sinh.</p>	<p>Đảm bảo tuân thủ pháp luật về môi trường, an toàn trong sản xuất kinh doanh.</p> <p>Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng địa phương.</p>	<p>(6) Bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.</p>	<p>Trách nhiệm với môi trường</p> <p>Cộng đồng-Xã hội</p> <p>Tăng trưởng kinh tế bền vững</p>



QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO



XÁC ĐỊNH BỐI CẢNH CỦA TỔ CHỨC/ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

-  Xác định mục đích, định hướng chiến lược và kết quả đầu ra mong muốn của hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
-  Xác định các vấn đề bên ngoài có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh: chính trị, pháp luật, môi trường kinh tế vĩ mô, tài chính, công nghệ, cạnh tranh, điều kiện môi trường như khí hậu, chất lượng không khí, chất lượng nước, ô nhiễm...
-  Các vấn đề bên trong gồm: giá trị, kiến thức văn hóa, nguồn lực, quá trình hoạt động của tổ chức
-  Nhu cầu và mong đợi của các bên liên quan về hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp

ĐÁNH GIÁ RỦI RO:

- ★ Phân loại rủi ro dựa trên bản chất rủi ro và phạm vi tác động tiềm năng
- ★ Phân tích, đánh giá rủi ro và cơ hội nhằm xác định kết quả mong đợi, sự không chắc chắn ảnh hưởng đến kết quả mong đợi từ các vấn đề bên trong, bên ngoài đã được xác định. Từ đó xác định cơ hội đạt được sau khi kiểm soát rủi ro.
- ★ Phân tích các rủi ro dựa trên 2 tiêu chí là khả năng xảy ra và hậu quả xảy ra, cũng như xem xét hiệu lực của biện pháp kiểm soát hiện hành thông qua các dữ liệu thống kê trong quá khứ. Từ đó, đưa ra đánh giá mức độ rủi ro cao, thấp, trung bình.

HÀNH ĐỘNG GIẢI QUYẾT RỦI RO:

- ★ Đối với các rủi ro được đánh giá là thấp và trung bình: duy trì các biện pháp kiểm soát rủi ro hiện hành.
- ★ Đối với các rủi ro được đánh giá cao: cần hành động giải quyết rủi ro và cơ hội, thực hiện các biện pháp kiểm soát bổ sung.
- ★ Phân công người chịu trách nhiệm thực hiện các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội.
- ★ Phổ biến và tổ chức thực hiện hành động giải quyết rủi ro và cơ hội.
- ★ Hành động giải quyết rủi ro và cơ hội:



ĐÁNH GIÁ TÍNH HIỆU LỰC HÀNH ĐỘNG GIẢI QUYẾT RỦI RO VÀ CƠ HỘI:

- Đánh giá mức độ tuân thủ các biện pháp đã hoạch định.
- Đánh giá mức độ đạt được kết quả dự kiến.
- Các đơn vị đánh giá tính hiệu lực của các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội định kỳ 6 tháng/ lần đối với các rủi ro cao, và báo cáo kết quả về BGD Công ty.

RÀ SOÁT VÀ CẬP NHẬT:

Theo dõi, rà soát, và cập nhật bằng xác định rủi ro và cơ hội từ bối cảnh của công ty định kỳ hàng năm.

Nếu có bất kỳ sự thay đổi nào trong bối cảnh của tổ chức (vấn đề bên trong, bên ngoài, nhu cầu mong đợi các bên liên quan) cần phải rà soát và cập nhật bằng xác định rủi ro và cơ hội nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng, môi trường, và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.

Ngoài ra, khi có sự thay đổi, hoặc phát sinh các khía cạnh môi trường có ý nghĩa, cũng cần rà soát và cập nhật các rủi ro liên quan an toàn sức khỏe nghề nghiệp.



PHÂN LOẠI RỦI RO

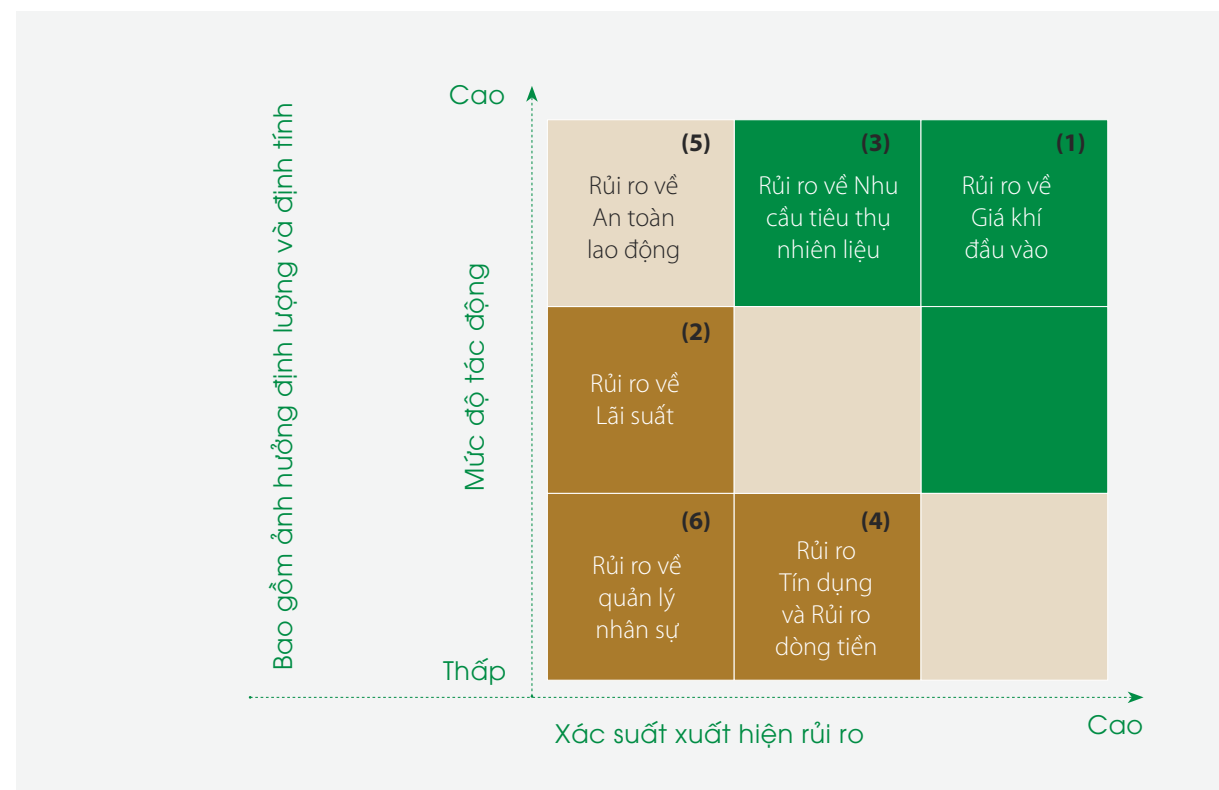
STT	RỦI RO	PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG	BẢN CHẤT RỦI RO
1	GIÁ KHÍ ĐẦU VÀO	Hiệu quả kinh doanh Kế hoạch kinh doanh trung hạn	CNG Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực phân phối khí nén CNG. Lợi nhuận thu được phụ thuộc rất lớn vào chênh lệch giá đầu ra và đầu vào của sản phẩm. Cơ chế giá khí đầu vào của Công ty được áp dụng dẫn theo cơ chế thả nổi của giá dầu thế giới. Do vậy, sự biến động mạnh của giá dầu thế giới sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
2	RỦI RO VỀ LÃI SUẤT	Khẩu vị rủi ro và khả năng chịu đựng rủi ro Kế hoạch kinh doanh trung hạn Mục tiêu chiến lược dài hạn	Rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay của Công ty. Khi mặt bằng lãi vay tăng cao, chi phí tài chính sẽ tạo áp lực lớn đối với lợi nhuận của Công ty. Thêm vào đó, lãi suất tăng cao sẽ thu hẹp các lựa chọn huy động vốn cho các dự án đầu tư của Công ty trong tương lai.
3	RỦI RO VỀ NHU CẦU TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU	Kế hoạch kinh doanh trung hạn Mục tiêu chiến lược dài hạn Hiệu quả kinh doanh	Thị trường tiêu thụ khí của Công ty chủ yếu là các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thực phẩm. Đây đều là các ngành chịu ảnh hưởng mạnh từ xu hướng chung của nền kinh tế. Do đó khi nền kinh tế tăng trưởng chậm lại, ngành công nghiệp thu hẹp sản xuất, thị trường bất động sản trầm lắng, người dân hạn chế chi tiêu, nhu cầu đối với sản phẩm CNG sẽ bị suy giảm và ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của Công ty. Thêm vào đó, khí thiên nhiên là sản phẩm năng lượng có sự đa dạng trong sản phẩm thay thế. Khi giá khí biến động mạnh, giá các loại nhiên liệu thay thế thấp hơn khoảng 25% giá CNG sẽ khiến nhiều khách hàng của Công ty có xu hướng chuyển sang sử dụng các nhiên liệu thay thế khác. Vì vậy, rủi ro về nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu là một yếu tố trọng yếu mà Công ty luôn cần chú trọng.



STT	RỦI RO	PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG	BẢN CHẤT RỦI RO
4	RỦI RO TÍN DỤNG VÀ RỦI RO DÒNG TIỀN	Hiệu quả kinh doanh	Rủi ro tín dụng xuất phát từ nghĩa vụ thanh toán của đối tác. Nếu đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ nợ trong hợp đồng sẽ gây nên tổn thất tài chính cho Công ty. Do đó, khoản phải thu là một trong những rủi ro lớn mà Công ty phải thường xuyên đối diện. Khoản phải thu khó thu hồi sẽ đặt Công ty vào khả năng bị chiếm dụng vốn, gây thất thoát nguồn vốn của Công ty. Rủi ro về dòng tiền diễn ra khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính, không nắm bắt các cơ hội đầu tư quan trọng khi không có đủ nguồn vốn cần thiết. Đây là vấn đề liên quan đến việc quản trị tài sản và nguồn vốn lưu động. Các khoản nợ xấu phát sinh từ công nợ khách hàng kéo dài, không có khả năng thanh toán bắt buộc Công ty phải trích lập dự phòng, làm giảm lợi nhuận và hao hụt dòng tiền.
5	RỦI RO VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG	Kế hoạch kinh doanh trung hạn Danh tiếng của Công ty	Với đặc thù sản xuất cung cấp các sản phẩm năng lượng Dầu khí, sử dụng nhiều nhân lực và phương tiện hoạt động, môi trường kinh doanh của CNG luôn tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ cao, nguy cơ xảy ra thiệt hại lao động cho con người, sự cố hư hỏng thiệt hại tài sản có giá trị lớn, sự cố rò rỉ khí và thậm chí là các sự cố ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường thiên nhiên. Một khi sự cố xảy ra, hậu quả sẽ đặc biệt nghiêm trọng. Đối với Công ty, những rủi ro này sẽ gây tổn thất lớn về tài sản, con người, tiến độ các dự án, uy tín của Công ty đối với người lao động và khách hàng. Đối với người lao động, thiệt hại về tính mạng, tâm lý bị ảnh hưởng tiêu cực, suy giảm hiệu suất lao động là điều không thể tránh khỏi. Những rủi ro này khi xảy ra sẽ khiến Công ty mất nhiều thời gian để khắc phục và phục hồi nguồn lực trở lại nguyên trạng ban đầu.
6	RỦI RO VỀ QUẢN LÝ NHÂN SỰ	Kế hoạch kinh doanh trung hạn Mục tiêu chiến lược dài hạn	Với quan điểm con người là hạt nhân của sự thành công của doanh nghiệp, rủi ro trong quá trình quản trị nguồn nhân lực luôn là vấn đề được Công ty quan tâm. Với hoạt động chính là sản xuất và chiết nạp khí thiên nhiên, nguồn nhân lực Công ty luôn đòi hỏi sự đào tạo bài bản. Nhân viên luôn được đòi hỏi cao về kĩ thuật và trình độ chuyên môn trong việc vận hành các hệ thống máy nén khí, trạm giảm áp, các trang thiết bị máy móc kỹ thuật chuyên dụng. Việc quản trị kém hiệu quả sẽ dẫn đến thiếu hụt nhân lực có trình độ cao, mất đoàn kết nội bộ, vận hành không hiệu quả. Trong môi trường kinh doanh nhiều biến động, sự ổn định của nguồn nhân lực chất lượng càng trở thành vấn đề thách thức đối với Công ty.



MA TRẬN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC RỦI RO LÊN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CNG VIỆT NAM



QUẢN TRỊ RỦI RO THEO CẤP

HĐQT chịu trách nhiệm định hướng chiến lược và quản lý công ty, gắn liền quản trị rủi ro với chiến lược phát triển. Ngoài ra, HĐQT còn chịu trách nhiệm thiết lập các nguyên tắc, khung quản trị rủi ro, và chịu trách nhiệm tổng thể về quản trị rủi ro cũng như quản trị rủi ro một cách hiệu quả. Để bảo đảm tính hiệu quả của khung quản lý rủi ro, các bộ phận chức năng có liên quan được thiết lập đầy đủ và hiệu quả trong công ty bao gồm các bộ phận giám sát và bảo đảm. Mô hình **“ba tuyến phòng vệ”** là phương thức để giải thích mối quan hệ giữa những bộ phận này cũng như để chỉ dẫn cách thức phân chia trách nhiệm:

TUYẾN PHÒNG VỆ THỨ NHẤT:

Các phòng ban thực hiện quản trị đối với các rủi ro liên quan trực tiếp đến chức năng, lĩnh vực của mình. Định kỳ đánh giá và báo cáo với BGD về hoạt động quản trị rủi ro




TUYẾN PHÒNG VỆ THỨ HAI:

BGD có trách nhiệm triển khai, giám sát và đánh giá quá trình thực hiện quản trị rủi ro. Đảm bảo các quy trình quản trị tuân thủ tiêu chuẩn liên quan, tạo lợi ích cho cổ đông và công ty.

TUYẾN PHÒNG VỆ THỨ BA:

Ban kiểm soát kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý điều hành, nhằm phát hiện rủi ro tiềm ẩn hoặc thiếu sót; từ đó góp ý về việc áp dụng các biện pháp hạn chế rủi ro.

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI RỦI RO

RỦI RO	BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO
 <p>GIÁ KHÍ ĐẦU VÀO</p>	<p>Mục tiêu quản trị rủi ro chi phí đầu vào nhận được sự chú trọng thông qua hoạt động thu mua nhiên liệu theo dự báo về tình hình giá dầu thế giới. Với hệ thống kho chứa lớn giúp Công ty có thể đạt mức chiết khấu giá đầu vào tốt hơn.</p> <p>Công ty liên tục theo sát diễn biến và tiến hành dự báo giá dầu thế giới để có những điều chỉnh phù hợp trong giá bán. Đối với giá khí đầu ra, Công ty ưu tiên đàm phán với khách hàng theo các hợp đồng với thời hạn ngắn (từng tháng) nhằm giảm thiểu tác động từ sự biến động của giá dầu lên biên lợi nhuận, qua đó gia tăng hiệu quả kinh doanh cho cả khách hàng và Công ty.</p> <p>Công ty đẩy mạnh phát triển thị trường để tăng sản lượng, thực hiện các hợp đồng có điều khoản điều chỉnh linh hoạt giá bán khi có sự biến động lớn của giá nguyên liệu. Thực hiện các chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường tại từng thời điểm, từng đối tượng khách hàng và từng khu vực.</p> <p>Thắt chặt mối quan hệ với nhà cung cấp thông qua việc xây dựng uy tín bằng thực hiện tốt các nghĩa vụ thanh toán và các yêu cầu liên quan.</p> <p>Xây dựng kế hoạch ngân sách, giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động, chi phí bảo trì mua sắm... đảm bảo các chi phí tuân theo tiến trình ngân sách được hoạch định. Ngoài những chi tiêu cần thiết nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thì Công ty luôn hạn chế ở mức tối thiểu các chi phí khác nhằm đạt lợi nhuận cao nhất.</p>
 <p>RỦI RO VỀ LÃI SUẤT</p>	<p>Công ty tiến hành phân tích và xây dựng cơ cấu nguồn vốn hợp lý phù hợp với hoạt động sản xuất công ty. Công ty xây dựng nguồn vốn tự có thông qua hoạt động kinh doanh hiệu quả để tài trợ hoạt động.</p> <p>Thực hiện khảo sát, tiếp cận với các phương án vốn khác nhau nhằm lựa chọn nguồn vốn với chi phí rẻ nhất. Thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm phòng hộ rủi ro biến động lãi suất và duy trì hợp lý mức rủi ro trong biên độ cho phép.</p> <p>Công ty phân tích các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư để chi phí sử dụng vốn ở mức thấp nhất nhưng vẫn đảm bảo cấu trúc tài chính an toàn.</p>
 <p>RỦI RO VỀ NHU CẦU TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU</p>	<p>Công ty luôn quan tâm đến việc thắt chặt mối quan hệ với khách hàng hiện có. Nỗ lực đa dạng hóa mạng lưới cung cấp sản phẩm bằng cách tăng cường tìm kiếm các khách hàng mới thông qua các hợp đồng và thỏa thuận bán khí đảm bảo lợi ích cho cả hai bên.</p> <p>Công ty luôn chủ động quảng bá hình ảnh, tăng cường tiếp thị quảng cáo lợi ích khi sử dụng các sản phẩm CNG nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ. Bên cạnh đó là duy trì khả năng cạnh tranh trong môi trường kinh doanh hiện tại.</p> <p>Đa dạng hóa lĩnh vực tiêu thụ trong mạng lưới khách hàng. Cụ thể, CNG luôn tìm kiếm các khách hàng mới trên mọi lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh cũng như khu vực kinh doanh để giảm bớt những rủi ro đến từ sự tập trung với mật độ cao ở một số ngành nghề nhất định như hiện tại.</p> <p>Công ty luôn thực hiện công tác cập nhật thông tin, dự báo nhu cầu tiêu thụ của thị trường để có bức tranh tổng quan và chính xác nhất về doanh thu, lợi nhuận.</p> <p>Việc lập ngân sách, các kế hoạch đầu tư, sử dụng nguồn vốn, thời điểm đầu tư cũng được xây dựng linh hoạt dựa trên những dự báo để tránh những hoạt động đầu tư không hiệu quả hoặc bỏ qua các cơ hội đầu tư tiềm năng.</p> <p>Công ty phân loại khách hàng để có kế hoạch cung ứng phù hợp, hiệu quả. Ưu tiên lựa chọn các khách hàng có sản lượng tiêu thụ đủ lớn, trong khoảng từ 3 triệu Sm³/năm trở lên và khoảng cách ngắn hơn 150km so với trạm nén nhằm tăng hiệu quả đầu tư.</p>



BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI RỦI RO (tiếp theo)



RỦI RO

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO



RỦI RO TÍN DỤNG VÀ RỦI RO DÒNG TIỀN

Công ty thường xuyên tiến hành các hoạt động kiểm soát công nợ như phân tích về tuổi nợ, ngày thu nợ. Thẩm định sức khỏe tài chính của khách hàng trước khi ký kết hợp đồng. Thực hiện chính sách tín dụng đối với từng nhóm khách hàng cụ thể, theo sức khỏe tài chính, khu vực và loại hình kinh doanh. Thường xuyên theo dõi để đánh giá chính xác những rủi ro tín dụng tiềm ẩn có thể phát sinh.

Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo chiều sâu trong mỗi liên hệ hợp tác với khách hàng nhằm hiểu rõ về tình trạng tài chính, uy tín giao dịch của từng khách hàng định kỳ. Bên cạnh đó, Công ty cũng chia sẻ khó khăn với khách hàng thông qua việc nới lỏng về thời gian trả chậm nhưng vẫn kiểm soát chặt chẽ khoản phải thu.

Với công tác quản trị rủi ro tín dụng hiệu quả, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng và các đối tác. Các khoản phải thu đến từ các khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Đối với các khoản phải thu có nhiều rủi ro, Công ty trích lập dự phòng hợp lý. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dù kiểm soát chặt chẽ rủi ro tín dụng nhưng Công ty vẫn duy trì sự linh hoạt tối thiểu nhằm đạt sự hài hòa với khả năng đạt được các mục tiêu tăng trưởng đề ra của Công ty.

Song hành cùng những nỗ lực quản trị rủi ro dòng tiền từ vốn luân chuyển, sự cân đối dòng tiền thuần cũng là một nhân tố quan trọng nhằm đạt sự cân bằng giữa hoạt động đầu tư xây dựng mà không ảnh hưởng đến cấu trúc nguồn vốn của Công ty.



RỦI RO VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

Với đặc thù phân phối năng lượng, công tác đảm bảo an toàn lao động trong quá trình hoạt động luôn được đặt lên hàng đầu. Các hoạt động vận hành luôn được giám sát chặt chẽ và tuân theo quy trình nhất định.

CNG hoàn thành việc nâng cấp hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường (ATCLMT) theo các tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 & OHSAS 18001:2007, được Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI) Việt Nam đánh giá công nhận. Bên cạnh đó, quy trình quản trị rủi ro được liên tục cải tiến phù hợp với những thay đổi trong điều kiện sản xuất. Từ lúc vận hành đến nay, Công ty chưa để xảy ra bất kỳ một sự cố nghiêm trọng nào, đây là điều đáng tự hào của một doanh nghiệp kinh doanh trong ngành khí.

Người lao động được đào tạo bài bản trước khi vận hành, công tác bảo hộ lao động đặc biệt được chú trọng. Công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, huấn luyện về phòng cháy chữa cháy nhằm xây dựng văn hóa lao động an toàn, nâng cao ý thức và đào tạo những kỹ năng cần thiết đối với các trường hợp bất ngờ xảy ra.

Nhà máy và các máy móc thiết bị luôn có kế hoạch bảo trì, sửa chữa định kỳ và luôn được duy trì trong trạng thái vận hành tốt nhất và an toàn nhất. Công ty sử dụng công cụ, phần mềm quản lý công tác kiểm tra bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, phương tiện nhằm đảm bảo tình trạng an toàn kỹ thuật và tối ưu hóa chất lượng cho sản phẩm.

Công ty tiến hành mua bảo hiểm con người (bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sinh mạng cá nhân, bảo hiểm trợ cấp nằm viện, phẫu thuật) cho người lao động. Cùng với đó là các chính sách mua bảo hiểm cho tài sản hoạt động nhằm giúp giảm bớt thiệt hại cho Công ty nếu có rủi ro tai nạn xảy ra.



RỦI RO VỀ QUẢN LÝ NHÂN SỰ

Công ty luôn cân bằng giữa lợi ích của người lao động và lợi ích chung của Công ty trong việc quản trị nguồn nhân lực.

Lao động được tuyển dụng, điều chuyển hợp lý, đảm bảo đầy đủ nguồn nhân lực trong quá trình vận hành. Công ty đảm bảo lương, thưởng và quy trình đánh giá năng lực diễn ra công bằng, minh bạch theo quy chế Công ty và quy định của pháp luật. Công ty luôn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, tạo điều kiện phát triển tốt nhất cho đội ngũ CBCNV của Công ty. Bên cạnh đó, với sự hồi phục của thị trường dầu khí và triển vọng khả quan của nền kinh tế, đây cũng là cơ hội để Công ty có thể tìm kiếm và bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cho các dự án đầu tư mở rộng trong tương lai.

CBCNV thường xuyên được đào tạo bồi dưỡng, trau dồi, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề nhằm nâng cao năng lực.



VƯỢT THÁCH THỨC



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Báo cáo của Hội đồng Quản trị	54
Báo cáo của Ban Kiểm soát	75
Báo cáo của Ban Giám đốc	76
Cơ cấu cổ đông và Hoạt động Quan hệ nhà đầu tư	106



CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Với mục tiêu phát triển bền vững và hướng đến các thông lệ quản trị tốt nhất và chuẩn mực quản trị tiên tiến, CNG Việt Nam đã bổ sung thêm 01 thành viên HĐQT chuyên trách trong năm 2019 để thay thế cho thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức vụ Phó Giám đốc.

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là TV HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự buổi họp (%)	Lý do
Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Chủ tịch HĐQT	10/4/2015	4/4	100%	
Ông Vũ Văn Thực	TV HĐQT kiêm Giám đốc	26/4/2016	4/4	100%	
Ông Phạm Đình Đạt	TV HĐQT chuyên trách	26/4/2016	4/4	100%	
Bà Lê Thị Thu Giang	TV HĐQT độc lập	18/4/2018	4/4	100%	
Ông Bùi Tường Định	TV HĐQT chuyên trách	18/4/2019	3/4	75%	Bổ nhiệm từ 18/4/2019
Ông Bùi Văn Đản	TV HĐQT kiêm Phó Giám đốc	18/4/2019	1/4	25%	Miễn nhiệm từ 18/4/2019









HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2019

Dựa trên Điều lệ công ty và các quy chế hoạt động, điều hành của Công ty, HĐQT đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và tập trung các hoạt động: Xây dựng chiến lược, Giám sát và quản lý hiệu quả hoạt động, Giám sát hiệu quả quản trị của bộ máy lãnh đạo và Quản trị rủi ro.



VAI TRÒ	NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM	CÁCH THỨC THỰC HIỆN
	<p>XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC</p> <p>Xây dựng chiến lược kinh doanh, phương hướng hoạt động và định hình giá trị dài hạn của Công ty.</p> <p>Chịu trách nhiệm xét duyệt và chấp thuận các kế hoạch hoạt động thường niên.</p>	<p>Thông qua làm việc, trao đổi cùng đội ngũ điều hành, HĐQT xác định sự thay đổi, phát triển của nhu cầu thị trường trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Từ đó đưa ra các cơ hội mới và rủi ro tiềm ẩn nhằm thiết lập các chiến lược, giải pháp kinh doanh phù hợp.</p> <p>Đảm bảo công tác truyền thông chiến lược phát triển, mục tiêu hoạt động cốt lõi đến các bộ phận chủ chốt được liên tục, góp phần duy trì hoạt động kinh doanh theo đúng mục tiêu đề ra.</p> <p>Các chính sách liên quan đến thù lao, lương, thưởng luôn được HĐQT xem xét thường xuyên để kịp thời điều chỉnh nhằm đảm bảo sự ghi nhận những nỗ lực của CBNV.</p>
	<p>GIÁM SÁT VÀ QUẢN LÝ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG</p> <p>Giám sát hiệu quả hoạt động của CNG Việt Nam.</p> <p>Đảm bảo kết quả hoạt động tuân thủ nghiêm ngặt kế hoạch và chiến lược đề ra.</p> <p>Các báo cáo được thực hiện bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Báo cáo của Ban điều hành • Báo cáo hiệu quả hoạt động • Báo cáo tình hình tài chính • Báo cáo hoạt động đầu tư • Vấn đề cổ tức cho cổ đông 	<p>Đánh giá hiệu quả hoạt động và hiệu quả tài chính của Công ty định kỳ.</p> <p>Tiếp nhận các đánh giá về hiệu quả hoạt động dựa trên các nhóm chỉ tiêu đánh giá riêng biệt.</p> <p>Dựa trên kết quả hoạt động thực tế, đưa ra yêu cầu cần thiết về sự cải thiện hiệu quả hoạt động cùng việc thực hiện các giám sát hoạt động thường xuyên trong năm tài chính.</p> <p>Dựa trên kết quả hoạt động và định hướng phát triển ngắn hạn của Công ty để xây dựng và đánh giá chính sách phân phối thu nhập cho cổ đông định kỳ hàng quý, hàng năm.</p> <p>Lắng nghe và tiếp nhận các ý kiến đóng góp của người lao động thông qua các khảo sát ý kiến định kỳ. Các khảo sát ý kiến nhân viên được dựa trên sự đo lường mức độ tích hợp giá trị Công ty vào văn hóa của doanh nghiệp trên nền tảng hoạt động kinh doanh cốt lõi.</p>
	<p>GIÁM SÁT HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ CỦA BỘ MÁY LÃNH ĐẠO</p> <p>Sự thành công của công tác quản trị HĐQT và Ban điều hành</p>	<p>Duy trì tính liên tục và sự phù hợp của bộ máy lãnh đạo đóng vai trò chủ chốt đối với sự vận hành của CNG Việt Nam trong nhiều năm qua. Do đó, HĐQT có trách nhiệm đảm bảo việc lựa chọn nhân sự phù hợp nhất về chuyên môn và văn hóa hoạt động của Công ty.</p>
	<p>QUẢN TRỊ RỦI RO</p> <p>Đảm bảo sự nhận dạng chính xác các rủi ro trọng yếu ảnh hưởng lên hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>Đảm bảo quy trình kiểm soát và quản trị rủi ro diễn ra chính xác và kịp thời.</p>	<p>HĐQT, trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các bộ phận chức năng, thường xuyên đánh giá quy trình quản trị rủi ro.</p> <p>Thường xuyên đánh giá tính hiệu quả của quy trình quản trị rủi ro và quy trình kiểm soát nội bộ của Công ty nhằm đưa ra những sự điều chỉnh cần thiết kịp thời.</p> <p>Thiết lập quy trình đánh giá tác động lên lợi nhuận hoạt động và lợi nhuận tài chính từ biến động giá nhiên liệu đầu vào. Xây dựng các kịch bản giá nhiên liệu và cách thức Công ty phản ứng với các biến động ngoài dự kiến của thị trường dầu mỏ và thị trường khí thiên nhiên.</p> <p>Xem thêm ở phần Quản trị Rủi ro.</p>



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2019 (tiếp theo)

Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức 01 phiên họp ĐHĐCĐ thường niên, 04 phiên họp HĐQT thường kỳ và nhiều lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để kịp thời xem xét và giải quyết các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT như kế hoạch kinh doanh, quy chế tài chính, hoạt động đầu tư, quy chế lương thưởng... Những định hướng và giải pháp kịp thời của HĐQT đã giúp Công ty vận hành hiệu quả và đúng chiến lược đề ra, vượt qua được nhiều khó khăn, giải quyết được những vấn đề cấp bách đặc biệt trong bối cảnh thị trường dầu khí biến động và nguồn cung khí bị ảnh hưởng mạnh.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	08/NQ-HĐQT	02/01/2019	Họp HĐQT về kết quả SXKD năm 2019 và kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2019
2	20/QĐ-CNG	23/01/2019	Kế hoạch SXKD năm 2019 của CNG Việt Nam
3	03/NQ-HĐQT	26/01/2019	Họp HĐQT về kết quả SXKD Quý I/2019, công tác triển khai kế hoạch SXKD năm 2019 và chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên năm 2019
4	104/QĐ-HĐQT	12/4/2019	Quy tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018
5	108/QĐ-HĐQT	17/4/2019	Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình “Trụ sở văn phòng CNG Việt Nam”
6	116/QĐ-CNG	24/4/2019	Định mức cung đường vận chuyển khí CNG của các xe đầu kéo khu vực miền Nam cho 02 cung đường mới
7	117/QĐ-HĐQT	24/4/2019	Quy chế phân cấp đầu tư và quản lý đấu thầu của CNG Việt Nam
8	164/QĐ-HĐQT	4/6/2019	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án “Trụ sở văn phòng CNG Việt Nam”
9	190/QĐ-HĐQT	24/4/2019	Phê duyệt danh sách nhà thầu được chỉ định thầu, phần công việc thuộc kế hoạch LCNT dự án “Trụ sở văn phòng CNG Việt Nam”
10	202/QĐ-CNG	02/07/2019	Quyết định mức cung đường vận chuyển cho 02 khách hàng mới
11	06/QĐ-HĐQT	8/7/2019	Họp HĐQT về kết quả SXKD quý 2 năm 2019 và kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2019
12	202/QĐ-CNG	5/9/2019	Phê duyệt bổ sung kế hoạch đầu tư năm 2019
13	202/QĐ-CNG	18/9/2019	Quyết định phê duyệt định mức 01 cung đường mới
14	06/QĐ- HĐQT	15/10/2019	Họp HĐQT về kết quả SXKD 9 tháng đầu năm và kế hoạch SXKD 3 tháng cuối năm 2019
15	349/QĐ-CNG	6/11/2019	Quyết định quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
16	390/QĐ-CNG	28/11/2019	Quyết định phê duyệt định mức 01 cung đường mới tại khu vực miền Bắc
17	394/QĐ-CNG	29/11/2019	Sửa đổi quy chế trả lương, trả thưởng đối với CBNV Công ty.
18	457/QĐ-CNG	25/12/2019	Chuyển nhượng trạm giảm áp tại khách hàng sứ Viglacera của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam
19	461/QĐ-CNG	26/12/2019	Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói số 6, gói số 4 thuộc dự án trụ sở văn phòng CNG Việt Nam
20	462/QĐ-CNG	27/12/2019	Thông qua nội dung của HSMT gói thầu số 6 thuộc dự án trụ sở văn phòng CNG Việt Nam

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC





ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2019

TRONG NĂM 2019, SỰ CỐ NGOÀI Ý MUỐN TẠI MỎ THÁI BÌNH ĐÃ KHIẾN NGUỒN CUNG CẤP KHÍ CỦA CÔNG TY BỊ GIÁN ĐOẠN TRONG 6 THÁNG ĐẦU NĂM. NGUỒN CẤP KHÍ CÒN CHỊU ẢNH HƯỞNG DO PHẢI DỒN NGUỒN KHÍ CHO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT ĐIỆN THEO CHỈ THỊ TỪ BỘ CÔNG THƯƠNG, ĐẶC BIỆT LÀ ĐỐI VỚI KHU VỰC ĐÔNG NAM BỘ.

Những yếu tố nêu trên đã tác động mạnh mẽ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng cũng như của chính Công ty. Trong bối cảnh đó, HĐQT đã luôn theo sát các biến động của thị trường dầu khí thế giới, triển vọng kinh tế vĩ mô trong nước cũng như nguồn cấp khí và diễn biến hoạt động kinh doanh của Công ty để đưa ra những định hướng chỉ đạo phù hợp với tình hình thực tế. Với quyết tâm, nỗ lực cùng sự đoàn kết một lòng, tập thể CBCNV Công ty đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2019 do ĐHQĐ giao phó.

SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ KHÍ ĐẠT

192,16 Sm³

Vượt 123% so với kế hoạch tăng 117% so với năm trước

TỔNG DOANH THU NĂM 2019

2.146,74 Tỷ đồng

Vượt 123% so với kế hoạch

KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Vượt qua một năm gặp nhiều khó khăn và thách thức do thiếu hụt nguồn cung và thị trường dầu khí và các loại nhiên liệu thay thế biến động mạnh, Công ty tiếp tục có bước phát triển khi ký hợp đồng cấp khí với 06 khách hàng mới. Sản lượng tiêu thụ khí đạt 192,16 triệu Sm³, vượt 123% so với kế hoạch và tăng 117% so với năm trước.

Nhờ vậy, tổng doanh thu của Công ty trong năm 2019 đạt 2.146,74 tỷ đồng, vượt 123% so với kế hoạch, trong đó doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (CNG) đạt 2.130,39 tỷ đồng, vượt 122% kế hoạch. LNNTT đạt 107,6 tỷ đồng và LNST đạt 84,4 tỷ đồng, lần lượt tương ứng với 102% và 100% của kế hoạch năm. Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức thì đây là một kết quả cho thấy nỗ lực vượt bậc của Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV.

Stt	Các chỉ tiêu chính	Đvt	Năm 2019		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH/KH (%)
I	Tổng sản lượng CNG	Triệu SM ³	156,00	192,16	123%
II	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1.746,88	2.146,74	123%
1	Doanh thu bán CNG	Tỷ đồng	1.739,88	2.130,39	122%
2	Doanh thu tài chính và khác	Tỷ đồng	7	16,35	234%
III	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	105,56	107,61	102%
IV	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	84,44	84,35	100%

SẢN XUẤT VÀ AN TOÀN TRONG SẢN XUẤT

Trong hoạt động kinh doanh của mình, CNG Việt Nam luôn đặt sự an toàn trong công tác sản xuất, vận chuyển và phân phối lên hàng đầu. Công ty đã không ngừng duy trì và cải tiến phương pháp vận hành, thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí hoạt động nhằm tạo ra kết quả sản xuất tối ưu và an toàn nhất.

Công ty đã cải tiến hệ thống quản lý an toàn để đạt tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 vào quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Trong năm không có bất kỳ sự cố nghiêm trọng nào gây ảnh hưởng đến tính mạng, môi trường cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

ĐẦU TƯ DỰ ÁN - XÂY DỰNG CƠ BẢN

Các dự án đầu tư thực hiện trong năm 2019 đảm bảo về chất lượng công trình, chất lượng thiết bị, an toàn, đáp ứng nhu cầu nhận khí của khách hàng và kế hoạch SXKD của Công ty.

Để đảm bảo việc sử dụng nguồn vốn hiệu quả cũng như đáp ứng tốt nhu cầu khách hàng, Bộ phận đầu tư đã phối hợp cùng phòng kinh doanh và khách hàng, rà soát lại nhu cầu đầu tư để giải ngân cho các dự án một cách hợp lý. Do dự án trụ sở văn phòng CNG Việt Nam chưa đi vào giai đoạn thi công, dự án lắp đặt trạm cấp khí LPG chỉ thực hiện 01 trạm LPG Trung Nguyên Bình Thuận nên tổng giá trị giải ngân các hạng mục đầu tư trong năm 2019 thấp hơn nhiều so với kế hoạch, tổng cộng đạt 6,49 tỷ đồng, tương đương 6,3% so với kế hoạch.

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

Các chủ trương về tiết kiệm, giảm chi phí, duy trì ổn định tốc độ quay vòng vốn, tính toán, cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục được bộ phận Tài chính – Kế toán và Ban điều hành triển khai thực hiện.

Các chính sách tín dụng đã được quản trị kĩ càng hơn nhằm hạn chế các rủi ro phát sinh lên hoạt động kinh doanh của Công ty. Song song với mục tiêu kiểm soát rủi ro, Công ty cũng chú trọng đến việc xây dựng chính sách tín dụng phù hợp với nhu cầu mở rộng thị trường, tìm kiếm thêm khách hàng mới cũng như gia tăng sự gắn kết của nhóm khách hàng hiện hữu.

Để phát huy hơn nữa vai trò kiểm tra, kiểm soát và tham mưu cho HĐQT, nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý trong điều kiện chính sách tiền tệ luôn thay đổi, quy mô tài sản của Công ty ngày càng lớn, HĐQT yêu cầu công tác tài chính chú trọng những vấn đề sau:

- Tăng cường sự chủ động trong công tác quản trị vốn. Đảm bảo nguồn vốn hiện hữu đáp ứng được nhu cầu vốn luân chuyển và kế hoạch đầu tư xây dựng của Công ty.
- Thực hiện quản lý chi phí, công nợ hiệu quả, hạn chế tình trạng nợ quá hạn của khách hàng.
- Các biện pháp bảo toàn vốn, bao gồm công tác theo dõi, đánh giá và thu hồi công nợ, trích lập dự phòng nợ xấu khi phát sinh được Công ty tiếp tục quan tâm thực hiện.
- Phối hợp với các ban, nhà máy trên nền tảng liên tục để hoạch định chính xác nhu cầu nguồn vốn dự kiến phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tránh các trường hợp dư thừa hoặc thiếu hụt nguồn vốn luân chuyển đáp ứng cho mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu lợi nhuận.
- Phối hợp thực hiện công tác công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo đúng các quy định của pháp luật.
- Thực hiện định kỳ việc phân tích triển vọng nền kinh tế, những chuyển biến của ngành nhằm phát hiện các cơ hội và rủi ro và kịp thời tham mưu cho Ban điều hành trong việc quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh và điều chỉnh hoạt động kinh doanh của Công ty cho phù hợp hơn với thực tế. Trong đó, việc dự báo biến động giá dầu và các kịch bản ảnh hưởng lên hoạt động kinh doanh của Công ty được xem là một trong các nhiệm vụ trọng yếu.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Việc tuyển dụng, sử dụng, điều chuyển lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác đào tạo cũng được triển khai thường xuyên nhằm nâng cao tay nghề, trình độ của nhân viên, chuẩn bị nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai gần. Việc trả lương, thưởng và sử dụng các quỹ thực hiện đảm bảo công bằng, minh bạch theo đúng các quy chế đã được phê duyệt. Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV.

Áp dụng thành tựu của khoa học quản lý trong hoạt động SXKD của Công ty, cụ thể trên cơ sở cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ được rà soát ban hành lại; Công ty tiếp tục xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá hiệu quả công việc (KPIs) làm cơ sở đánh giá hiệu quả hoạt động SXKD.



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY 2019

Xây dựng hệ thống quản trị công ty hiệu quả sẽ giúp công ty tăng trưởng theo xu hướng phát triển bền vững, giảm thiểu các rủi ro. Từ đó đóng góp vào sự tăng trưởng chung, thúc đẩy sự ổn định, giảm nhẹ rủi ro đối với nền kinh tế chung cũng như tác động tích cực đến nền kinh tế quốc gia. Ngoài ra, thực hiện quản trị công ty tốt còn giúp nâng cao năng lực cạnh tranh và danh tiếng của công ty, qua đó gia tăng khả năng tiếp cận thị trường vốn. Do đó, CNG Việt Nam luôn nỗ lực xây dựng hệ thống quản trị theo các thông lệ quản trị tốt. Công tác quản trị công ty tại CNG Việt Nam được xây dựng trên 4 yếu tố cốt lõi được chấp nhận chung trên toàn cầu là:



Trách nhiệm giải trình: HĐQT phải đảm bảo định hướng chiến lược của công ty, giám sát BDH hiệu quả, và trách nhiệm của mình đối với công ty cũng như các cổ đông.



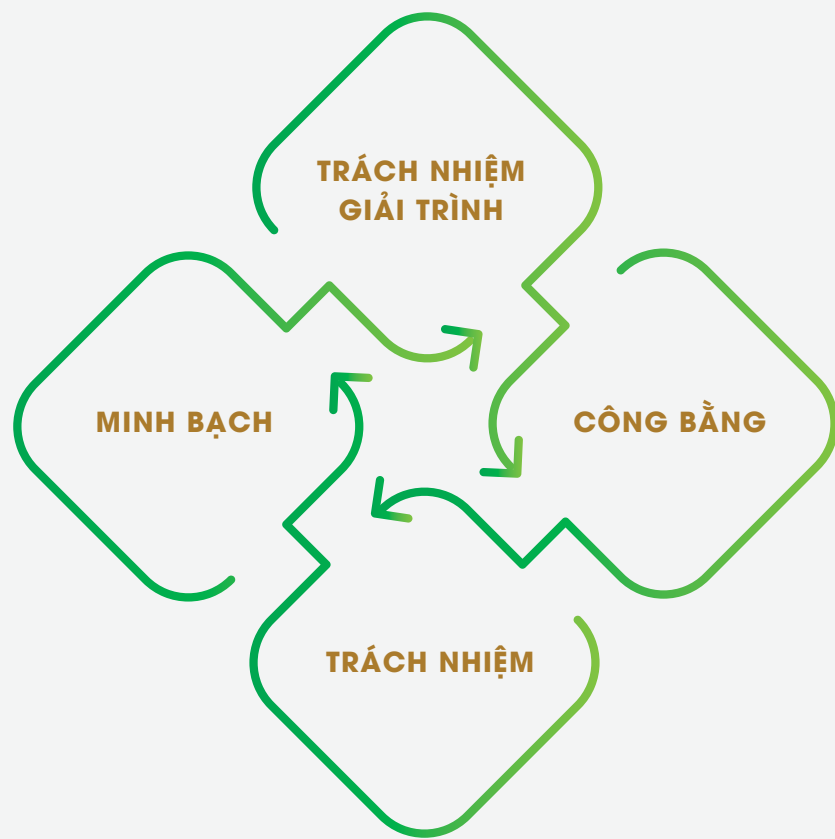
Công bằng: Bảo vệ quyền của cổ đông và đảm bảo sự đối xử công bằng đối với mọi cổ đông, kể cả cổ đông thiểu số và cổ đông nước ngoài.



Trách nhiệm: Công nhận quyền của các bên có quyền lợi liên quan đã được pháp luật quy định, khuyến khích sự hợp tác tích cực giữa công ty và các bên có quyền lợi liên quan trong việc tạo lập tài sản, việc làm, và đảm bảo sự ổn định.



Minh bạch: Đảm bảo việc công bố thông tin về mọi vấn đề trọng yếu liên quan đến công ty bao gồm tình hình tài chính, cấu trúc quản trị, tình hình hoạt động, và sở hữu công ty kịp thời và chính xác.



7

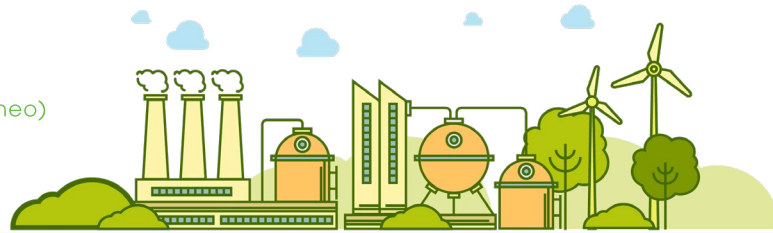
NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CNG VIỆT NAM ĐƯỢC XÂY DỰNG DỰA TRÊN 4 YẾU TỐ CỐT LÕI LÀ:

- 01 **TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CỦA PHÁP LUẬT;**
- 02 **ĐẢM BẢO MỘT CƠ CẤU QUẢN TRỊ HIỆU QUẢ;**
- 03 **ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐÔNG;**
- 04 **ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG VỚI CỔ ĐÔNG;**
- 05 **ĐẢM BẢO VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY;**
- 06 **MINH BẠCH TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY;**
- 07 **HĐQT ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIÁM SÁT, BKS KIỂM SOÁT CÔNG TY HIỆU QUẢ.**

Những nguyên tắc trên được quy định rõ tại Quy chế quản trị nội bộ năm 2018 của Công ty và được ĐHCĐ thông qua.



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY 2019 (tiếp theo)



(1)

TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH HIỆN HÀNH CỦA PHÁP LUẬT

Đối với hoạt động đầu tư và SXKD: công tác đầu tư xây dựng và sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện dựa trên nguyên tắc đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan, Luật đấu thầu và quy định về quản lý chất lượng, quản lý chi phí xây dựng công trình, Luật Doanh nghiệp, cũng như Điều lệ Công ty.

Đối với hoạt động báo cáo, công bố thông tin: CNG Việt Nam tuân thủ các quy định liên quan đối với các công ty niêm yết. Các thông tin được công bố kịp thời và đầy đủ trên website Công ty. CNG Việt Nam đã bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty dựa trên Quyết định 393/QĐ-CNG, ban hành ngày 29/11/2019, giúp nâng cao chất lượng quản trị công ty.

Việc ban hành các quy chế, quy định nội bộ đều được thực hiện chặt chẽ, cẩn trọng dựa trên cơ sở thực tiễn doanh nghiệp và phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

(2)

ĐẢM BẢO CƠ CẤU QUẢN TRỊ HIỆU QUẢ

Tính hiệu quả của bộ máy quản trị tại CNG Việt Nam được bảo đảm bởi những TV HĐQT dày dặn kinh nghiệm nghề nghiệp, và kiến thức chuyên môn vững chắc

Dựa trên quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC, HĐQT của CNG Việt Nam hoạt động với 01 TV HĐQT độc lập và 02 TV HĐQT chuyên trách, tương đương 3/5 thành viên là thành viên không điều hành.

Nhằm nâng cao hiệu quả của bộ máy quản trị, CNG Việt Nam đã bổ sung thêm 01 TV HĐQT chuyên trách trong năm 2019.

(3)

ĐẢM BẢO QUYỀN LỢI CỦA CỔ ĐÔNG

Điều lệ Công ty của CNG Việt Nam đã đưa ra những quy định chi tiết về quyền và nghĩa vụ liên quan của cổ đông nhằm đảm bảo tính công bằng và quyền lợi cho tất cả các cổ đông:

- Điều 13 và 14 quy định rõ quyền và nghĩa vụ của cổ đông
- Điều 22 quy định các nghị quyết và quyết định được thông qua với ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông. Và các nghị quyết, quyết định có nội dung quan trọng thì cần ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền, phiếu biểu quyết thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

Quy chế quản trị nội bộ 2018 của CNG Việt Nam đã đưa ra những quy định liên quan nhằm đảm bảo lợi ích và công bằng cho các cổ đông:

- Điều 50 quy định những người được tiếp cận các thông tin nội bộ không được phép mua bán cũng như không được dùng thông tin đó tư vấn hoặc xui khiến người khác mua chứng khoán liên quan tới thông tin nội bộ mà mình tiếp cận.
- Điều 48 quy định việc công bố thông tin phải được thực hiện theo những phương thức mà cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời.

Hoạt động giám sát, kiểm tra việc quyết toán vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư của các công trình được BKS liên tục thực hiện dựa trên Quy chế phân cấp đầu tư và quản lý đầu thầu nhằm đảm bảo lợi ích cho cổ đông.

(4)

ĐỐI XỬ CÔNG BẰNG GIỮA CÁC CỔ ĐÔNG

(5)

ĐẢM BẢO VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Quy chế trả lương, trả thưởng đối với CBCNV Công ty được sửa đổi ngày 29/11/2019 dựa trên Quyết định 394/QĐ-CNG nhằm đảm bảo quyền lợi cho CBCNV và đáp ứng đúng các quy định pháp luật hiện hành.

Tiền lương và thù lao cho CBCNV cũng là một trong những hành động đảm bảo lợi ích cho các Bên liên quan. Ngày 12/4/2019, Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018 được thông qua dựa trên Quyết định 104/QĐ-HĐQT. Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019 cũng được thông qua ngày 6/11/2019 dựa trên Quyết định 349/QĐ-CNG.

Trách nhiệm với các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty như cổ đông, người lao động, cộng đồng-xã hội luôn được CNG Việt Nam coi trọng. Vui lòng xem thêm thông tin chi tiết về các chính sách và hoạt động có liên quan tại phần Báo cáo Phát triển Bền vững tích hợp cùng BCTN 2019 của Công ty.

(6)

MINH BẠCH TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hiện tại, HĐQT của CNG Việt Nam hoạt động với 02 thành viên HĐQT chuyên trách và 01 thành viên HĐQT độc lập trên tổng số 05 thành viên HĐQT nhằm nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của Công ty.

Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, BGD, BKS, và Kế toán trưởng được công khai chi tiết tại BCTN 2019 của Công ty nhằm thể hiện tính minh bạch trong hoạt động.

Các biên bản họp ĐHĐCĐ, nghị quyết, quyết định đều được công bố tại website Công ty. Ngoài ra, BCTN và BCTC cũng được đăng tải trên website Công ty bằng tiếng Anh và tiếng Việt giúp cổ đông trong và ngoài nước có thể theo dõi, góp phần đảm bảo công bằng cho cổ đông.

Hoạt động phát ngôn và cung cấp thông tin tại CNG Việt Nam đang được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành và Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho Báo chí, Cơ quan quản lý nhà nước được ban hành vào ngày 21/3/2018.

Quy chế tài chính Công ty được rà soát thường xuyên nhằm cập nhật kịp thời các quy định, chuẩn mực mới nhằm nâng cao tính minh bạch cho hoạt động tài chính và giảm thiểu rủi ro pháp lý của Công ty.

Ngày 24/4/2019, CNG Việt Nam ban hành Quy chế phân cấp đầu tư và quản lý đầu thầu theo Quyết định 1117/QĐ-HĐQT để phân định trách nhiệm giữa HĐQT và Ban giám đốc trong công tác đầu tư và đầu thầu của Công ty.

(7)

HĐQT ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIÁM SÁT, BKS KIỂM SOÁT CÔNG TY HIỆU QUẢ

Các thành viên Ban lãnh đạo thường xuyên tham gia các chương trình về quản trị công ty nhằm nâng cao năng lực hoạt động và đóng góp hiệu quả hơn cho quá trình hoạt động của Công ty. Trong năm 2019, Các TV HĐQT, BKS, BGD, Kế toán trưởng, Người phụ trách quản trị Công ty đã tham gia khóa đào tạo theo quy định về quản trị công ty do Trung Tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán tổ chức. TV HĐQT độc lập đã tham gia khóa học và hoàn thành "Chương trình chứng nhận TV HĐQT" do VIOD tổ chức (DGP2).

BKS đã nỗ lực việc thực hiện nhiệm vụ giám sát nhằm phát hiện và ngăn chặn kịp thời những sai phạm, sai sót để đảm bảo hoạt động Công ty tuân theo quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ và các nghị quyết ĐHĐCĐ để ra.

HĐQT đã triển khai các nhiệm vụ cụ thể dựa trên các mục tiêu và định hướng ĐHĐCĐ để ra thông qua 01 phiên họp ĐHĐCĐ thường niên, 04 phiên họp HĐQT thường kỳ và nhiều lần lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản để xem xét và giải quyết kịp thời các công việc thuộc trách nhiệm của HĐQT trong năm 2019.

HĐQT cũng thường xuyên trao đổi với BKS, BGD thông qua các cuộc họp định kỳ và kênh thông tin nội bộ nhằm đưa ra các định hướng và quyết định kịp thời.



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY 2019 (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ THEO BỘ NGUYÊN TẮC QTCT TỐT NHẤT ÁP DỤNG CHO CÔNG TY ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM

UBCKNN phối hợp cùng IFC – Ngân hàng Thế giới (WB) đã ban hành Bộ Nguyên tắc QTCT tốt nhất dành cho các doanh nghiệp đại chúng ở Việt Nam vào đầu tháng 8/2019. Với những nỗ lực thực hiện QTCT theo các thông lệ tốt nhất cũng như các chuẩn mực quốc tế về quản trị công ty, CNG Việt Nam đã sử dụng Bộ Nguyên tắc này trong BCTN năm 2019 để đánh giá tình hình QTCT trong năm qua. Đây là những nỗ lực từ phía Ban lãnh đạo và tập thể CNG Việt Nam nhằm cập nhật những quan điểm mới nhất về QTCT đến các cổ đông và nhà đầu tư.



Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện tại CNG Việt Nam	Đánh giá		
			Thực hiện khá-tốt	Cần cải thiện	Chưa thực hiện
I THIẾT LẬP RÕ VAI TRÒ, TRÁCH NHIỆM VÀ CAM KẾT CỦA HĐQT					
1	HĐQT cần phải xác định rõ ràng và công bố toàn bộ các vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của mình	<ul style="list-style-type: none"> Điều 28, Điều lệ Công ty (sửa đổi lần thứ 14 ngày 18/4/2019) Điều lệ Công ty bằng tiếng Anh cũng được công bố trên website Công ty để Cổ đông và Nhà đầu tư nước ngoài thuận tiện theo dõi. Quy chế quản trị nội bộ 2018 BCTN 2019: Báo cáo của HĐQT, Vì môi trường xanh, Vì cộng đồng - xã hội, Giải pháp quản trị, Quản trị rủi ro 	x		
2	TV HĐQT cần phải hiểu đầy đủ về nghĩa vụ, trách nhiệm ủy thác của mình, làm việc trên cơ sở có đầy đủ thông tin, một cách trung thành, cẩn trọng, vì lợi ích cao nhất của Công ty và cổ đông, quan tâm đến lợi ích của các bên liên quan	<ul style="list-style-type: none"> Điều 28, Điều lệ Công ty (sửa đổi lần thứ 14 ngày 18/4/2019), Điều 50, Quy chế quản trị nội bộ 2018 BCTN 2019: Báo cáo của HĐQT 	x		
3	Cùng với Ban điều hành, HĐQT cần phải thúc đẩy văn hóa quản trị công ty tốt trong công ty, và liên tục giám sát tính hiệu quả của văn hoá đó.	<ul style="list-style-type: none"> BCTN 2019: Báo cáo của HĐQT 	x		
4	HĐQT cần phải có trách nhiệm bảo đảm và thông qua một chương trình quy hoạch kế cận hiệu quả cho các vị trí TV HĐQT, CEO, và thành viên Ban Điều hành chủ chốt để bảo đảm tăng trưởng và gia tăng liên tục giá trị của cổ đông.	<ul style="list-style-type: none"> BCTN 2019: Báo cáo của HĐQT 		x	
II THIẾT LẬP MỘT HĐQT CÓ NĂNG LỰC VÀ CHUYÊN NGHIỆP					
1	Tập thể HĐQT cần phải sở hữu các quan điểm, chuyên môn, kỹ năng, năng lực đa dạng, phù hợp để đóng vai trò chèo lái, giám sát Công ty hiệu quả	<ul style="list-style-type: none"> Điều 27, Điều lệ Công ty (sửa đổi lần thứ 14 ngày 18/4/2019) Điều lệ quy định số lượng TV HĐQT là 5 TV Điều 10, Quy chế quản trị nội bộ 2018 	x		
2	Hội đồng Quản trị cần phải bao gồm tối thiểu 2/3 thành viên không điều hành, có các tiêu chuẩn cần thiết để tham gia một cách hiệu quả và giúp HĐQT luôn có các nhận định khách quan, độc lập về hoạt động của công ty và bảo đảm có được cơ chế kiểm soát và cân bằng phù hợp.	<ul style="list-style-type: none"> Điều 27, Điều lệ Công ty (sửa đổi lần thứ 14 ngày 18/4/2019) Hiện tại, CNG Việt Nam chỉ có 01 TV HĐQT kiêm Giám đốc 	x		
3	HĐQT cần phải bổ nhiệm một Thư ký Công ty, là người chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT về tất cả các vấn đề liên quan đến chức năng và hoạt động của HĐQT.	<ul style="list-style-type: none"> Điều 33, Điều lệ Công ty (sửa đổi lần thứ 14 ngày 18/4/2019) Điều 23, Quy chế quản trị nội bộ 2018 	x		
4	Công ty cần phải quy định trong quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty một chính sách phát triển liên tục đối với Hội đồng Quản trị, bao gồm chương trình định hướng cho TV HĐQT mới và cập nhật đào tạo hàng năm cho tất cả các TV HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> Hiện Công ty chưa có quy định này, nhưng có Chính sách đào tạo cho CBNV như đề cập trong Báo cáo PTBV 2019. 			x



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY 2019 (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ THEO BỘ NGUYÊN TẮC QTCT TỐT NHẤT ÁP DỤNG CHO CÔNG TY ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM (tiếp theo)

Stt	Chi tiêu	Thực hiện tại CNG Việt Nam	Đánh giá		
			Thực hiện khá-tốt	Cần cải thiện	Chưa thực hiện
III BẢO ĐẢM VAI TRÒ LÃNH ĐẠO HIỆU QUẢ VÀ TÍNH ĐỘC LẬP CỦA HĐQT					
1	Sau khi được bầu chọn, tất cả các TV HĐQT cần phải có trách nhiệm với Công ty, cho dù được bổ nhiệm bởi cổ đông, nhóm cổ đông, quản tài viên hay các bên liên quan	<ul style="list-style-type: none"> Điều lệ Công ty (sửa đổi lần thứ 14 ngày 18/4/2019) Quy chế quản trị nội bộ 2018 	x		
2	Để thúc đẩy nhận định độc lập của tất cả các TV HĐQT, sự liên chính của hệ thống quản trị, Công ty cần phải có tối thiểu 1/3 TV HĐQT là độc lập.	<ul style="list-style-type: none"> Điều 27, Điều lệ Công ty (sửa đổi lần thứ 14 ngày 18/4/2019) 	x		
3	HĐQT cần phải bảo đảm các TV HĐQT độc lập có đầy đủ các tiêu chuẩn, năng lực cần thiết để tham gia đóng góp cho HĐQT	<ul style="list-style-type: none"> Điều 26, Điều lệ Công ty (sửa đổi lần thứ 14 ngày 18/4/2019) Điều 10, Quy chế quản trị nội bộ 2018 	x		
4	TV HĐQT độc lập chỉ nên tham gia Hội đồng Quản trị tối đa chín năm liên tục.	<ul style="list-style-type: none"> TV HĐQT độc lập của Công ty tham gia HĐQT được 7 năm 	x		
5	HĐQT cần phải chỉ định 1 TV HĐQT đứng đầu trong số các TV HĐQT độc lập nếu Chủ tịch HĐQT không phải là TV độc lập, bao gồm trường hợp Chủ tịch HĐQT cũng đồng thời là TGD	<ul style="list-style-type: none"> BCTN 2019: Giới thiệu HĐQT, Giới thiệu BGD 		x	
IV THÀNH LẬP CÁC ỦY BAN THUỘC HĐQT			Dựa trên tình hình hoạt động hiện tại, CNG Việt Nam nhận thấy chưa cần thiết thành lập các Ủy ban thuộc HĐQT.		
			Công ty đang lập kế hoạch cho việc thành lập một số Ủy ban thuộc HĐQT trong thời gian sắp tới để nâng cao chất lượng quản trị của công ty.		
1	HĐQT cần phải thành lập Ủy ban kiểm toán và bảo đảm để Ủy ban này có đủ nguồn lực và thẩm quyền. Ủy ban kiểm toán phải bảo đảm các Kiểm soát nội bộ phù hợp được duy trì và Công ty tuân thủ mọi luật pháp và quy định liên quan.				x
2	HĐQT cần phải thành lập 1 Ủy ban quản lý rủi ro có năng lực để bảo đảm các rủi ro tiềm ẩn trong HĐKD của Công ty được quản lý phù hợp.				x
3	HĐQT cần thành lập Ủy ban Quản trị công ty, Bổ nhiệm, Lương thưởng để tăng cường hiệu quả của khung Quản trị công ty, bảo đảm rằng chính sách, hoạt động bổ nhiệm, lương thưởng của Công ty hỗ trợ được việc bổ nhiệm, phát triển, thu hút và giữ chân các TV HĐQT và Ban điều hành tài năng.				x
V BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG HIỆU QUẢ CỦA HĐQT					
1	HĐQT cần phải thực hiện tự đánh giá hàng năm đối với kết quả công việc của mình, bao gồm kết quả công việc của Chủ tịch, từng TV, các Ủy ban. 3 năm 1 lần, việc đánh giá này nên được hỗ trợ của chuyên gia tư vấn/cố vấn bên ngoài	<ul style="list-style-type: none"> Điều 45, Quy chế quản trị nội bộ 2018 Quy chế thi đua khen thưởng BCTN 2019: Báo cáo của HĐQT 		x	
2	HĐQT cần phải thiết lập hệ thống để quy định, ở mức tối thiểu, các tiêu chí và quy trình để xác định hiệu quả công việc của HĐQT, từng TV HĐQT và các Ủy ban trực thuộc. Hệ thống này nên cho phép cơ chế phản hồi từ cổ đông.	<ul style="list-style-type: none"> Điều 45, Quy chế quản trị nội bộ 2018 		x (Nâng cao cơ chế nhận phản hồi từ cổ đông trong thời gian tới)	
3	Khi đề xuất mức thù lao chi trả TV HĐQT lên ĐHCĐ phê duyệt, HĐQT cần phải cân nhắc xem liệu cơ cấu thù lao đó có phù hợp với vai trò, trách nhiệm tương ứng của từng thành viên, có gắn với kết quả hoạt động của cá nhân và công ty, tạo động lực để HĐQT lãnh đạo công ty nhằm đạt được cả mục tiêu ngắn, dài hạn	<ul style="list-style-type: none"> Điều 29, Điều lệ Công ty (sửa đổi lần thứ 14 ngày 18/4/2019) 		x	



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY 2019 (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ THEO BỘ NGUYÊN TẮC QTCT TỐT NHẤT ÁP DỤNG CHO CÔNG TY ĐẠI CHỨNG VIỆT NAM (tiếp theo)

Stt	Chi tiêu	Thực hiện tại CNG Việt Nam	Đánh giá		
			Thực hiện khá-tốt	Cần cải thiện	Chưa thực hiện
VI THIẾT LẬP VÀ DUY TRÌ VĂN HÓA ĐẠO ĐỨC CÔNG TY					
1	HĐQT cần phải bảo đảm việc áp dụng Bộ Quy tắc Đạo đức Kinh doanh để thiết lập một văn hoá kinh doanh với chuẩn mực cao trong Công ty. Bộ Quy tắc này sẽ cung cấp chuẩn mực cho hành vi chuyên môn và đạo đức, cũng như làm rõ những hành vi và hoạt động được và không được chấp nhận trong quan hệ nội bộ và bên ngoài. Bộ Quy tắc cần phải được phổ biến phù hợp cho HĐQT, Ban Điều hành và nhân viên trong công ty. Bộ Quy tắc cũng cần phải được công bố công khai trên website công ty.	<ul style="list-style-type: none"> Bộ quy tắc ứng xử Quy trình bán hàng và chăm sóc khách hàng BCTN 2019: Giáo dục và đào tạo 		X	
2	HĐQT cần phải bảo đảm triển khai phù hợp và hiệu quả và theo dõi việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức Kinh doanh và các chính sách nội bộ.	<ul style="list-style-type: none"> Bộ quy tắc ứng xử Quy chế đánh giá thi đua khen thưởng BCTN 2019: Giáo dục và đào tạo 		X	
3	HĐQT là đầu mối, chịu trách nhiệm tập thể về quản trị, thành công trong dài hạn của Công ty, việc mang lại giá trị bền vững cho các bên liên quan. HĐQT cần phải là tấm gương cho Ban điều hành, nhân viên	<ul style="list-style-type: none"> Điều lệ Công ty (sửa đổi lần thứ 14 ngày 18/4/2019) Quy chế quản trị nội bộ 2018 Bộ quy tắc ứng xử BCTN 2019: Báo cáo của HĐQT 		X	
VII THIẾT LẬP KHUNG QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT VỮNG MẠNH					
1	HĐQT cần phải đảm bảo sự tích hợp giữa chiến lược, rủi ro, kiểm soát, giám sát hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.	<ul style="list-style-type: none"> Điều lệ Công ty (sửa đổi lần thứ 14 ngày 18/4/2019) BCTN 2019: Quản trị rủi ro 	X		
2	HĐQT cần phải thành lập chức năng KTNB để có đảm bảo khách quan, tư vấn độc lập nhằm gia tăng giá trị, cải tiến hoạt động của tổ chức.	<ul style="list-style-type: none"> Hiện tại CNG Việt Nam duy trì cơ chế Ban Kiểm soát 			CNG Việt Nam sẽ nghiên cứu phương án chuyển đổi cơ chế Ban Kiểm soát sang Kiểm toán nội bộ trong thời gian tới để nâng cao chất lượng QTCT.
3	HĐQT cần phải thành lập 1 chức năng tuân thủ như là tuyến phòng vệ thứ 2 với vị trí, quyền hạn cần thiết.	<ul style="list-style-type: none"> HĐQT thành lập các Tổ chuyên môn tư vấn, hỗ trợ trong các vấn đề liên quan đến kỹ thuật, thương mại, lao động tiền lương.... 			
4	HĐQT cần phải giám sát hệ thống quản lý rủi ro toàn công ty, bảo đảm hoạt động quản lý rủi ro hỗ trợ công ty đưa ra các quyết định chiến lược tốt hơn, và dựa trên cơ sở hiểu biết đầy đủ về các rủi ro. HĐQT cũng cần phải quản lý rủi ro trong phạm vi khẩu vị rủi ro của công ty.	<ul style="list-style-type: none"> BCTN 2019: Quản trị rủi ro 		X	
5	HĐQT cần phải bảo đảm việc công ty thiết lập một khung quản lý an ninh mạng phù hợp.				X
6	HĐQT cần phải thiết lập các tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, đánh giá chất lượng công việc của kiểm toán độc lập cũng như quy trình để theo dõi việc thực hiện các khuyến nghị mà kiểm toán độc lập đưa ra.	<ul style="list-style-type: none"> Ưu tiên lựa chọn các công ty thuộc nhóm Big 4, và đáp ứng các tiêu chuẩn quy định bởi pháp luật 	X		



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY 2019 (tiếp theo)

ĐÁNH GIÁ THEO BỘ NGUYÊN TẮC QTCT TỐT NHẤT ÁP DỤNG CHO CÔNG TY ĐẠI CHÚNG VIỆT NAM (tiếp theo)

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện tại CNG Việt Nam	Đánh giá		
			Thực hiện khá-tốt	Cần cải thiện	Chưa thực hiện
VIII TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY					
1	HĐQT cần phải thiết lập các nguyên tắc và quy trình để CBTT cho Cổ đông, các bên liên quan khác, và giám sát việc thực hiện các nguyên tắc, quy trình này.	<ul style="list-style-type: none"> Quy chế nội bộ về QTCT: CBTT-Minh bạch và bảo mật thông tin 	x		
2	Để thúc đẩy tiếp cận hiệu quả, tối ưu về chi phí đối với các thông tin liên quan, HĐQT cần bảo đảm có được sự tiếp cận dễ dàng, không phân biệt đối xử với những thông tin đã được công bố bằng cách sử dụng các công cụ truyền thông đa dạng.	<ul style="list-style-type: none"> Điều 55, Quy chế quản trị nội bộ 2018 - BCTN 2019: Hoạt động Quan hệ nhà đầu tư 	x		
3	HĐQT cần phải bảo đảm việc công bố các thông tin phi tài chính bao gồm báo cáo về môi trường và xã hội.	<ul style="list-style-type: none"> BCTN 2019: Trách nhiệm với môi trường xanh, Cộng đồng – xã hội 	x		
4	HĐQT cần phải bảo đảm thù lao của các TV HĐQT và Ban Điều hành được công bố công khai nhằm đáp ứng yêu cầu của cổ đông liên quan đến thù lao, hiệu quả hoạt động và tạo ra giá trị.	<ul style="list-style-type: none"> BCTN 2019: Thù lao, lương và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS, BGĐ 	x		
IX THIẾT LẬP KHUÔN KHỔ ĐỂ THỰC HIỆN HIỆU QUẢ QUYỀN CỦA CỔ ĐÔNG					
1	HĐQT cần phải thiết lập và công bố các chính sách bảo vệ quyền của cổ đông, và giám sát việc thực hiện các chính sách này.	<ul style="list-style-type: none"> Điều 13, Điều lệ Công ty (sửa đổi lần thứ 14 ngày 18/4/2019) 	x		
2	HĐQT cần phải tổ chức họp ĐHCĐ hiệu quả.	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 4, Quy chế quản trị nội bộ 2018 - Điều 13, Điều 19, Điều lệ Công ty (sửa đổi lần thứ 14 ngày 18/4/2019) 	x		
3	9.3. HĐQT cần phải xây dựng và thực hiện chính sách cổ tức công bằng và nhất quán.	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 13, Điều 19, Điều lệ Công ty (sửa đổi lần thứ 14 ngày 18/4/2019) 	x		
4	9.4. Đối xử bình đẳng đối với tất cả các cổ đông.	<ul style="list-style-type: none"> - Điều 5, Quy chế quản trị nội bộ 2018 - Cung cấp Tài liệu họp ĐHCĐ như tài liệu, nghị quyết, biên bản bằng tiếng Anh, và cung cấp thông dịch viên tại cuộc họp nếu cần thiết cho các cổ đông nước ngoài. - Thông tin công bố được đăng tải bằng tiếng Việt và tiếng Anh trên website công ty 	x		
5	Giao dịch với bên liên quan cần phải được thông qua và tiến hành theo cách thức đảm bảo các xung đột lợi ích được quản lý hợp lý và bảo vệ lợi ích của công ty và cổ đông.	<ul style="list-style-type: none"> Điều 19, Quy chế quản trị nội bộ 2018 - Điều 42, Điều lệ Công ty (sửa đổi lần thứ 14 ngày 18/4/2019) 	x		
X TĂNG CƯỜNG THAM GIA HIỆU QUẢ CỦA CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN					
1	HĐQT cần đảm bảo thiết lập các quy tắc để bảo vệ, thúc đẩy sự tham gia của các bên liên quan.	<ul style="list-style-type: none"> BCTN 2019: Sự tham gia của các bên liên quan, Vì cộng đồng - xã hội 	x		
2	HĐQT cần phải đảm bảo và giám sát các cuộc đối thoại phù hợp giữa công ty và các bên có quyền lợi liên quan.	<ul style="list-style-type: none"> BCTN 2019: Sự tham gia của các bên liên quan, Cộng đồng - xã hội 	x		



ĐÁNH GIÁ CỦA TV HĐQT ĐỘC LẬP

Đội ngũ lãnh đạo và điều hành đã làm việc tận tụy và chuyên nghiệp, cũng như phối hợp với nhau một cách nhịp nhàng vì lợi ích chung của Công ty và cổ đông để đạt được kết quả kinh doanh cao nhất trong bối cảnh thị trường dầu khí thế giới diễn biến khó lường.

HĐQT đã không ngừng cập nhật, cải thiện hoạt động của mình nhằm hướng đến các chuẩn mực quốc tế về Quản trị công ty. Nhờ vậy, kết quả hoạt động trong năm đã hoàn thành tốt kế hoạch do ĐHĐCĐ giao phó.

TV HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp trong năm 2019 của HĐQT, và góp phần hoàn thiện các chính sách, công tác điều hành... bằng các kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn của mình thông qua việc đóng góp ý kiến tại các buổi họp.

Trong năm 2020, TV HĐQT độc lập sẽ tiếp tục duy trì tương tác với HĐQT và Ban điều hành để có thể kịp thời thảo luận và đưa ra những giải pháp định hướng kịp thời, góp phần ứng phó với những diễn biến phức tạp của thị trường dầu khí và gián đoạn nguồn cung.



DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QTCT

Các thành viên trong Ban lãnh đạo thường xuyên tham gia các chương trình về QTCT nhằm phát huy năng lực hoạt động, sự đóng góp đối với quá trình hoạt động của CNG Việt Nam. Ý thức được vai trò quyết định của đội ngũ lãnh đạo, công tác đào tạo các chứng chỉ, chương trình về quản trị luôn được Công ty chú trọng.

Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về QTCT:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Vũ Văn Thực	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc
3	Ông Phạm Đình Đạt	Thành viên HĐQT chuyên trách
4	Ông Bùi Tường Định	Thành viên HĐQT chuyên trách
5	Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên HĐQT độc lập

CƠ CẤU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự buổi họp (%)	Lý do
1	Bà Phan Thị Kim Thoa	Trưởng BKS	2/2	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Kiểm soát viên	2/2	100%	
3	Ông Nguyễn Quang Bá	Kiểm soát viên	2/2	100%	



CÁC NHIỆM VỤ ĐÃ ĐƯỢC BKS TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2019

- ★ Tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, tích cực tham gia đóng góp ý kiến, thường xuyên có những kiến nghị kịp thời nhằm hoàn thiện chính sách, quy trình, quy chế nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty.
- ★ Giám sát, kiểm tra việc quyết toán vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư của công trình.
- ★ Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính Quý, soát xét 6 tháng và năm của Công ty.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

- 1** Về thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, Ban Giám đốc
- 2** Về việc tuân thủ các qui định của pháp luật trong quản lý, điều hành
- 3** Việc ban hành các qui chế, qui định nội bộ

HĐQT, Ban Giám đốc đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. HĐQT đã bám sát các mục tiêu, định hướng ĐHĐCĐ quyết nghị để triển khai các nhiệm vụ cụ thể. Ban Giám đốc căn cứ nghị quyết, quyết định của HĐQT triển khai nhiệm vụ một cách kịp thời và có những ứng xử linh hoạt để đạt được kết quả tốt nhất.

Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn, công tác thu hồi công nợ được quan tâm sâu sát, sử dụng nhiều biện pháp để thu hồi, thực hiện trích lập quỹ dự phòng tài chính đầy đủ, đúng quy định.

Công tác đầu tư: Đầu tư tài sản cố định của Công ty đã thực hiện đúng Điều lệ. Công tác đầu tư xây dựng được thực hiện tuân thủ đúng các quy định của Luật đầu thầu, các quy định về quản lý chất lượng, quản lý chi phí xây dựng công trình.

Chế độ báo cáo: Công ty đã chấp hành tốt quy định về công bố thông tin đối với công ty niêm yết. Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, mua bán cổ phiếu quỹ, tạm ứng cổ tức, thay đổi, bổ sung nhân sự cấp cao... được công bố kịp thời, đăng tải đầy đủ trên website Công ty, tạo điều kiện cung cấp thông tin chính thống cho cổ đông, nhà đầu tư.

Được thực hiện chặt chẽ, cần trọng trên cơ sở thực tiễn doanh nghiệp và phù hợp với qui định của pháp luật. Thông qua các ý kiến đóng góp vào dự thảo đã phát huy được trí tuệ tập thể, do đó các qui định khi ban hành có tính khả thi cao, thực sự là công cụ hữu hiệu phục vụ công tác quản lý, điều hành.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BGD VÀ CÁC BỘ PHẬN QUẢN LÝ KHÁC:

BKS luôn phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ HĐQT, BGD trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

BKS phối hợp với HĐQT trong việc cải thiện quy trình quản trị rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát hiện tại có 03 thành viên. Với kiến thức và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính, các thành viên Ban Kiểm soát luôn xác định được vai trò trách nhiệm thực hiện kiểm soát các hoạt động của Công ty theo qui định nhằm bảo vệ lợi ích cao nhất cho các cổ đông của CNG Việt Nam.

Trong suốt năm vừa qua, Ban Kiểm soát đã nỗ lực giám sát hoạt động kinh doanh, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những vấn đề sai phạm, sai sót nhằm đảm bảo hoạt động Công ty theo đúng qui định của pháp luật và Điều lệ cũng như thực hiện các Nghị quyết ĐHĐCĐ để ra hàng năm. Đồng thời, Ban Kiểm soát cũng tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, tích cực tham gia đóng góp ý kiến cũng như thường xuyên có những kiến nghị kịp thời nhằm hoàn thiện chính sách, quy trình, quy chế, nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty.



NGUỒN CẤP KHÍ VÀ KẾT QUẢ KINH DOANH

THỊ TRƯỜNG DẦU KHÍ THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC NĂM 2019 TỒN TẠI NHIỀU RỦI RO, BIẾN ĐỘNG LÊN XUỐNG THẤT THƯỜNG DO ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC YẾU TỐ ĐỊA CHÍNH TRỊ THẾ GIỚI VÀ NHU CẦU THIỂU ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG. TRONG KHI ĐÓ, SỰ CỐ BẤT NGỜ TẠI GIẾNG DẦU MỎ THÁI BÌNH ĐÃ KHIẾN NGUỒN CẤP KHÍ Ở BIÊN BẮC BỊ GIÁN ĐOẠN; ĐỒNG THỜI Ở MIỀN NAM, NGUỒN KHÍ ĐƯỢC ƯU TIÊN PHÂN BỐ CHO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT ĐIỆN CÀNG KHIẾN SẢN LƯỢNG KHÍ ĐẦU VÀO CỦA CÔNG TY SUY GIẢM VÀ ĐẨY GIÁ THÀNH LÊN CAO. ĐIỀU NÀY CŨNG KHIẾN CHO GIÁ BÁN CNG CAO HƠN LPG NÊN MỘT SỐ KHÁCH HÀNG CHUYỂN SANG SỬ DỤNG LPG HAY CÁC NHIÊN LIỆU THAY THẾ KHÁC CÀNG KHIẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY GẶP NHIỀU KHÓ KHĂN.

LNTT VÀ LNST NĂM 2019 LẦN LƯỢT ĐẠT

107,61

Tỷ đồng

84,35

Tỷ đồng

Tương ứng hoàn thành 102% và 100% so với kế hoạch

TỔNG DOANH THU NĂM 2019

2.146,74

Tỷ đồng

Vượt 123% so với kế hoạch

Trong bối cảnh này, Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty đã quyết liệt đề ra nhiều giải pháp và cố gắng phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt các chỉ tiêu chính so với kế hoạch ĐHCĐ giao phó.

Kết quả là năm 2019, Công ty đã ký 06 hợp đồng với khách hàng (cả CNG Vietnam và Đại lý), trong đó CNG Vietnam ký 03 khách hàng, giúp tăng số lượng khách hàng lên 63 khách hàng (vẫn giữ được các khách hàng cũ, tăng 06 khách hàng so với năm 2018).

Tổng sản lượng tiêu thụ khí trong năm đạt 192,16 triệu Sm³, vượt 123% so với kế hoạch và tăng 117% so với năm 2018. Trong đó, sản lượng tiêu thụ ở Miền Nam vượt 131% so với kế hoạch do cấp khí thêm cho 04 khách hàng mới và một số khách hàng hiện hữu tăng sản lượng so với kế hoạch.

Tại thị trường Miền Bắc, sản lượng chỉ đạt 66% so với kế hoạch do mất khí từ tháng 2 đến tháng 6, đồng thời giá CNG cao hơn giá LPG nên khách hàng đã chuyển sang sử dụng LPG và chưa sử dụng lại CNG.

Tổng doanh thu (doanh thu bán khí và doanh thu tài chính, doanh thu khác) vượt 123% so với kế hoạch, tăng trưởng 117% so với năm trước và ghi nhận ở mức 2.146,74 tỷ đồng; trong đó doanh thu bán CNG đạt 2.130,39 tỷ đồng, vượt 122% kế hoạch đề ra và tăng trưởng 117% so với năm 2018.

LNTT và LNST năm 2019 lần lượt đạt 107,61 tỷ đồng và 84,35 tỷ đồng, tương ứng hoàn thành 102% và 100% so với kế hoạch. Các chỉ tiêu này giảm so với năm 2018 chủ yếu sự cố mất khí đầu nguồn Thái Bình và giá khí đầu vào tăng dẫn đến tỷ suất lợi nhuận thấp.



Table with 8 columns: Stt, Các chỉ tiêu chính, Đvt, Kế hoạch, Thực hiện, Tỷ lệ TH/KH (%), Năm 2019 (Thực hiện), Tỷ lệ 2019/2018 (%). Rows include CNG production, regional sales, revenue, and profit.

DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG VÀ MARKETING - NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU

Năm 2019, CNG Việt Nam đã hoàn tất triển khai áp dụng nhận diện thương hiệu mới trong toàn bộ Công ty từ Văn phòng cho đến nhà máy, phương tiện vận tải...

Công ty cũng đã tích cực triển khai các hoạt động quảng bá hình ảnh, quảng bá sản phẩm CNG bằng quảng cáo Google Ad, bảng quảng cáo ngoài trời, quảng cáo trên xe buýt,... để không ngừng phát triển thương hiệu CNG Việt Nam trở thành thương hiệu uy tín, chất lượng và phổ biến khắp cả nước.

CNG Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh công tác quan hệ khách hàng và phát triển thị trường thông qua tiếp xúc và các chính sách phát triển thị trường, chính sách bán hàng, chính sách tín dụng và các chương trình hỗ trợ hợp lý:

Grid of 6 text boxes containing marketing and customer service strategies such as 'Tích cực mở rộng mạng lưới khách hàng', 'Đa dạng hóa khách hàng sử dụng CNG', and 'Tiếp tục phát triển theo hướng đa dạng hóa khách hàng'.

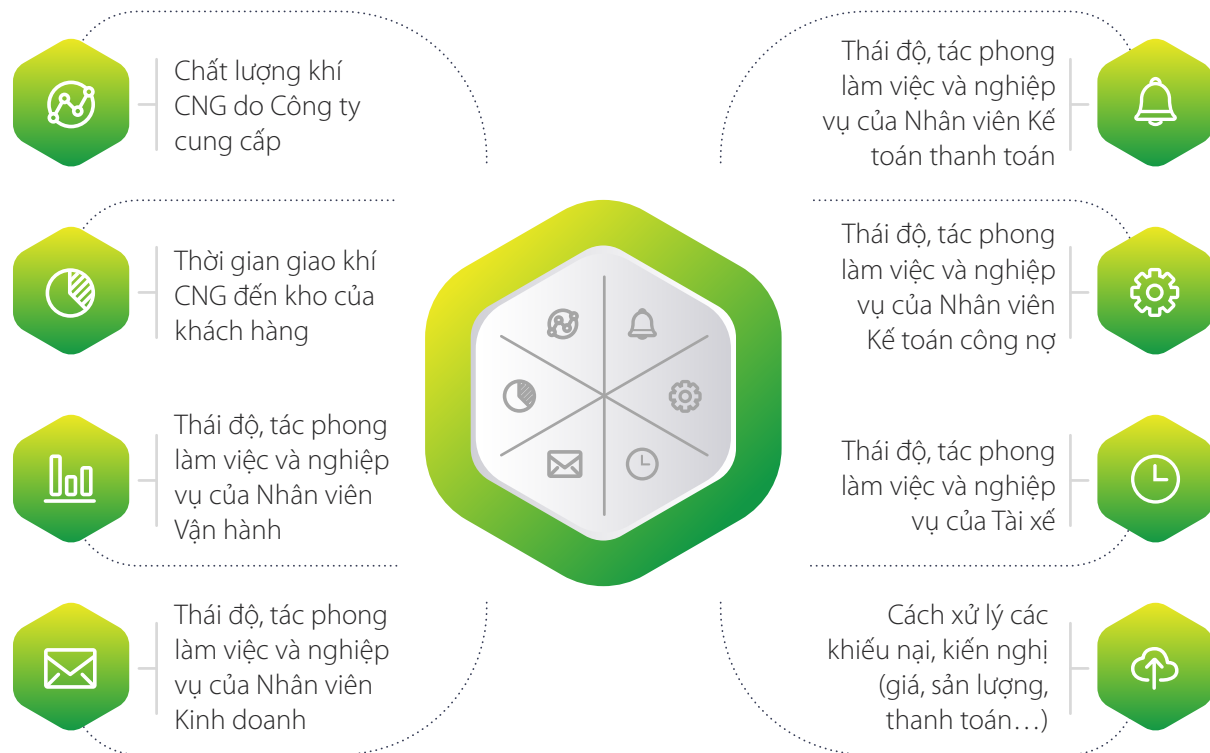


DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG VÀ MARKETING - NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU (tiếp theo)



Đối với các khách hàng hiện hữu, Công ty thắt chặt mối quan hệ, tìm hiểu tình hình sản xuất kinh doanh để có chính sách hấp dẫn nhằm gia tăng sản lượng tiêu thụ và các chính sách hỗ trợ khác. Công ty tiếp tục tiếp xúc với khách hàng mới, làm việc với Ban quản lý các KCN để tìm kiếm khách hàng tiềm năng, đồng thời đàm phán để xây dựng trạm cấp khí trung tâm trong các KCN. Đặc biệt, trong năm 2019, Công ty đẩy mạnh triển khai hoạt động bán hàng thông qua các Đại lý, và trong thời gian tới sẽ hoàn thiện các cơ chế, chính sách để đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các bên.

Đối với công tác hậu mãi/chăm sóc khách hàng, định kỳ mỗi 6 tháng, Công ty thực hiện đánh giá sự thỏa mãn của khách hàng theo Quy trình bán khí CNG và chăm sóc khách hàng, nhằm để không ngừng cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ, gia tăng sự gắn bó của khách hàng, gia tăng uy tín thương hiệu. Sự thỏa mãn của khách hàng được đánh giá căn cứ vào 08 yếu tố:



Tất cả các phản hồi, ý kiến của khách hàng đều được các đơn vị ghi nhận, phản hồi khách hàng trong vòng 03 ngày làm việc. Các ý kiến về vấn đề an toàn, kỹ thuật tại các trạm khách hàng được Công ty tích cực xử lý trong thời gian sớm nhất, đảm bảo cấp khí an toàn, liên tục cho khách hàng. Trong năm 2019, các kiến nghị, phản hồi của khách hàng đều được xử lý kịp thời.

Trong 6 tháng đầu năm 2019, theo chỉ thị của Bộ Công thương, Tổng Công ty phải cắt giảm khí cấp cho các khách hàng công nghiệp để phục vụ cấp điện quốc gia vào mùa khô, và sự cố khí đầu nguồn đã gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng, dẫn đến mức độ hài lòng của khách hàng bị sụt giảm. Hầu hết các khách hàng đều kiến nghị và khiếu nại yêu cầu Công ty cung cấp đầy đủ lượng khí để ổn định sản xuất. Công ty đã đàm phán với các khách hàng để tìm các phương án thay thế nhằm khắc phục sự cố cắt khí một cách hiệu quả nhất và nâng cao sự hài lòng của khách hàng.

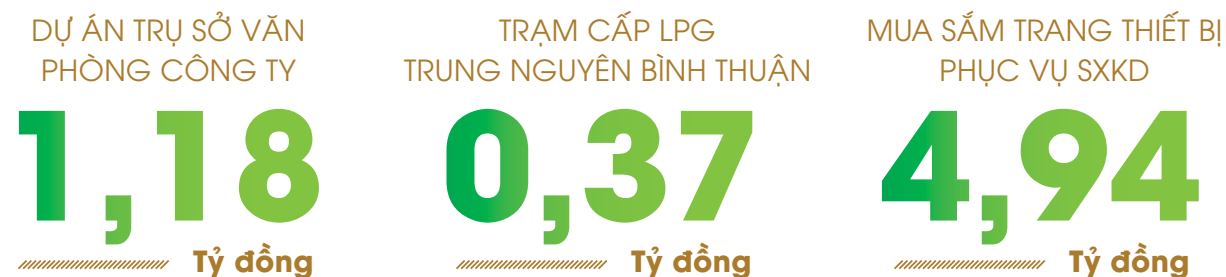


	Kết quả				
	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	So sánh	
Số Khách hàng phản hồi	40	37	34/47		
Mức 5 (rất tốt)	Rất thỏa mãn về sản phẩm, dịch vụ	22,22%	15%	26,47%	Tăng
Mức 4 (tốt)	Thỏa mãn về sản phẩm, dịch vụ	74,08%	72,5%	64,71%	Giảm
Mức 3 (trung bình)	Chấp nhận được về sản phẩm, dịch vụ	3,7%	12,5%	8,82%	Giảm
Mức 2 (kém)	Không thỏa mãn về sản phẩm, dịch vụ	0	0	0	
Mức 1 (rất kém)		0	0	0	



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN - XÂY DỰNG CƠ BẢN

Do dự án trụ sở văn phòng CNG Việt Nam chưa đi vào giai đoạn thi công, dự án lắp đặt trạm cấp khí LPG chỉ thực hiện 01 trạm LPG Trung Nguyên Bình Thuận nên tổng giá trị giải ngân các hạng mục đầu tư trong năm 2019 thấp hơn nhiều so với kế hoạch, đạt tổng cộng 6,49 tỷ đồng, tương đương 6,3% của kế hoạch trước đó. Giá trị giải ngân cụ thể như sau:



Nhìn chung các dự án đầu tư thực hiện trong năm 2019 đảm bảo về chất lượng công trình, chất lượng thiết bị, an toàn, đáp ứng nhu cầu nhận khí của khách hàng và kế hoạch SXKD của Công ty.

Stt	Dự án	Đã thực hiện	Đang thực hiện
1	Trụ sở văn phòng Công ty	<ul style="list-style-type: none"> Xin cấp chứng chỉ quy hoạch Chứng chỉ bảo vệ môi trường Lập báo cáo nghiên cứu khả thi Lựa chọn đơn vị lập thiết kế, thẩm tra bản vẽ thi công và tổng dự toán, đơn vị tư vấn quản lý dự án, tư vấn giám sát thi công công trình. 	Lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng công trình, đơn vị bảo hiểm công thi công xây dựng công trình tháng 4/2020.
2	Trạm cấp LPG Trung Nguyên Bình Thuận	<ul style="list-style-type: none"> Tư vấn lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật Thẩm tra Báo cáo kinh tế kỹ thuật Ký hợp đồng thi công và hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình. 	Hợp đồng cung cấp thiết bị vật tư và thi công lắp đặt trạm Hợp đồng tư vấn giám sát thi công lắp đặt trạm
3	Trạm cấp LPG cho khách hàng Tôn Đông Á	<ul style="list-style-type: none"> Không thực hiện do khách hàng tự đầu tư 	
4	Mua sắm trang thiết bị phục vụ SXKD	<ul style="list-style-type: none"> Hoàn thành theo đúng kế hoạch 	

TUẦN THỦ PHÁP LUẬT

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dầu khí có nhiều đặc điểm đặc thù, CNG Việt Nam luôn đặt yêu cầu tuân thủ pháp luật lên hàng đầu, đặc biệt là trong lĩnh vực pháp lý được thực hiện theo Quy trình kiểm soát tuân thủ quy định luật pháp của Công ty số CNG.QT.04. Tần suất cập nhật thực hiện hàng quý, các đơn vị và bộ phận chuyên môn tự kiểm soát thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

Công tác PCCC: Cập nhật các hồ sơ, tài liệu, phương án liên quan đến công tác PCCC theo quy định của pháp luật tại các chi nhánh, các trạm PRU khách hàng; văn bản nghiệm thu PCCC đầy đủ, lập hồ sơ theo dõi quản lý công tác PCCC theo quy định; thực hiện mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc đối với các cơ sở.

Cập nhật tài liệu quản lý an toàn năng công suất Nhà máy CNG Phú Mỹ lên 185 triệu/Sm³ được Bộ

Công thương phê duyệt vào tháng 01/2019.

Các công trình này từ giai đoạn thiết kế thi công và đi vào hoạt động đều tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật về An toàn, PCCC đối với công trình khí. Sơ đồ bố trí công nghệ, hệ thống kỹ thuật, vật tư có nguy hiểm cháy nổ: Công trình Nhà máy CNG Phú Mỹ trải qua nhiều giai đoạn lắp đặt nghiệm thu, tất cả các giai đoạn đều có bản vẽ sơ và đồ công nghệ đính kèm.

Thực hiện nghiêm túc các quy định về quản lý hóa chất, chất thải, xử lý chất thải nguy hại, thực hiện việc phân loại, lưu trữ và ký hợp đồng với cơ quan chức năng xử lý rác thải nguy hại theo đúng quy định. Báo cáo quản lý chất thải nguy hại cho Sở Tài nguyên – Môi trường theo quy định.

Công tác quản lý môi trường được tuân thủ: Thực hiện việc khảo sát đánh giá Điều kiện vệ sinh lao động,

khảo sát môi trường định kỳ đầy đủ và xử lý kịp thời các yếu tố bất lợi phát sinh; lập báo cáo đánh giá tác động môi trường cho các dự án mới, xây dựng, cải tạo.

Công tác chăm sóc sức khỏe và cải thiện điều kiện làm việc luôn được duy trì: khám sức khỏe định kỳ cho người lao động 2 lần/năm, trang bị cung cấp đầy đủ vật dụng sơ cấp cứu, cơ sở thuốc cần thiết cho CBCNV làm việc tại Nhà máy và các trạm giám áp; trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân, bảo hộ lao động cho người lao động trực tiếp tại Nhà máy và các trạm khách hàng.

Định kỳ cuối năm, Công ty gửi báo cáo ATVSLĐ, báo cáo tình hình thực hiện dự án, báo cáo giám sát môi trường... cho các cơ quan chức năng gồm: Sở Công thương, Sở LĐTBXH, Sở Tài nguyên – Môi trường, Ban quản lý KCN tỉnh...

SỐ VĂN BẢN MỚI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC AN-AT-SK-MT BAN HÀNH TRONG NĂM ĐƠN VỊ ÁP DỤNG							Số văn bản mới được đáp ứng tuân thủ	Số văn bản chưa tuân thủ	Số văn bản mâu thuẫn, vướng mắc	Nguyên nhân, kiến nghị
An toàn	PCCC	Bảo vệ môi trường	Thuế	Đầu tư xây dựng	Lao động tiền lương					
2	1	1	1	1	1	7	0	0	0	

Tên dự án	Số giấy phép cần có theo quy định (an ninh, an toàn, môi trường, PCCC, hóa chất, hàng hải, quản lý LPG...)	Số giấy phép chưa có	Lý do	Thời hạn
Trạm cấp khí Kyeoi Ninh Bình	01 giấy phép An ninh Trật tự			
Trạm cấp khí nhà máy thép Bắc Việt Hải Phòng	01 giấy phép PCCC			
Trụ sở Văn Phòng CNG Việt Nam	01 giấy phép PCCC 01 giấy phép xây dựng			
Trạm cấp khí LPG Trung Nguyên Bình Thuận	01 giấy phép PCCC			
Trạm cấp khí thép Nam Hưng – Long An	01 giấy phép PCCC			



ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN HỆ THỐNG QUẢN LÝ TÍCH HỢP AT-CL-MT

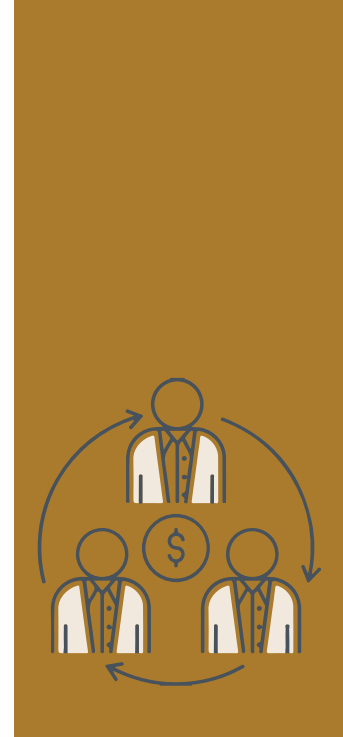


CÔNG TÁC AT-CL-MT LUÔN ĐƯỢC CNG VIỆT NAM CHÚ TRỌNG DO ĐẠT ĐỘNG KINH DOANH CHÍNH CỦA CÔNG TY LÀ SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI CNG, VỐN LÀ KHÍ THIÊN NHIÊN CÓ ÁP SUẤT CAO, PHẢI THƯỜNG XUYÊN VẬN CHUYỂN TRÊN ĐƯỜNG ĐẾN CÁC KHÁCH HÀNG NÊN LUÔN TIỀM ẨN NHIỀU RỦI RO. BÊN CẠNH ĐÓ, SẢN LƯỢNG KHÍ HÀNG NĂM TĂNG, MÁY MÓC, THIẾT BỊ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC, KHÁCH HÀNG TIÊU THỤ CNG CÓ ĐẶC THÙ SẢN XUẤT KHÁC NHAU VÀ PHÂN TÁN TẠI NHIỀU NƠI THUỘC NHIỀU TỈNH THÀNH, CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CA/KÍP... KHIẾN CÔNG TÁC NÀY TRỞ THÀNH MỘT TRỌNG TÂM TRONG ĐIỀU HÀNH.



Định kỳ đến thời gian đánh giá, Công ty thực hiện các đợt kiểm tra an toàn, đánh giá của bên ngoài, Công ty đều phân công các đơn vị chịu trách nhiệm lập kế hoạch và triển khai thực hiện các kiến nghị theo đúng tiến độ yêu cầu để đáp ứng các yêu cầu của bên chứng nhận. Đồng thời, Công ty thực hiện duy trì và cải tiến hoạt động kiểm tra an toàn và đánh giá nội bộ hệ thống AT-CL-MT toàn công ty, nhằm phát hiện những điểm không phù hợp và kịp thời đưa ra các biện pháp khắc phục, phòng ngừa, đảm bảo mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tuân thủ, đáp ứng các yêu cầu của pháp luật hiện hành.

Công ty đã xây dựng 4 mục tiêu để triển khai công tác AT-CL-MT hàng năm bao gồm: (1) Đảm bảo sản lượng khí và chất lượng khí cung cấp cho khách hàng; (2) Ngăn ngừa sự cố trong hoạt động vận hành, BDSC và xây lắp trên công trình khí; (3) Kiểm soát các hoạt động có khả năng gây tác động đến môi trường; và (4) Duy trì và cải tiến liên tục Hệ thống quản lý ATCLMT. Đồng thời, lập kế hoạch thực hiện các mục tiêu này, bao gồm: Biện pháp thực hiện mục tiêu, nguồn lực, người chịu trách nhiệm, thời hạn hoàn thành, phương pháp đánh giá. Hàng quý, Công ty có báo cáo đánh giá tình hình thực hiện mục tiêu.



KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU AT-CL-MT NĂM 2019



STT	Yêu cầu của mục tiêu/KPI	Chỉ tiêu cụ thể	Kết quả thực hiện	Đánh giá
1 ĐẢM BẢO SẢN LƯỢNG KHÍ VÀ CHẤT LƯỢNG KHÍ CUNG CẤP CHO KHÁCH HÀNG				
	Hoàn thành kế hoạch sản lượng khí được HĐQT phê duyệt	100%	Thực hiện 192,16 triệu Sm ³ /Kế hoạch 156 triệu Sm ³ . Đạt tỷ lệ: 123%	Đạt
	Thời gian phản hồi các ý kiến của khách hàng	≤ 48 giờ	Đã thực hiện phản hồi đúng thời hạn trong vòng 48h cho 12/12 khách hàng	Đạt
	Tỷ lệ khách hàng thỏa mãn theo kết quả phiếu thăm dò ý kiến khách hàng	90%	6 tháng đầu năm đạt 60% 6 tháng cuối năm đạt 91,18%	Đạt
2 NGĂN NGỪA SỰ CỐ TRONG HOẠT ĐỘNG VẬN HÀNH, BDSC VÀ XÂY LẮP TRÊN CÔNG TRÌNH KHÍ				
	TNLD từ mức nặng trở lên theo phụ lục 02 của Nghị định 39/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ATVSLĐ.	0 vụ	0 vụ	Đạt
	Sự cố gây dừng cấp khí, dừng sản xuất hoàn toàn, gây thiệt hại từ mức nghiêm trọng (loại 3) trở lên.	0 vụ	0 vụ	Đạt
	Sự cố liên quan đến hoạt động vận hành, vận chuyển khí đến khách hàng	Số vụ ≤ SL/30tr Sm ³	1 vụ	Đạt
	Thực hiện kế hoạch Bảo dưỡng sửa chữa	100%		
	- Tỷ lệ hoàn thành Bảo dưỡng định kỳ	98%	Chi nhánh Miền Bắc (241/287), đạt 84 % Chi nhánh Phú Mỹ (1787/1780), đạt 100,39 %	Đạt
	- Tỷ lệ hoàn thành Sửa chữa đột xuất		Chi nhánh Miền Bắc (66/66), đạt 100 % Chi nhánh Phú Mỹ (535/535), đạt 100 %	Đạt
3 KIỂM SOÁT CÁC HOẠT ĐỘNG CÓ KHẢ NĂNG GÂY TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG				
	Phạt hành chính do thiếu hồ sơ pháp lý về môi trường của các dự án, công trình.	0 lần	0 lần	Đạt
	Vi phạm về phân loại rác thải nguy hại để lẫn trong rác thải sinh hoạt theo kết quả của các đoàn kiểm tra.	0 lần	0 lần	Đạt
4 DUY TRÌ VÀ CẢI TIẾN LIÊN TỤC HỆ THỐNG QUẢN LÝ AT-CL-MT				
	Tái đánh giá chứng nhận thành công hệ thống quản lý AT-CL-MT Công ty.	Cấp chứng nhận mới tháng 10/2019	Hoàn thành Cấp chứng nhận mới tháng 10/2019	Đạt
	Thực hiện rà soát và cập nhật đúng hạn các Quy trình quản lý hệ thống, Quy trình kiểm soát hoạt động, hướng dẫn công việc.	90%	Hoàn thành cập nhật 31/33 Quy trình, hướng dẫn, đạt 93,4 %	Đạt



ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN HỆ THỐNG QUẢN LÝ TÍCH HỢP AT-CL-MT

Bên cạnh đó, CNG Việt Nam cũng hoàn thành tốt các mục tiêu thực hành tốt 5S trong năm 2019, cụ thể:

- 1** Xây dựng kế hoạch đào tạo Thực hành tốt 5S năm 2019, phối hợp với Phòng TCHC thực hiện hoàn thành 02 khóa học “Cải tiến Kaizen” và “Nâng cao kỹ năng Đánh giá nội bộ 5S” cho 65 lượt CBCNV thuộc các đơn vị, kết quả đáp ứng các yêu cầu đào tạo và thực hành áp dụng sau các khóa học.
- 2** Hoàn thành báo cáo giám sát theo quy định gửi Viện Năng suất Việt Nam đúng thời hạn, đạt yêu cầu. Phối hợp, hỗ trợ đoàn đánh giá thực hiện việc đánh giá trực tiếp tại Công ty. Kết quả đã được Viện Năng suất Việt Nam (VNPI) tái cấp chứng nhận “Thực hành tốt 5S” tại Quyết định số 57/QĐ-NS ngày 18/07/2019.
- 3** Xây dựng và ban hành “Hướng dẫn thực hiện 5S các khu vực ngoài văn phòng, khu vực Vận hành sản xuất, khu vực chung, khu vực xung quanh” thuộc nhà máy, các trạm trung tâm, trung tâm điều độ, trạm PRU. Tổ chức hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện và áp dụng chăm điểm tích hợp với Quy trình chăm điểm an toàn.
- 4** Thay đổi lại mô hình điều hành hoạt động 5S, dừng hoạt động “Ban xây dựng 5S”, chuyển chức năng điều hành hoạt động 5S về Phòng ATMT dưới sự chỉ đạo của Phó Giám đốc kỹ thuật.

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, ÁP DỤNG HỆ THỐNG QUẢN LÝ AT-CL-SK-MT NĂM 2019

STT	Nội dung	Hạn chế, khó khăn	Nguyên nhân	Kiến nghị, giải pháp
1	Kết quả thực hiện các quyết định xem xét lãnh đạo lần trước	<p>Thống nhất điều chỉnh thời gian tổ chức họp xem xét lãnh đạo HTQL AT-CL-SK-MT vào tháng 01 hàng năm.</p>	<p>Năm 2020, Lịch nghỉ Tết âm lịch vào tháng 01 và các sự kiện lớn của Công ty thực hiện cùng lúc trong tháng 02, dẫn đến khó khăn trong việc sắp xếp thời gian họp.</p> <p>Tập trung nhân lực tổ chức sự kiện lớn của Công ty, dẫn đến công tác tổng hợp báo cáo số liệu tại các đơn vị chậm tiến độ so với kế hoạch.</p> <p>Báo cáo một số đơn vị gửi về Phòng ATMT không đầy đủ về nội dung, số liệu như yêu cầu, không phân tích, đánh giá số liệu, nội dung đơn vị chủ trì, dẫn đến báo cáo phải gửi góp ý nhiều lần.</p>	<p>Trưởng đơn vị cần bố trí nhân sự và phân công công việc hợp lý để các công việc được thực hiện theo kế hoạch và yêu cầu của lãnh đạo Công ty.</p> <p>Đề xuất Phòng TCHC tổ chức chuyên đề đào tạo “Phân tích, đánh giá số liệu báo cáo” cho CBCNV để nâng cao chất lượng báo cáo.</p>
2	Cập nhật hệ thống tài liệu của Hệ thống quản lý AT-CL-SK-MT	<p>Tiến độ rà soát, cập nhật các QT, HD công việc còn chậm so với thời hạn quy định</p> <p>+TCHC (QT đào tạo, QT thi đua khen thưởng, QT quản lý công văn)</p> <p>+KHKD (QT kiểm duyệt, quản lý thông tin website)</p> <p>+ATMT, KHKD (Bối cảnh tổ chức)</p>	<p>Trưởng Đơn vị chưa quan tâm đúng mức đến việc rà soát, cập nhật QT do đơn vị mình chủ trì theo quy định.</p> <p>Bối cảnh Công ty phát sinh nhiều yếu tố mới, dẫn đến thay đổi chiến lược, mục tiêu phát triển Công ty, Phòng KHKD vẫn đang tiếp tục cập nhật nội dung của Bối cảnh tổ chức để trình Giám đốc xem xét, phê duyệt.</p>	<p>Trưởng đơn vị phân công CBCNV thực hiện rà soát, cập nhật QT do đơn vị chủ trì theo chức năng, nhiệm vụ. Định kỳ kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện. Đưa nội dung cập nhật QT vào KPI, chăm điểm an toàn quý của đơn vị.</p> <p>Phòng KHKD đẩy nhanh tiến độ cập nhật nội dung liên quan đến tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu sản lượng khí của Công ty trong tài liệu Bối cảnh tổ chức.</p>



**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, ÁP DỤNG
HỆ THỐNG QUẢN LÝ AT-CL-SK-MT NĂM 2019** (tiếp theo)

STT	Nội dung	Hạn chế, khó khăn	Nguyên nhân	Kiến nghị, giải pháp
3	Kết quả thực hiện Mục tiêu AT-CL-SK-MT năm 2019 và xây dựng mục tiêu AT-CL-SK-MT năm 2020 của Công ty	Báo cáo tình hình thực hiện mục tiêu AT-CL-MT hàng quý của một số đơn vị còn thiếu các số liệu thực hiện chi tiết, chưa có diễn giải kết quả thực hiện, chưa đưa ra các giải pháp bổ sung đối với các mục tiêu chưa đạt.	CBCNV thực hiện báo cáo chưa thông hiểu yêu cầu của Quy trình CNG.QT.03 – Xây dựng và đánh giá mục tiêu AT-CL-MT, chưa có kỹ năng tổng hợp, đánh giá số liệu. Phòng ATMT đã hướng dẫn nhưng CBCNV phụ trách vẫn chưa thực hiện tốt.	Trưởng đơn vị cần đào tạo, hướng dẫn CBCNV thực hiện đúng hoặc phân công CBCNV khác có năng lực.
4	Theo dõi, xử lý các kiến nghị của Kiểm tra an toàn, đánh giá nội bộ công ty năm 2019	Một số đơn vị chậm gửi Báo cáo kết quả xử lý kiến nghị sau kiểm tra về Phòng ATMT theo quy định. Báo cáo kết quả xử lý kiến nghị chưa diễn giải công việc thực hiện, chưa gửi kèm đầy đủ các bằng chứng thực hiện.		Đề nghị các đơn vị thực hiện gửi báo cáo kèm diễn giải kết quả thực hiện, bằng chứng thực hiện về Phòng ATMT theo đúng quy định.
5	Quản lý rủi ro	Một số đơn vị chậm cập nhật bảng xếp loại rủi ro khi có phát sinh rủi ro mới hoặc có thay đổi bối cảnh tổ chức ảnh hưởng đến mức độ rủi ro đã được nhận diện. Đánh giá hiệu lực của các hành động kiểm soát rủi ro chưa cụ thể, chưa có bằng chứng, con số cụ thể để đánh giá xu hướng tốt hơn/ giảm/ duy trì.	Đánh giá rủi ro, cơ hội là vấn đề khó, đòi hỏi người đánh giá phải có kinh nghiệm làm việc để phân tích công việc, kỹ năng và phương pháp đánh giá rủi ro, có tầm nhìn và tư duy logic để đưa ra các biện pháp kiểm soát rủi ro, cơ hội hiện hữu và tiềm ẩn. Trưởng đơn vị chưa quan tâm đúng mức đến công tác đánh giá rủi ro, cơ hội trong công việc. Phân công CBCNV tự thực hiện đánh giá rủi ro, cơ hội trong khi CBCNV chưa đủ kinh nghiệm, năng lực và tầm nhìn để nhận diện hết các rủi ro, cơ hội cũng như để ra các biện pháp kiểm soát.	-Đề nghị Trưởng đơn vị quan tâm đúng mức đến công tác đánh giá rủi ro, cơ hội tại đơn vị. Đào tạo nội bộ tại đơn vị. Phòng ATMT, TCHC phối hợp đẩy nhanh tiến độ triển khai hợp đồng đào tạo ISO 45001 với BSI VN để nâng cao kiến thức quản lý rủi ro cho CBCNV.
6	Tình hình tiếp nhận và giải quyết thông tin, kiến nghị cũng như phản hồi của khách hàng.	Một số khách hàng không hoặc chậm trong việc gửi lại Phiếu thăm dò ý kiến khách hàng, dẫn đến khó khăn trong việc tổng hợp mức độ thỏa mãn ý kiến khách hàng theo đúng quy định.	-	-
7	Tai nạn sự cố	Cách thức điều tra TNSC tuy đã có cách tiếp cận mới tuy nhiên công tác báo cáo điều tra vẫn còn chậm so với yêu cầu	Một số tình huống sự cố khó thu thập bằng chứng/thiếu bằng chứng dẫn đến chậm kết luận điều tra	Yêu cầu người/bộ phận liên quan cung cấp nhanh chóng và hồ sơ đầy đủ, trung thực
8	Quản lý sự không phù hợp và các hành động khắc phục	Không	-	-



**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, ÁP DỤNG
HỆ THỐNG QUẢN LÝ AT-CL-SK-MT NĂM 2019** (tiếp theo)

STT	Nội dung	Hạn chế, khó khăn	Nguyên nhân	Kiến nghị, giải pháp
9	Tuân thủ yêu cầu văn bản pháp luật và các yêu cầu khác	Các nội dung cần thực hiện trong văn bản pháp luật chưa được liệt kê đầy đủ. Vẫn còn tình trạng bị thiếu sót khi cập nhật và áp dụng thực tế tại đơn vị.	Các cá nhân cập nhật văn bản pháp luật tại Đơn vị không nghiên cứu kỹ về văn bản cập nhật mới. Số lượng văn bản pháp luật và lĩnh vực áp dụng nhiều, hường thiếu sót từ bộ phận chuyên môn.	Đề nghị Trưởng các Đơn vị nhắc nhở nhân viên phải thường xuyên và tự giác cập nhật, nghiên cứu kỹ văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực mình làm việc. Thực hiện đầy đủ Quy trình CNG.QT.04 về tuân thủ văn bản pháp luật.
10	Công tác kiểm tra an toàn, Vệ sinh môi trường, Phòng chống cháy nổ Giám sát an toàn qua camera	Một số kiến nghị xử lý chậm so với yêu cầu Báo cáo giám sát camera của Chi nhánh Phú Mỹ gửi về Phòng ATMT hàng tháng mới chỉ tổng hợp các hành vi mất an toàn, trong đó có hành vi mất an toàn lặp lại nhưng chưa đưa ra giải pháp để ngăn ngừa hành vi mất an toàn lặp lại. Số liệu theo dõi Camera đối với xe bồn vận chuyển CNG mới chỉ thống kê số liệu của xe do CNG quản lý, đối với xe dịch vụ TĐN, do TĐN theo dõi nên CNG không có số liệu theo dõi vi phạm của Lái xe TĐN, không biết được các vi phạm của Lái xe khi vận chuyển CNG trên đường.	Các đơn vị chưa có những đánh giá cụ thể các kiến nghị đã nêu ra trong các lần kiểm tra nên chưa có sự ưu tiên xử lý phù hợp	Trưởng đơn vị có sự phân công cụ thể và ưu tiên xử lý các kiến nghị Đề nghị CNPM tìm ra nguyên nhân và giải pháp để những hành vi mất an toàn không lặp lại. Đề nghị Chi nhánh Phú Mỹ yêu cầu TĐN báo cáo định kỳ tháng về số liệu vi phạm của Lái xe TĐN vận chuyển cho CNG và xử lý các vi phạm của Lái xe khi phát hiện vi phạm.
11	Công tác chuẩn bị và đối phó với tình huống khẩn cấp	Không	-	-
12	Theo dõi, đo lường kết quả hoạt động về AT-SK-MT	Chất lượng các báo cáo chưa cao vì các đơn vị mới chỉ thống kê số liệu, chưa có phân tích, đánh giá số liệu để từ đó đưa ra các đề xuất, cải tiến vấn đề. Nội dung diễn giải kết quả đạt được mới ghi nhận ở mức chung chung, tương đối, chưa có số liệu giải trình kết quả cụ thể, bằng chứng thực hiện.	Sự đôn đốc của trưởng đơn vị chưa quyết liệt, chưa có sự phân công đầu mối kiểm soát công việc rõ ràng.	Đề xuất Phòng TCHC tổ chức chuyên đề đào tạo "Phân tích, đánh giá số liệu báo cáo" cho CBCNV để nâng cao chất lượng báo cáo. Đề nghị Trưởng đơn vị phân công đầu mối kiểm soát công việc, chủ động gửi báo cáo khi đến hạn theo quy định.
13	Theo dõi và đo lường chất lượng sản phẩm, quản lý sản phẩm hao hụt.	Không	-	-
14	Tham gia, tham vấn CBCNV Sinh hoạt an toàn định kỳ	Không	-	-
15	Công tác quản lý thay đổi	Công tác đánh giá thay đổi nhân sự thực hiện chậm so với quy định. Việc gửi các phiếu Đánh giá ảnh hưởng thay đổi về PATMT còn chậm trễ, không có sự tự giác	Nhân viên phụ trách việc Đánh giá ảnh hưởng thay đổi nhân sự không chủ động trong việc đánh giá. Các bộ phận sau khi phiếu Đánh giá ảnh hưởng thay đổi được phê duyệt không chủ động gửi phiếu về PATMT	Đề nghị P.TCHC chủ động phối hợp với các đơn vị có thay đổi nhân sự đánh giá ảnh hưởng thay đổi nhân sự trước khi có quyết định bổ nhiệm nhân sự. Đề nghị các Đơn vị có Đánh giá ảnh hưởng thay đổi tự giác gửi phiếu sau khi đã được phê duyệt về PATMT



**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, ÁP DỤNG
HỆ THỐNG QUẢN LÝ AT-CL-SK-MT NĂM 2019** (tiếp theo)

STT	Nội dung	Hạn chế, khó khăn	Nguyên nhân	Kiến nghị, giải pháp
16	Công tác đăng kiểm, kiểm định	-	-	-
17	Công tác đào tạo, nâng cao nhận thức an toàn, VSLĐ, HTQL cho CBCNV	Một số CBCNV thuộc đối tượng bắt buộc nhưng chưa tham gia đầy đủ các lớp đào tạo về hệ thống quản lý ISO theo yêu cầu.	CBCNV chưa sắp xếp công việc hợp lý để tham gia đào tạo.	-
18	Công tác quản lý an toàn nhà thầu trên công trình khí.	-	-	-
19	Công tác bảo vệ môi trường theo quy định mới của Văn bản pháp luật	<p>Đối với các dự án, việc lập báo cáo ĐTM (hoặc KBM) thiếu sự phối hợp giữa bộ phận chuyên môn của dự án với Phòng ATMT, dẫn đến một số nội dung không phù hợp liên quan đến việc thực hiện cam kết về BVMT trong giai đoạn hoạt động về sau.</p> <p>Quá trình thực hiện, một số nội dung còn máy móc, chưa được xem xét đầy đủ gây lãng phí không cần thiết.</p>	<p>Thiếu quy định cụ thể trong quy trình phối hợp giữa các bộ phận liên quan. Hồ sơ mang tính thủ tục, chưa sát thực tế.</p> <p>Việc triển khai thực hiện ở cơ sở chưa được quan tâm đầy đủ.</p> <p>Hệ thống VBPL phức tạp, dẫn đến các cơ quan quản lý và đơn vị dịch vụ thiếu sự đồng nhất trong áp dụng các quy định.</p>	<p>Cập nhật lại quy trình phối hợp liên quan (CNG.QTHĐ.23) và tuân thủ thực hiện. (P. ATMT và KTĐT)</p> <p>Các nội dung thực hiện phải sát thực tế, đúng yêu cầu. (các chi nhánh thực hiện, có phân công cụ thể, P.ATMT hỗ trợ)</p> <p>Đề nghị cơ quan quản lý hướng dẫn (khi cần thiết) để làm cơ sở thực hiện. (P.ATMT, P.KTĐT)</p>
20	Thực hiện chương trình 5S	<p>TTĐĐ Thái Bình, khu vực chung và kho còn hạn chế.</p> <p>Nhà máy Phú Mỹ, khu vực cuối trạm 250 bar, còn bị cản trở do thiết bị cũ và vỏ xe trong tình huống khẩn cấp; khu vực phụ trợ vệ sinh chưa tốt.</p>	<p>Một số khu vực có cơ sở vật chất tiếp nhận lại còn bất cập, một số mới triển khai.</p> <p>Nhà máy chưa có phương án phù hợp cho khu vực bị ảnh hưởng.</p>	<p>Các Chi nhánh chủ động tìm giải pháp phù hợp (có thể đưa thiết bị về trạm có mặt bằng rộng hơn).</p> <p>Áp dụng các quy định về Thực hành tốt 5S cho các trạm, bổ sung nội dung kiểm tra và xử lý kiến nghị về 5S khi kiểm tra các trạm (các Chi nhánh phối hợp).</p>



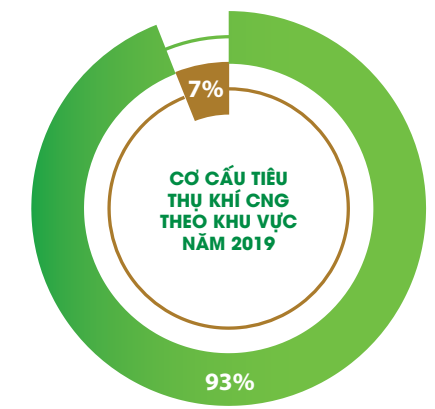
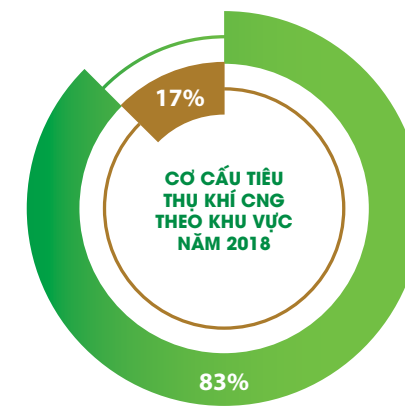


PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH

KẾT QUẢ KINH DOANH (Tỷ đồng)	2018	2019	Tăng/giảm (%)
Doanh thu thuần	1.819,2	2.130,4	17,1%
Giá vốn hàng bán	1.582,6	1.941,1	22,7%
Lợi nhuận gộp	236,6	189,2	-20,0%
Doanh thu hoạt động tài chính	11,6	13,5	16,2%
Chi phí tài chính	0,072	0,018	-75,6%
Trong đó: Chi phí lãi vay	0,072	0,017	-75,9%
Chi phí bán hàng	34,4	24,9	-27,5%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	75,1	72,9	-2,9%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	138,6	104,9	-24,3%
Thu nhập khác	7,3	2,9	-60,7%
Chi phí khác	0,66	0,1	-78,9%
Lợi nhuận khác	6,6	2,7	-58,6%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	145,2	107,6	-25,9%
Lợi nhuận sau thuế	114,3	84,3	-26,2%

Tổng sản lượng khí tiêu thụ trong năm 2019 đạt 192,16 triệu Sm³, tăng 16,7% so với 2018. Sản lượng tiêu thụ khí duy trì mức tăng trưởng (CAGR) 19,5% trong giai đoạn 5 năm vừa qua. Trong năm 2019, sản lượng khí tiêu thụ tại miền Nam đạt 179,53 triệu Sm³, tăng 31,6% so với năm trước; trong khi sản lượng tại khu vực miền Bắc giảm hơn 55% xuống còn 12,63 triệu Sm³. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến suy giảm này là do sụt giảm khí đầu nguồn vì sự cố tại giếng mỏ Thái Bình từ tháng 2 đến tháng 6, và một lượng đáng kể khách hàng chuyển sang sử dụng LPG do giá CNG cao hơn giá LPG.

Vì vậy, tỷ trọng tiêu thụ khí tại khu vực miền Nam tiếp tục tăng lên trong năm 2019 chiếm hơn 93% tổng sản lượng tiêu thụ của Công ty; trong khi khu vực miền Bắc giảm từ 17% xuống còn 7% tỷ trọng.



● Miền Nam ● Miền Bắc

● Miền Nam ● Miền Bắc

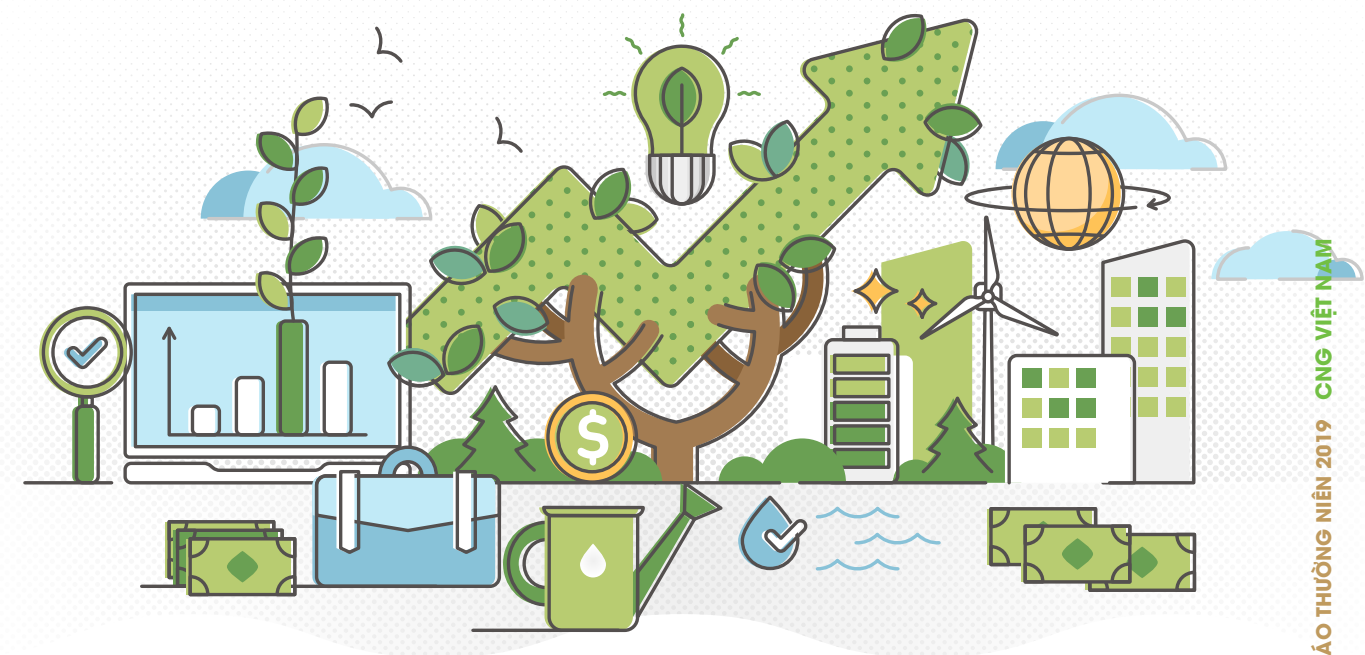
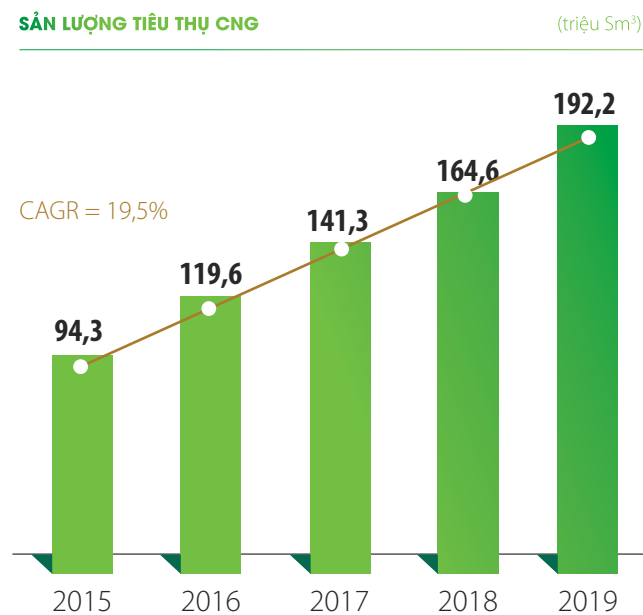
SẢN LƯỢNG KHÍ TIÊU THỤ

TỔNG SẢN LƯỢNG KHÍ TIÊU THỤ TRONG NĂM 2019

192,16

Triệu Sm³

TĂNG 16,7% SO VỚI 2018





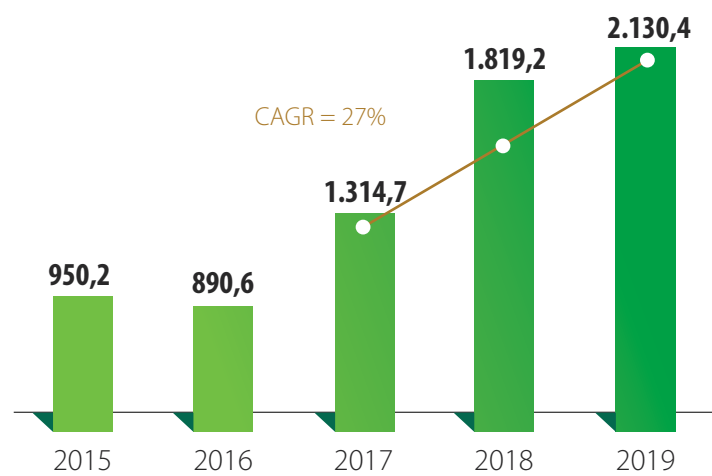
PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN GỘP

Doanh thu thuần từ hoạt động bán khí năm 2019 đạt 2.130,4 tỷ đồng, tăng trưởng 17,1% so với năm trước. Tỷ lệ tăng trưởng doanh thu thuần trong giai đoạn 3 năm gần đây (CAGR) duy trì ở mức cao 27%. Tuy nhiên, lợi nhuận gộp cũng như tỷ lệ lợi nhuận gộp đều sụt giảm tương ứng về mức 189,2 tỷ đồng và 8,9% trong năm 2019.

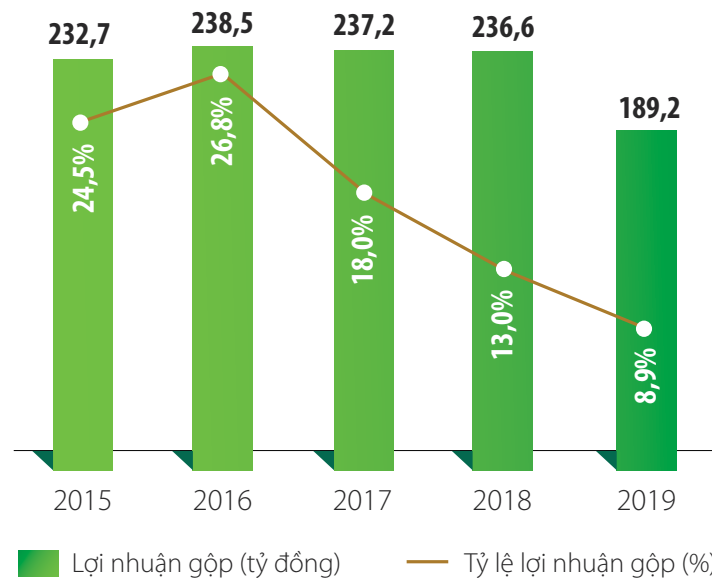
Việc thiếu hụt nguồn cấp khí rất lớn trong năm qua đã khiến giá khí đầu vào tăng bình quân đến 5,1%; trong khi đó, tình hình biến động của thị trường dầu khí không thuận lợi và Công ty tiếp tục có chính sách hỗ trợ khách hàng tiêu thụ dẫn đến giá bán chỉ tăng 0,3%. Điều này lý giải nguyên nhân sụt giảm của lợi nhuận gộp và tỷ suất lợi nhuận gộp của Công ty trong năm 2019.

DOANH THU THUẦN (tỷ VNĐ)



DOANH THU THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG BÁN KHÍ NĂM 2019
2.130,4
 Tỷ đồng
 TĂNG 17,1% SO VỚI 2018

LỢI NHUẬN GỘP



CÔNG TÁC QUẢN TRỊ CHI PHÍ

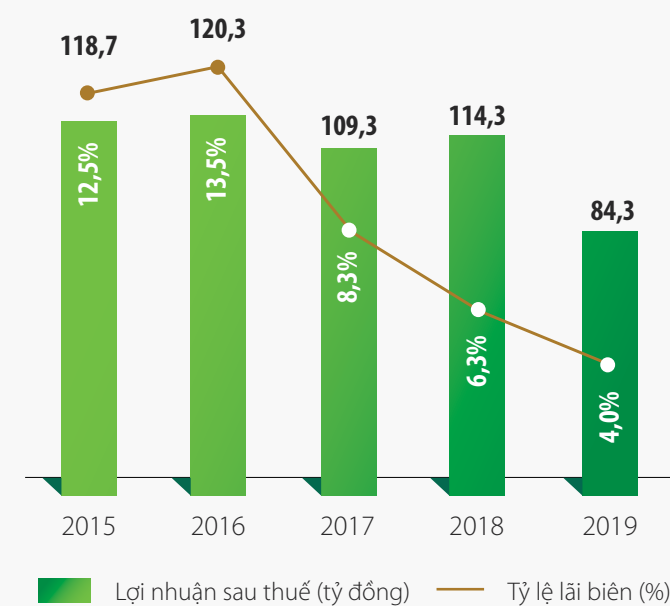
Cơ cấu chi phí	2017	2018	2019
Chi phí khấu hao/ Doanh thu thuần	3,5%	2,5%	2,5%
Chi phí tài chính/ Doanh thu thuần	0,2%	0,0%	0,0%
Chi phí lãi vay/ Doanh thu thuần	0,2%	0,0%	0,0%
Chi phí bán hàng/ Doanh thu thuần	2,1%	1,9%	1,2%
Chi phí QLDN/ Doanh thu thuần	5,7%	4,1%	3,4%
Chi phí khác/ Doanh thu thuần	0,0%	0,0%	0,0%

Nhờ chú trọng công tác quản trị chi phí hoạt động nên tổng chi phí bán hàng và chi phí QLDN của Công ty trong năm vừa qua được kéo giảm xuống mức 97,8 tỷ đồng, giảm hơn 10,7% so với năm trước. Do đó, tỷ lệ chi phí bán hàng/ doanh thu thuần và chi phí QLDN/ doanh thu thuần lần lượt là 1,2% và 3,4%, đều giảm 0,7 điểm % so với 2018.

Bên cạnh đó, hiệu quả sử dụng tài sản, máy móc thiết bị cũng được CNG Việt Nam chú trọng trong những năm qua. Tỷ lệ chi phí khấu hao/ doanh thu thuần 2019 duy trì tỷ lệ tương tự 2018 là 2,5%. Do không có khoản vay dài hạn lẫn ngắn hạn trong năm vừa qua nên tỷ lệ chi phí tài chính, chi phí lãi vay so với doanh thu thuần đều ở mức 0%.

LỢI NHUẬN SAU THUẾ

LỢI NHUẬN SAU THUẾ



CNG Việt Nam đã ký kết được thêm 06 khách hàng trong năm 2019, tăng số lượng khách hàng lên 63 khách hàng; đồng thời sản lượng tiêu thụ khí cũng tăng 16,7% so với năm trước. Tuy nhiên, diễn biến thị trường dầu khí không thuận lợi và thiếu hụt nguồn cấp khí đã khiến LNST và tỷ lệ lãi biên của Công ty đều giảm so với 2018. Trong đó, LNST giảm từ 114,3 tỷ đồng trong năm 2018, xuống 84,3 tỷ đồng năm 2019. Tỷ lệ lãi biên cũng giảm 2,3 điểm % so với năm trước xuống còn 4%.



PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

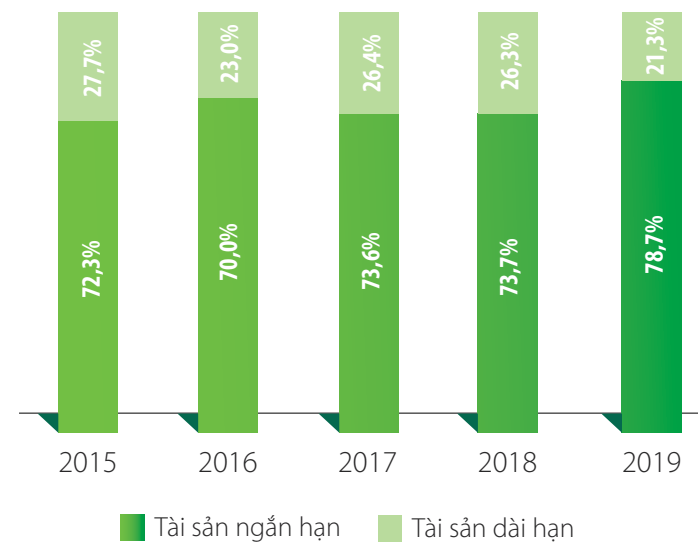
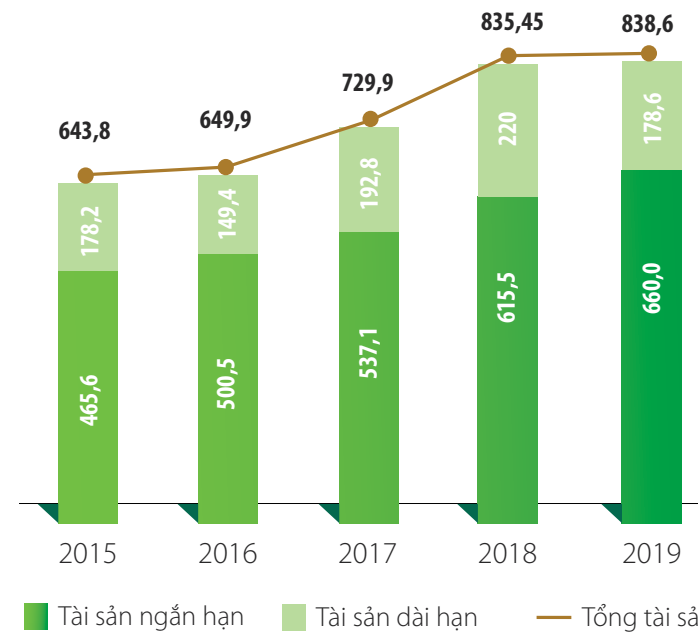
Để duy trì sự an toàn và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh, CNG Việt Nam luôn chú trọng duy trì cơ cấu tài sản và nguồn vốn lành mạnh. Ba nguyên tắc luôn được CNG Việt Nam kiên trì tuân thủ để đảm bảo hoạt động quản trị tài chính hiệu quả là:

- 1 Không đầu tư vốn dàn trải, tập trung mọi nguồn lực cho hoạt động kinh doanh.
- 2 Ưu tiên sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn không sinh lãi nhằm giảm thiểu áp lực tài chính trong việc tài trợ hoạt động kinh doanh.
- 3 Với bản chất hoạt động sản xuất kinh doanh đòi hỏi nhu cầu vốn luân chuyển cao, Công ty luôn chú ý duy trì tỷ trọng tài sản ngắn hạn ở mức tối thiểu 70% tổng tài sản.

Chỉ tiêu (Tỷ đồng)	Đvt	2015	2016	2017	2018	2019
Tổng tài sản	Tỷ đồng	643,8	649,9	730	835,5	838,6
Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	465,6	500,5	537,1	615,5	660,0
Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	178,2	149,4	192,8	220,0	178,6
Nợ phải trả	Tỷ đồng	245,1	185,3	249,3	298,2	295,8
Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	201,2	157,3	230,9	280,4	278,0
Nợ dài hạn	Tỷ đồng	43,9	28	18,5	17,8	17,8
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	398,5	464,6	480,6	537,3	542,9



Tài sản (tỷ VND)



Tính đến 31/12/2019, tổng tài sản của Công ty tăng từ 835,45 tỷ đồng năm 2018 lên 838,6 tỷ đồng. Tài sản ngắn hạn vẫn được duy trì tỷ trọng hơn 70% trong cơ cấu tổng tài sản. Trong khi tài sản ngắn hạn tăng 7,2% thì tài sản dài hạn giảm 18,8% so với năm 2019.

TỔNG TÀI SẢN NĂM 2019
838,6
Tỷ đồng

TÀI SẢN NGẮN HẠN NĂM 2019
660,0
Tỷ đồng

TÀI SẢN DÀI HẠN NĂM 2019
178,6
Tỷ đồng



PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN (tiếp theo)

Tài sản



Tài sản ngắn hạn

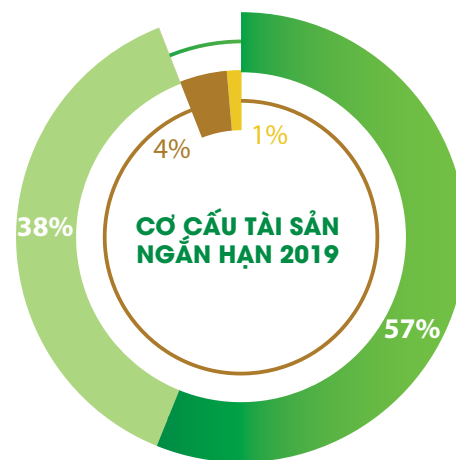
Tiền/ Đầu tư tài chính ngắn hạn và Các khoản phải thu ngắn hạn là hai khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu tài sản ngắn hạn năm 2019, và lần lượt tăng 8,4% và 27,9% so với 2018. CNG Việt Nam luôn chú ý duy trì tỷ trọng khoản mục này nhằm đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn cũng như đáp ứng kịp thời dòng tiền cho các hoạt động đầu tư mở rộng trong tương lai. Ngoài ra, hai khoản mục Tiền/ Đầu tư tài chính ngắn hạn và Các khoản phải thu ngắn hạn cũng là hai khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản năm 2019, lần lượt là 45% và 30,1% tổng tài sản.

Hàng tồn kho của Công ty cũng giảm mạnh trong năm qua khi giảm còn 23,2 tỷ đồng. Do sự cố mất khí đầu nguồn Thái Bình gây thiếu hụt sản lượng, và dẫn đến hàng tồn kho giảm trong năm 2019. Ngoài ra, khoản mục tài sản ngắn hạn khác cũng giảm còn 6,9 tỷ đồng trong năm 2019, do khoản thuế GTGT được khấu trừ giảm gần 90% so với 2018.

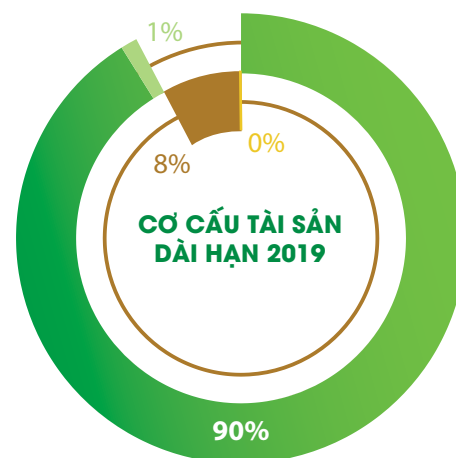


Tài sản dài hạn

Tài sản cố định của Công ty đạt 161,3 tỷ đồng trong năm 2019, tương đương 90% cơ cấu tài sản dài hạn. Bên cạnh đó, khoản mục này cũng chiếm 19,2% tổng tài sản, tỷ trọng lớn thứ 3 trong cơ cấu tài sản. Tài sản cố định của Công ty đã giảm hơn 20% so với 2018 chủ yếu do khấu hao tài sản. Trong khi chiếm tỷ trọng chưa đến 1% trong cơ cấu tổng tài sản trong năm 2019, nhưng khoản mục tài sản dở dang dài hạn đã tăng từ 0,7 tỷ đồng năm 2018 lên 1,6 tỷ đồng trong năm 2019. Nguyên nhân đến từ việc CNG Việt Nam đang tiến hành dự án xây dựng văn phòng Công ty và dự án trạm LPG.



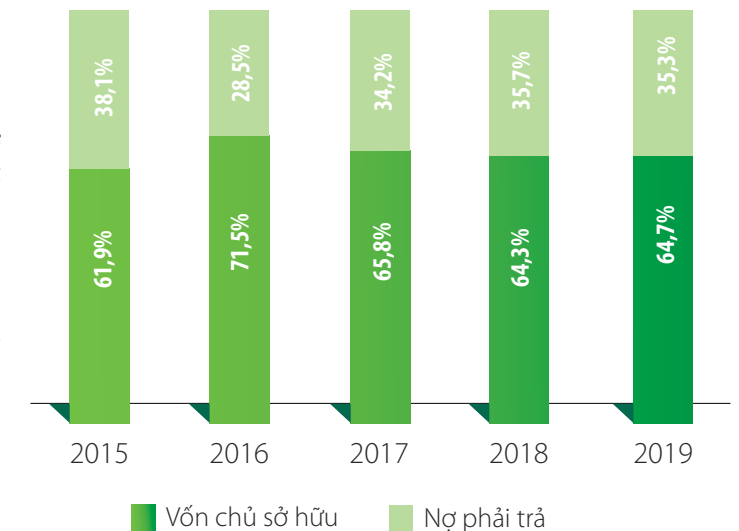
- Tiền đầu tư tài chính ngắn hạn
- Các khoản phải thu ngắn hạn
- Hàng tồn kho
- Tài sản ngắn hạn khác



- Các khoản phải thu dài hạn
- Tài sản cố định
- Tài sản dở dang dài hạn
- Tài sản dài hạn khác

Nguồn vốn

Với mục tiêu sử dụng chủ yếu nguồn vốn chủ sở hữu và nguồn vốn không sinh lãi tài trợ cho hoạt động kinh doanh của Công ty để giảm thiểu áp lực lãi vay, nên tỷ trọng vốn chủ sở hữu trong cơ cấu nguồn vốn được duy trì trên 60% trong 5 năm qua. Năm 2019, vốn chủ sở hữu chiếm 64,7% nguồn vốn, tương đương 542,9 tỷ đồng. Nợ phải trả chỉ chiếm 35,3% nguồn vốn, và giảm còn 278,0 tỷ đồng so với 2018.



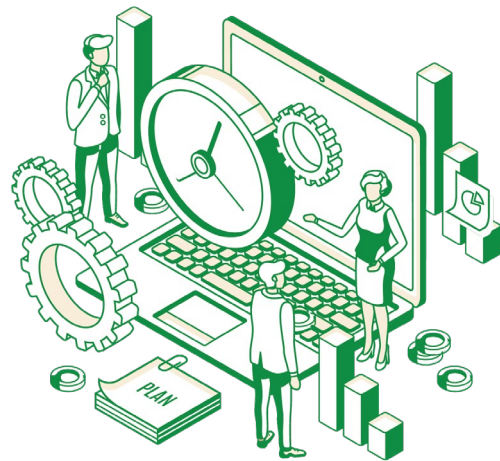
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu (Tỷ đồng)	2015	2016	2017	2018	2019	
1. Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán						
Hệ số thanh toán ngắn hạn (hiện hành)	lần	2,3	3,2	2,3	2,2	2,4
Hệ số thanh toán nhanh	lần	2,2	2,9	2,1	1,9	2,3
Hệ số thanh toán tiền mặt	lần	1,4	2,2	1,2	1,2	1,4
2. Chỉ tiêu về Hiệu quả hoạt động						
Kỳ thu tiền bình quân	ngày	56,4	49,5	38,3	36,6	37,7
Kỳ lưu kho bình quân	ngày	12,3	19,2	15,2	11,9	7,4
Kỳ trả tiền bình quân	ngày	56,5	55	42,9	44,3	45,0
Vòng quay tổng tài sản	lần	1,5	1,4	1,9	2,3	2,5
3. Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời						
Hệ số lợi nhuận gộp	%	24,5%	26,8%	18,0%	13,0%	8,9%
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	15,4%	16,9%	10,2%	7,6%	4,9%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu	%	12,5%	13,5%	8,3%	6,3%	4,0%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu (ROEA)	%	28,6%	27,9%	23,1%	22,46%	15,6%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROAA)	%	18,5%	18,6%	15,8%	14,6%	10,1%
4. Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn						
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	38,1%	28,5%	34,2%	35,7%	35,3%
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	61,5%	39,9%	51,9%	55,5%	54,5%



PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH (tiếp theo)



Khả năng thanh toán

Các chỉ số về khả năng thanh toán của CNG Việt Nam đều tăng trong năm 2019. Trong đó, Hệ số thanh toán nhanh tăng cao nhất, tương đương 21,03% so với 2018, do Tài sản ngắn hạn tăng 7,2% và nợ ngắn hạn giảm

gần 1% dẫn đến hệ số thanh toán hiện hành của công ty tăng từ 2,2 lần năm 2018 lên 2,4 lần trong năm 2019. Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền cũng tăng lên 377,4 tỷ đồng so với 348,2 tỷ đồng năm 2018.

Các chỉ số thanh toán đều được duy trì trên ngưỡng 1, đặc biệt là hệ số thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh đều trên 2 thể hiện tính an toàn cao trong khả năng thanh toán ngắn hạn của CNG Việt Nam.

Hiệu quả hoạt động

Với mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng sản lượng tiêu thụ và doanh thu, cũng như mở rộng mạng lưới khách hàng, CNG Việt Nam đã áp dụng những chính sách ưu đãi trong khâu bán hàng như nới lỏng tín dụng. Điều này dẫn đến kỳ thu tiền bình quân tăng nhẹ từ 36,6 ngày lên 37,7 ngày trong năm 2019.

Sản lượng khí miễn Bắc giảm do sự cố mất khí đầu nguồn Thái Bình dẫn đến hàng tồn kho sụt giảm gần 60%.

Và giá khí đầu vào gia tăng làm cho giá vốn hàng bán tăng 22,7% so với năm 2018, gây ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn cung của Công ty. Điều này dẫn đến số ngày lưu kho bình quân của Công ty giảm từ 11,9 ngày xuống 7,4 ngày trong năm 2019.

Kỳ trả tiền bình quân của Công ty trong năm 2019 tăng nhẹ lên 45 ngày, so với 44,3 ngày trong năm 2018. Nguyên nhân đến từ việc công ty đẩy mạnh hoạt động kinh doanh

trong năm vừa qua, và sự tăng giá của nguồn khí đầu vào.

Vòng quay tổng tài sản của CNG Việt Nam đạt 2,5 lần trong năm 2019, tăng 8,7% so với 2018. Việc tiếp tục duy trì xu hướng tăng trong 3 năm qua đã thể hiện được tính ổn định trong việc sử dụng tài sản hiệu quả của Công ty trong những năm vừa qua.

Khả năng sinh lời

Doanh thu của Công ty đã tăng 17,1% nhưng các khoản mục lợi nhuận lại sụt giảm so với năm 2018 do áp lực giá vốn tăng cao. Điều này dẫn đến các chỉ tiêu về khả năng sinh lời sụt giảm trong năm 2019. Trong đó, tỷ suất lợi nhuận gộp, tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, và tỷ suất lợi nhuận sau thuế giảm lần lượt còn 8,9%, 4,9% và 4,0% trong năm vừa qua.

Vốn chủ sở hữu và Tổng tài sản của CNG Việt Nam đã tăng nhẹ trong năm 2019 dẫn đến việc sụt giảm của chỉ số sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROEA) và chỉ số sinh lời trên tổng tài sản (ROAA) giảm lần lượt 7,0 điểm % và 4,5 điểm % so với năm 2018.

Cơ cấu vốn

Ban lãnh đạo CNG Việt Nam luôn chú trọng việc duy trì tính an toàn trong nguồn vốn hoạt động nên cơ cấu nợ phải trả luôn được giữ ở tỷ trọng thấp trong những năm qua. Công tác quản lý nợ luôn được công ty giám sát chặt chẽ trong những năm vừa qua, và khoản mục nợ phải trả giảm nhẹ trong năm 2019 dẫn đến chỉ tiêu về cơ cấu vốn của công ty giảm nhẹ so với 2018. Trong đó Hệ số nợ/ tổng tài sản giảm còn 35,3%, và hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu giảm còn 54,5% trong năm 2019.

PHÂN TÍCH DÒNG TIỀN

Chỉ tiêu	2025	2016	2017	2018	2019
Dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	161,8	81,4	165,3	138,8	98,3
Dòng tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(86,9)	(12,2)	(100,8)	(29,3)	(1,1)
Dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính	(82,0)	(108,3)	(127,3)	(41,2)	(68,0)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	281,7	342,7	279,9	348,2	377,4

Hoạt động kinh doanh của ngành khí trong năm 2019 không khả quan do biến động khó lường của giá khí đầu vào. Do đó, dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh của Công ty đã giảm còn 98,3 tỷ đồng trong năm 2019.

Khoản mục chi mua sắm, xây dựng TSCĐ đã giảm thâm hụt còn 14,8 tỷ đồng trong năm 2019, và khoản thu lãi tiền gửi đã tăng 17,4% so với 2018. Điều này giúp dòng tiền từ hoạt động đầu tư giảm thâm hụt còn 1,1 tỷ đồng trong năm 2019.

Tuy CNG Việt Nam đã không còn ghi nhận các dòng tiền trả nợ gốc vay lớn như các năm trước nhưng cổ tức chi trả đã gia tăng từ 40,5 tỷ đồng lên 67,5 tỷ đồng trong năm 2019 (trả cổ tức năm 2018 ở mức 15% và tạm ứng cổ tức năm 2019 với 10%) dẫn đến dòng tiền thuần từ hoạt động tài chính gia tăng từ thâm hụt 41,2 tỷ đồng lên 68,0 tỷ đồng.

Khoản tiền và tương đương tiền cuối năm đạt 377,4 tỷ đồng, tăng 8,4% so với cuối năm trước.



ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020

GIẢI PHÁP VỀ THỊ TRƯỜNG & KINH DOANH

1 Với áp lực cạnh tranh diễn ra theo chiều hướng gia tăng trong ngành, việc duy trì mối quan hệ đối với nhóm khách hàng cũ sẽ được Công ty chú trọng. Cùng với đó là hoạt động mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng mới nhằm thúc đẩy tăng trưởng sẽ tiếp tục là mục tiêu hàng đầu của Công ty.

2 Mức độ biến động trên thị trường dầu khí thế giới vẫn duy trì ở mức cao và đe dọa khả năng ổn định hoạt động kinh doanh của ngành khí trong nước. Các chính sách duy trì giá bán linh hoạt, gia tăng ưu đãi, hạn chế tình trạng khách hàng chuyển sang sử dụng nhiên liệu khác là những giải pháp cần thiết nhằm duy trì thị phần mà vẫn đảm bảo lợi nhuận cho Công ty và ổn định sản xuất cho khách hàng.

3 Nhằm hạn chế ảnh hưởng từ những biến động ngoài dự kiến của tăng trưởng kinh tế trong nước và quốc tế, Công ty nỗ lực phát triển thị trường tiêu thụ khí theo hướng đa dạng hóa lĩnh vực sản xuất. Điều này giúp Công ty đa dạng hóa phân khúc khách hàng, tận dụng tối đa cơ hội tìm kiếm khách hàng mới và giảm thiểu rủi ro biến động doanh thu từ sự phụ thuộc vào một ngành sản xuất nhất định.

4 Các giải pháp về bán hàng đóng vai trò quan trọng, bao gồm phát triển các kế hoạch marketing tại các thị trường hiện hữu và các thị trường mới của Công ty. Nhờ đó, chính sách bán hàng sẽ có sự linh hoạt hơn nhằm mở rộng nhanh thị phần khách hàng.

5 Nâng cao khả năng cạnh tranh chi phí của Công ty so với các đối thủ cạnh tranh thông qua các biện pháp tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của tài sản.

6 Để cao việc tiết giảm chi phí hoạt động và chi phí tài chính nhằm hạn chế biến động từ chi phí đầu vào lên biên lợi nhuận. Song song với đó là gia tăng sự an toàn, hiệu quả và bền vững trong hoạt động kinh doanh.

7 Nhằm tận dụng xu hướng phát triển khi công nghiệp đang diễn ra tại thị trường miền Nam, Công ty sẽ tích cực hợp tác với các Ban quản lý và các chủ đầu tư KCN để nắm bắt thông tin và đón đầu dòng vốn đầu tư mới vào các khu công nghiệp trong khu vực.

8 Tận dụng cơ hội mở rộng thị trường tiêu thụ sang nhóm khách hàng vận tải nhằm tận dụng sự chuyển đổi xu hướng sang các loại nhiên liệu thân thiện với môi trường. Nổi bật trong đó là hệ thống xe bus tiêu thụ khí CNG đang được Chính phủ chú trọng trong những năm qua.

GIẢI PHÁP VỀ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH

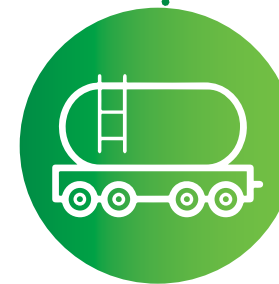
Sản xuất, vận chuyển, phân phối CNG

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối trong hoạt động sản xuất, phân phối và vận chuyển là mục tiêu quan trọng nhất và quyết định đến sự thành công của Công ty. Sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn trong hoạt động kinh doanh tạo nên giá trị an toàn, hiệu quả hoạt động cho tài sản và nâng cao thương hiệu CNG Việt Nam.
- Nhận biết rõ tầm quan trọng của yếu tố an toàn trong hoạt động kinh doanh, Công ty luôn duy trì công tác bảo dưỡng, sửa chữa và giám sát chặt chẽ quá trình sản xuất, vận chuyển nhằm đảm bảo máy móc, thiết bị luôn trong tình trạng hoạt động tốt nhất. Bên cạnh đó là hoạt động triển khai các biện pháp quản lý an toàn một cách hiệu quả để giảm thiểu tai nạn, sự cố. Nghiêm túc xử lý và loại bỏ các tình trạng mất an toàn.
- Áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp An toàn – Chất lượng – Môi trường theo tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007, ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015 vào quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Phát huy phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm tối ưu hóa quá trình sản xuất kinh doanh.

Đầu tư

Đứng trước triển vọng tăng trưởng của nền kinh tế, Công ty có cơ hội đón nhận nhiều hơn nhu cầu tiêu thụ khí từ các nhóm ngành khách hàng. Do đó, các kế hoạch đầu tư nâng công suất cung cấp khí, mở rộng mạng lưới trạm cung cấp tại khu vực cùng các dịch vụ song hành sẽ được lưu tâm, chú trọng nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu thụ khí trong tương lai.

- Phối hợp với phòng kinh doanh và khách hàng lên kế hoạch cho các dự án và triển khai đầu tư kịp thời. Giúp tăng cường hiệu quả cho nguồn vốn giải ngân và kịp thời cung cấp khí cho khách hàng.
- Tăng cường công tác kiểm soát trong quá trình đầu tư nhằm đảm bảo các dự án được triển khai tuyệt đối an toàn và hoàn thành đạt chất lượng và đúng tiến độ đề ra.
- Chủ động triển khai các bước thủ tục, hồ sơ đúng theo quy trình, quy định của pháp luật và Công ty.





ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2020 (tiếp theo)

GIẢI PHÁP VỀ QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH (tiếp theo)

Tài chính

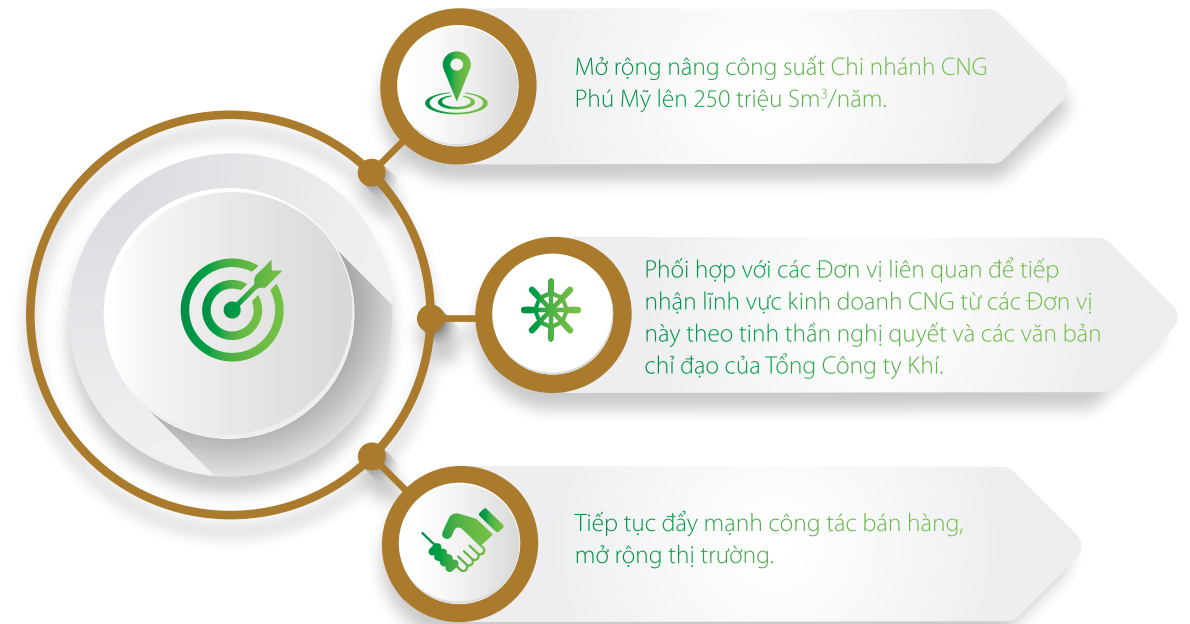
- Chủ động thu xếp các nguồn vốn để phục vụ cho các dự án đầu tư và SXKD của Công ty.
- Các chính sách tín dụng được xem xét phù hợp với mục tiêu tìm kiếm khách hàng mới và mở rộng thị phần kinh doanh. Tuy nhiên, việc hạn chế rủi ro phát sinh nợ quá hạn của khách hàng cần được thực hiện song hành nhằm đảm bảo công tác quản lý chi phí, công nợ hiệu quả.
- Với đặc thù hoạt động kinh doanh chịu ảnh hưởng từ biến động của thị trường nhiên liệu đầu vào, kế hoạch quản trị hàng tồn kho, dự trữ nhiên liệu khí đầu vào để tối thiểu hóa tác động lên hoạt động kinh doanh sẽ tiếp tục được Công ty thực hiện trong những năm tới.
- Tối ưu hóa nguồn vốn kinh doanh. Sử dụng vốn và quỹ linh hoạt nhằm tăng thêm thu nhập từ hoạt động tài chính. Ưu tiên giữ vững sự an toàn trong cấu trúc vốn và hạn chế rủi ro tài chính tiếp tục nhận được sự chú trọng từ Công ty.
- Gia tăng dòng tiền hình thành từ hoạt động kinh doanh mà vẫn duy trì được mối quan hệ hợp lý với khách hàng và nhà cung ứng. Nỗ lực duy trì ổn định tốc độ tăng trưởng dòng tiền và khả năng phân phối thu nhập cho cổ đông.
- Hỗ trợ công tác công bố thông tin đúng quy định, tập trung cho hoạt động quan hệ nhà đầu tư (IR) nhằm góp phần giữ vững uy tín, hình ảnh của Công ty trước cổ đông.

Tổ chức, nhân sự và phát triển nguồn lực

- Rà soát cơ cấu tổ chức, bộ máy, cách thức tổ chức sản xuất mới đảm bảo phù hợp với sự phát triển của Công ty trong từng giai đoạn. Tạo dựng môi trường làm việc gắn với “hiệu quả” nhằm thu hút nguồn lực có trình độ, kinh nghiệm làm việc lâu dài cho Công ty.
- Tiếp tục đẩy mạnh triển khai hoạt động 5S trong toàn công ty.
- Triển khai thực hiện hoạt động đánh giá công việc theo KPI nhằm đánh giá đúng hiệu quả công việc của CBCNV, đề xuất các chế độ khen thưởng hợp lý.
- Thực hiện chính sách điều động, luân chuyển nhân lực một cách hợp lý nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh theo từng thời điểm.
- Tuyển dụng nhân sự có trình độ, tay nghề, phẩm chất và kinh nghiệm đáp ứng nhu cầu công việc, định hướng phát triển của Công ty. Thực hiện và cải cách các chính sách đãi ngộ đối với người lao động theo hiệu quả công việc, phù hợp với thị trường lao động nội bộ ngành.
- Tăng cường công tác đào tạo, giúp nâng cao năng lực làm việc của CBCNV.



NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2020



CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2020

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020
1	Tổng sản lượng CNG	Triệu Sm ³	320,00
-	Miền Nam	Triệu Sm ³	250,00
-	Miền Bắc	Triệu Sm ³	70,00
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	3,351,98
-	Miền Nam	Tỷ đồng	2.591,99
-	Miền Bắc	Tỷ đồng	759,99
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100,09
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	80,07
5	Tỷ lệ LNST/VĐL	%	30
6	Tỷ lệ chia cổ tức/VĐL	%	25
7	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	45,82





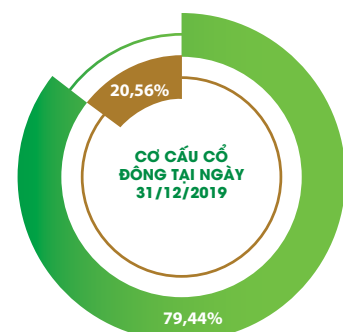
THÔNG TIN CỔ PHẦN

Tổng số cổ phần	: 27.000.000 cp
Loại cổ phần	: Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	: Không
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	: 27.000.000 cp

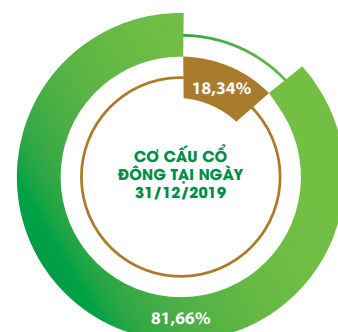
CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

PHÂN LOẠI THEO CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC VÀ NƯỚC NGOÀI TẠI NGÀY 31/12/2019

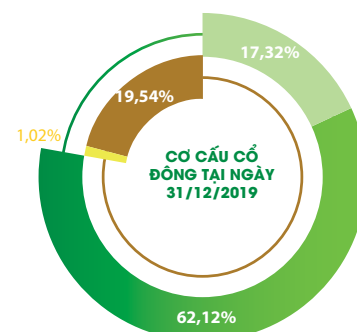
Chi tiêu	Trong nước		Nước ngoài		Tổng cộng	
	Cổ phần	% VĐL	Cổ phần	% VĐL	Cổ phần	% VĐL
Cá nhân	4.676.460	17,32%	275.664	1,02%	4.952.124	18,34%
Tổ chức	16.772.302	62,12%	5.275.575	19,54%	22.047.877	81,66%
Tổng	21.448.761	79,44%	5.551.239	20,56%	27.000.000	100,00%



- Cổ đông trong nước
- Cổ đông nước ngoài



- Cổ đông tổ chức
- Cổ đông cá nhân



- Tổ chức trong nước
- Cá nhân nước ngoài
- Tổ chức nước ngoài

PHÂN LOẠI THEO CỔ ĐÔNG LỚN (TỪ 5% TRỞ LÊN) TẠI NGÀY 31/12/2019

Tên cổ đông	Vốn cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP (PV Gas)	15.120.000	56,00
Samarang Ucits – Samarang Asian Prosperity	2.600.940	9,63
Các cổ đông khác	9.279.060	34,37
Tổng	27.000.000	100

QUÁ TRÌNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

Năm	Vốn điều lệ ban đầu (Tỷ VNĐ)	Vốn điều lệ tăng thêm (Tỷ VNĐ)	Vốn điều lệ lũy kế (Tỷ VNĐ)	Hình thức tăng vốn
2007	19,2	-	19,2	
2008	19,2	48	67,2	Phát hành thêm
2010	67,2	57,8	125	Phát hành cho cán bộ chủ chốt và cổ đông chiến lược
2011	125	37,5	162,5	Trả cổ tức bằng cổ phiếu
2011	162,5	40,6	203,1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu
2012	203,1	10,2	213,3	ESOP cho CBCNV
2013	213,3	56,7	270,0	ESOP cho CBCNV và thưởng cổ phiếu



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

Tổng vốn điều lệ đến ngày 31/12/2019 là 270 tỷ đồng, không thay đổi so với năm trước. Trong khi đó, vốn chủ sở hữu đến cuối năm 2018 đạt hơn 542,8 tỷ đồng gấp hơn hai lần so với vốn điều lệ, tiếp tục cải thiện so với năm trước nhờ tích lũy lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ:

Công ty hiện đang nắm giữ 327 cổ phiếu quỹ, chiếm tỷ lệ 0,001%. Trong năm, Công ty không có giao dịch mua/bán cổ phiếu quỹ.



HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Thực hiện đúng các chuẩn mực QTCT được quy định trong văn bản lập quy của Công ty và tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Tài chính và UBCKNN, Ban Lãnh đạo luôn chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công tác Quan hệ Nhà đầu tư, đặc biệt là hoạt động công bố thông tin ra thị trường.

Đối với các sự kiện có ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trên thị trường, Công ty luôn đảm bảo việc truyền tải thông tin chính xác và kịp thời đến các cổ đông và cộng đồng nhà đầu tư. Không dừng lại ở việc tuân thủ, Công ty cũng trao đổi với các biên liên quan và cổ đông, công bố thông tin một cách chủ động. Công ty cũng đã thường xuyên cập nhật thông tin đầy đủ và kịp thời trên website, đăng tải các thông tin liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh trên website của Công ty.

Các kỳ ĐHĐCĐ luôn được Công ty chú trọng và chuẩn bị một cách cẩn thận và kỹ lưỡng, vì đây là cơ hội quan trọng để Công ty gặp gỡ cổ đông và nhà đầu tư. Ban Lãnh đạo trình bày kết quả, kế hoạch kinh doanh và những nội dung quan trọng khác liên quan đến hoạt động sản xuất

kinh doanh của Công ty và thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ. Đây cũng là cơ hội để Ban Lãnh đạo có thể giải đáp thắc mắc để các cổ đông có thể hiểu rõ về Công ty hơn.

Công ty đã nhận được nhiều danh hiệu, giải thưởng do các tổ chức uy tín bình chọn, khen tặng. Cụ thể như sau:

- Được bình chọn vào Top 10 Giải thưởng Báo cáo Thường niên – Nhóm Vốn hóa vừa do Sở GD&ĐT TP.HCM và báo Đầu tư Chứng khoán đồng tổ chức trong hai năm liên tiếp 2018, 2019.
- Được bình chọn vào Top 100 Doanh nghiệp Phát triển Bền Vững Việt Nam do Hội đồng Doanh nghiệp vì sự Phát triển bền vững Việt Nam - VBCSD (VCCI) tổ chức trong nhiều năm liên.

Trong năm 2019, CNG Việt Nam cũng thực hiện chính sách chi trả cổ tức tiền mặt năm 2018 với tỷ lệ 15% và tạm ứng cổ tức năm 2019 với tỷ lệ 10% vốn điều lệ, tổng giá trị chi trả đạt 67,5 tỷ đồng.



LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS, BGD

Công ty áp dụng chế độ lương cho Ban điều hành theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên và Thỏa ước lao động tập thể của CNG Việt Nam.

Tiền thưởng Ban điều hành trích từ lợi nhuận sau thuế, áp dụng theo quyết định của ĐHĐCĐ thường niên về Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành.

Năm 2019, số tiền lương, thù lao đã tạm chi cho HĐQT, BKS và BGD là 5.653.944.211 đồng, bằng 98,36% kế hoạch tiền lương, thù lao HĐQT, BKS và BGD đã được phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2019 (Số đã duyệt là 5.748.249.554 đồng).

SỐ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO ĐÃ TẠM CHI CHO HĐQT, BKS VÀ BGD

5.653.944.211 Đồng

Bằng 98,36% kế hoạch

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN: Năm 2019, CNG Việt Nam không có giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn.

GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY, THÀNH VIÊN HĐQT, BKS, BGD VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Loại giao dịch	Tình trạng
1	Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan	Không có
2	Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan, người nội bộ của Công ty, người có liên quan của người nội bộ	Không có
3	Giao dịch giữa người nội bộ của Công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát	Không có
4	Giao dịch giữa Công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, BGD đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành trong vòng 03 năm trở lại đây	Không có
5	Giao dịch giữa Công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành	Không có
6	Các giao dịch khác của Công ty có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc điều hành	Không có



Tăng GẮN KẾT



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thành tựu phát triển bền vững 2019	112
Tăng trưởng kinh tế bền vững	114
Hệ thống quản lý tích hợp AT-CL-MT	116
Trách nhiệm với môi trường	120
Nguồn nhân lực	126
Cộng đồng – Xã hội	134
Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh	135



17 MỤC TIÊU

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA LIÊN HIỆP QUỐC

 <p>Xóa nghèo & Xóa đói</p>	<ul style="list-style-type: none"> ★ Hỗ trợ 110 phần quà, và 50 triệu đồng cho các thầy cô giáo, người dân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại tỉnh An Giang và Bà Rịa-Vũng Tàu.
 <p>Sức khỏe tốt và cuộc sống hạnh phúc</p>	<ul style="list-style-type: none"> ★ Chăm lo đời sống vật chất, lẫn tinh thần cho CBCNV. ★ Đảm bảo sức khỏe và an toàn lao động cho CBCNV thông qua hệ thống quản lý AT-CL-MT. ★ Trao tặng 56 phần quà cho các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, và phần quà trị giá 20 triệu đồng cho các cán bộ chăm sóc và phụng dưỡng các mẹ. ★ Trao tặng 25 phần quà, trị giá 50 triệu đồng cho người già neo đơn, người có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.
 <p>Giáo dục chất lượng</p>	<ul style="list-style-type: none"> ★ Trao tặng cho trường Tiểu học An Hảo B một số dụng cụ hỗ trợ công tác dạy và học, 20 suất học bổng cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, và áo mới đón tết cho toàn thể học sinh của trường. ★ Chương trình Tủ sách “Chân trời mở rộng” tặng gần 1.000 quyển sách và tủ cho một số trường THCS trên địa bàn hoạt động của Công ty. ★ Trao tặng 40 suất học bổng cho các em học sinh giỏi, vượt khó tại trường tiểu học Phan Đình Phùng và trường Tiểu học Lý Thường Kiệt.
 <p>Bình đẳng giới</p>	<ul style="list-style-type: none"> ★ 22% lao động nữ/ tổng số lao động (57/258), trong đó 19% lãnh đạo cấp cao là nữ (9/47). ★ Chính sách và phúc lợi dành thêm cho lao động nữ (chế độ thai sản, khám sức khỏe riêng cho lao động nữ, bên cạnh chế độ khám sức khỏe định kỳ thông thường).
 <p>Nước sạch và điều kiện vệ sinh</p>	<ul style="list-style-type: none"> ★ Đảm bảo nước thải được xử lý trước khi xả thải để tránh ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. ★ Truyền thông nâng cao ý thức tiết kiệm nước và giữ gìn vệ sinh trong nội bộ Công ty.
 <p>Năng lượng sạch và giá hợp lý</p>	<ul style="list-style-type: none"> ★ Đầu tư thêm các trạm nạp nhằm giảm giá thành sản phẩm khí thiên nhiên, và gia tăng người sử dụng. ★ Tăng cường nhận diện thương hiệu, góp phần tuyên truyền nâng cao hiểu biết về lợi ích khi sử dụng khí thiên nhiên như tiết kiệm chi phí, giảm thiểu ô nhiễm, hạn chế rủi ro rò rỉ. ★ Tìm kiếm các cơ hội hợp tác để giảm giá nguyên liệu đầu vào, hạ giá thành sản phẩm, và khuyến khích nhiều người sử dụng hơn.
 <p>Việc làm bền vững và tăng trưởng kinh tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> ★ Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho hàng ngàn lao động, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân địa phương. ★ Thông qua việc duy trì tăng trưởng thể hiện trách nhiệm của Công ty đối với sự tăng trưởng bền vững chung và đảm bảo lợi ích các bên liên quan, và cũng là cách Công ty đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế của quốc gia.

 <p>Công nghiệp, đổi mới và cơ sở hạ tầng</p>	<ul style="list-style-type: none"> ★ Đầu tư các trạm nạp CNG cho xe bus, góp phần nâng cao hiệu quả hệ thống giao thông công cộng, giảm phát thải, bảo vệ môi trường.
 <p>Giảm bất bình đẳng</p>	<ul style="list-style-type: none"> ★ Luôn nỗ lực để điều chỉnh tỷ lệ nữ trong cơ cấu lao động hướng tới thông lệ quản trị tốt và giảm thiểu bất bình đẳng. ★ Chính sách lương thưởng theo năng lực, cơ hội nghề nghiệp cho toàn thể CBCNV dựa trên đánh giá công bằng, minh bạch.
 <p>Các thành phố và cộng đồng bền vững</p>	<ul style="list-style-type: none"> ★ Kiểm tra, rà soát hệ thống quản lý ATCLMT nhằm đảm bảo phát thải, và chất thải không gây ra tác động đến môi trường xung quanh. ★ Khuyến khích trồng cây xanh quanh khu vực nhà máy và văn phòng giúp giảm thiểu bụi trong không khí.
 <p>Tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm</p>	<ul style="list-style-type: none"> ★ Hoạt động dưới hệ thống quản lý AT-CL-MT. ★ Thực hiện đánh giá tác động môi trường định kỳ 2 lần/năm. ★ Sử dụng nhiên liệu xanh cho phương tiện vận chuyển của Công ty. ★ Cung cấp sản phẩm và dịch vụ liên quan đến khí thiên nhiên, thân thiện với môi trường đến khách hàng. ★ Sử dụng năng lượng tiết kiệm, hạn chế chất thải vào môi trường.
 <p>Ứng phó với biến đổi khí hậu</p>	<ul style="list-style-type: none"> ★ Khuyến khích sáng kiến, sáng tạo về tiết kiệm năng lượng. ★ Tăng cường sử dụng nhiên liệu xanh cho hoạt động SXKD. ★ Tích cực truyền thông, quảng bá hình ảnh công ty, mở rộng hoạt động kinh doanh giúp người dân hiểu được lợi ích của việc sử dụng nhiên liệu xanh góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu.
 <p>Đời sống dưới nước</p>	<ul style="list-style-type: none"> ★ Nước thải được xử lý đúng tiêu chuẩn dưới hệ thống quản lý ATCLMT nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường/ hệ sinh thái dưới nước. ★ Tàu vận chuyển LNG được bảo trì bảo dưỡng thường xuyên nhằm hạn chế tối đa sự cố gây ô nhiễm môi trường nước.
 <p>Đời sống trên cạn</p>	<ul style="list-style-type: none"> ★ Tạo điều kiện cho CBCNV tham gia vào các hoạt động đóng góp bảo vệ môi trường, hệ sinh thái trên cạn như: nhặt rác thải, đóng góp bảo tồn động vật... ★ Giảm thiểu ô nhiễm không khí thông qua việc gia tăng nhận thức về nhiên liệu sạch, góp phần bảo vệ môi trường trong lành cho con người và hệ sinh thái trên cạn.
 <p>Hòa bình, công lý và thể chế hiệu quả</p>	<ul style="list-style-type: none"> ★ Tuyệt đối không sử dụng lao động trẻ em, và lao động ép buộc, cưỡng bức trong công ty. ★ Chính sách quản trị đảm bảo tính minh bạch và công bằng. ★ Tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động và hội nghị người lao động 2 lần/ năm.
 <p>Hợp tác đạt mục tiêu</p>	<ul style="list-style-type: none"> ★ Góp phần nâng cao nhận thức sử dụng nhiên liệu sạch thông qua các hoạt động tăng cường nhận diện thương hiệu. ★ Đồng hành cùng các bên liên quan vì mục tiêu tăng trưởng bền vững.



**TỔNG GIÁ TRỊ
KINH TẾ TẠO RA NĂM 2019**
2.146,7
TỶ ĐỒNG
TĂNG 16,8% SO VỚI NĂM TRƯỚC

HIỆU QUẢ KINH TẾ

Việc thực hiện trách nhiệm kinh tế và tăng trưởng bền vững biểu thị cho hành động có trách nhiệm của Công ty đối với Bên liên quan quan trọng là cổ đông. Ngoài ra, hoàn thành trách nhiệm kinh tế sẽ là yếu tố nền tảng để CNG Việt Nam thực hiện trách nhiệm với xã hội, cộng đồng và môi trường.

GIÁ TRỊ KINH TẾ TRỰC TIẾP ĐƯỢC TẠO RA VÀ PHÂN PHỐI

Giá trị kinh tế trực tiếp được tạo ra:

Tổng doanh thu CNG Việt Nam tạo ra trong năm 2019 là 2.146,7 tỷ đồng, hoàn thành 123% kế hoạch và tăng 16,8% so với 2018.

Chỉ tiêu	2018	2019	Tăng/Giảm
Doanh thu	1.819,2	2.130,4	17,1%
Doanh thu tài chính	11,7	13,5	15,2%
Doanh thu khác	7,3	2,9	-60,7%
Tổng cộng	1.838,2	2.146,7	16,8%

Giá trị kinh tế phân phối:

Ngoài việc tạo lập giá trị kinh tế để đảm bảo lợi ích cho cổ đông thì CNG Việt Nam còn thực hiện hoạt động phân phối giá trị cho xã hội và cộng đồng. Cụ thể:

Chỉ tiêu	2018	2019	Tăng/Giảm
Chi phí hoạt động kinh doanh	1.589,6	1.925,8	21,2%
Chi phí người lao động	50,6	58,8	16,3%
Chi phí tài chính			
<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>0,1</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cổ tức</i>	<i>40,5</i>	<i>67,5</i>	<i>66,7%</i>
Chi phí đầu tư tài sản cố định	75,0	14,8	-80,3%
Nợ ngân sách Nhà nước	44,9	40,2	-10,5%
Đóng góp cho cộng đồng và xã hội	2,8	0,795	-71,6%
Tổng cộng	1.803,5	2.108,0	16,9



**TỔNG GIÁ TRỊ
KINH TẾ PHÂN PHỐI NĂM 2019**
2.108,0
TỶ ĐỒNG
TĂNG 16,9% SO VỚI NĂM TRƯỚC

Giá trị kinh tế tạo lập được CNG Việt Nam phân bổ cho các khoản như chi phí hoạt động, lương và phúc lợi của nhân viên, thanh toán cho các nhà cung cấp vốn, các khoản nợ ngân sách Nhà nước, và các khoản đầu tư cho cộng đồng. Năm 2019, giá trị kinh tế phân bổ cho chi phí hoạt động kinh doanh là 1.925,8 tỷ đồng.

Nguồn nhân lực được xem là một trong những lợi thế cạnh tranh và cũng là tài sản vô giá đối với CNG Việt Nam, nên chế độ lương thưởng và phúc lợi cho CBCNV luôn nhận được sự quan tâm của Ban lãnh đạo. Do đó, CNG Việt Nam đã phân bổ 58,8 tỷ đồng trong tổng giá trị kinh tế tạo lập cho khoản lương thưởng và phúc lợi của nhân viên.



CNG Việt Nam luôn chú trọng việc thực hiện trách nhiệm thanh toán cho nhà cung cấp vốn, vì Công ty hiểu rằng đây là hành động thể hiện trách nhiệm đảm bảo lợi ích cho nhà cung cấp vốn. Đây cũng là cách giúp Công ty củng cố lòng tin với cổ đông hiện hữu, và tạo hình ảnh tốt đối với các nhà đầu tư - các cổ đông tương lai. Trong năm 2019, Công ty chi trả cổ tức tiền mặt cho năm 2018 và tạm ứng đợt 1 cho năm 2019 với tỷ lệ tổng cộng là 25%.

Đối với CNG Việt Nam, việc hoàn thành các khoản phải nộp cho Chính phủ không những là nghĩa vụ của doanh nghiệp, mà còn là phương thức Công ty đóng góp cho sự phát triển chung của đất nước. Khoản nợ ngân sách Nhà nước của CNG Việt Nam là 40,2 tỷ đồng.

Cân đối giữa các mục tiêu kinh tế - xã hội - môi trường và gắn kết các mục tiêu này trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là yếu tố cốt lõi của việc phát triển bền vững. Do đó, bên cạnh việc thực hiện các hoạt động phân bổ liên quan đến kinh tế thì đóng góp cho xã hội - cộng đồng là điều không thể thiếu để giúp CNG Việt Nam có thể phát triển bền vững. CNG Việt Nam thường xuyên tổ chức các hoạt động xã hội tại địa bàn hoạt động của Công ty. Cụ thể, Công ty đã chi 795 triệu đồng cho các hoạt động xã hội trong năm 2019. Trong đó có các chương trình như: "Tết sum vầy", "Tinh xuân 2019", "Tiếp sức đến trường", Tủ sách "Chân trời mở rộng", "Về nguồn Quảng Nam - Đà Nẵng 2019",...

ẢNH HƯỞNG ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH, CÁC RỦI RO VÀ CƠ HỘI KHÁC DO BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU:

Biến đổi khí hậu đặt ra cho CNG Việt Nam những rủi ro, thách thức và cả cơ hội kinh doanh cũng như lợi thế cạnh tranh cho Công ty. Nguyên vật liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất của CNG Việt Nam chịu ảnh hưởng trực tiếp từ môi trường do đặc thù ngành nghề của Công ty. Áp lực chi phí hoạt động của Công ty đến từ việc giá nguyên liệu đầu vào gia tăng do sản lượng khí đầu vào bị sụt giảm dưới tác động của tình hình biến đổi khí hậu. Mặt khác, do sản phẩm và dịch vụ của Công ty liên quan đến khí thiên nhiên, thân thiện với môi trường và hiệu quả kinh tế cao. Các quy định về bảo vệ môi trường ngày càng trở nên nghiêm ngặt và ý thức bảo vệ môi trường cũng nâng cao. Từ đó hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như lợi thế cạnh tranh của CNG Việt Nam được tạo song song với các thách thức và rủi ro.

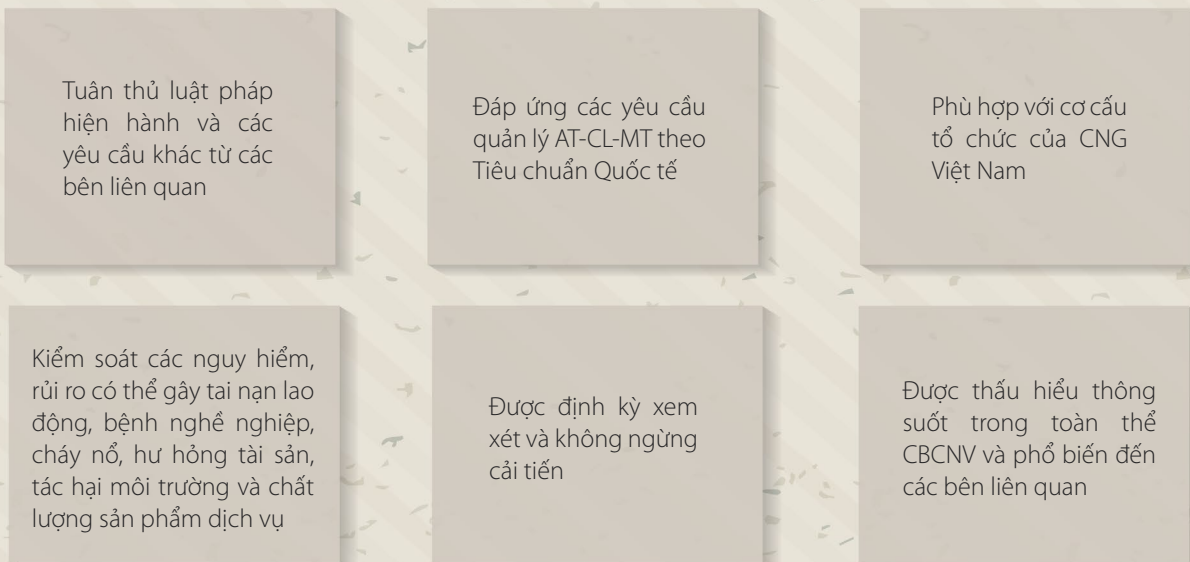
CNG VIỆT NAM ĐÃ VÀ ĐANG TÍCH CỰC TRONG HOẠT ĐỘNG TÌM KIẾM NGUỒN KHÍ ĐẦU VÀO ĐỂ PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÔNG TY, NHẪM GIẢM ÁP LỰC CHI PHÍ, VÀ ĐÓNG GÓP MỘT PHẦN VÀO HOẠT ĐỘNG THAY ĐỔI Ý THỨC SỬ DỤNG NHIÊN LIỆU XANH.



VIỆC NGĂN NGỪA CÁC TNSC, VÀ GIẢM THIỂU CÁC THIẾT HẠI VỀ CON NGƯỜI, TÀI SẢN, GIẢM THIỂU TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG, CŨNG NHƯ ĐÁP ỨNG TỐT NHẤT NHU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG LUÔN NHẬN ĐƯỢC SỰ QUAN TÂM TỪ BAN LÃNH ĐẠO CNG VIỆT NAM, VÌ THẾ HỆ THỐNG QUẢN LÝ TÍCH HỢP AN TOÀN - CHẤT LƯỢNG - MÔI TRƯỜNG (INTEGRATED MANAGEMENT SYSTEMS - IMS) ĐÃ VÀ ĐANG ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY. HỆ THỐNG IMS CỦA CNG VIỆT NAM ĐƯỢC VIỆN TIÊU CHUẨN ANH (BSI) VIỆT NAM ĐÁNH GIÁ CÔNG NHẬN VÀ CẤP CHỨNG CHỈ.

CHÍNH SÁCH AN TOÀN - CHẤT LƯỢNG - MÔI TRƯỜNG

Với đặc thù ngành công nghiệp khí thì vấn đề an toàn là vấn đề sống còn, CNG Việt Nam đã ban hành Chính sách AT-CL-MT lần đầu tiên vào năm 2010. Chính sách này góp phần ngăn ngừa các thiệt hại về Con người, Tài sản, Môi trường, do đặc thù ngành nghề một khi xảy ra tai nạn thì thiệt hại về mặt Con người, Tài sản, và Môi trường là khá lớn. Ngoài ra, Chính sách AT-CL-MT còn giúp CNG Việt Nam thỏa mãn nhu cầu khách hàng trong các hoạt động SXKD sản phẩm và dịch vụ của Công ty. Để thực hiện chính sách AT-CL-MT, CNG Việt Nam cam kết thiết lập và duy trì một hệ thống quản lý đảm bảo:



CƠ CẤU HỆ THỐNG QUẢN LÝ AT-CL-MT:

MỤC TIÊU

<p>OHSAS 18001:2007/ ISO 45001:2018 (AN TOÀN)</p> <p>Nhận diện các rủi ro về an toàn, sức khỏe của người lao động và đưa ra các biện pháp kiểm soát để đảm bảo an toàn và sức khỏe của người lao động cũng như thiệt hại về tài sản đồng thời tuân thủ luật pháp về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.</p>	<p>ISO 14001:2015 (MÔI TRƯỜNG)</p> <p>Nhận diện các mối nguy về môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh và đưa ra biện pháp kiểm soát để đảm bảo giảm thiểu tác động môi trường, đồng thời tuân thủ các luật pháp về bảo vệ môi trường.</p>	<p>ISO 9001:2005 (CHẤT LƯỢNG)</p> <p>Thiết lập các quá trình hoạt động của CNG Việt Nam, và kiểm soát các hoạt động thông qua các chỉ số đo lường hiệu lực của quá trình thực hiện.</p>
--	--	---

MÔ HÌNH CẤU TRÚC

Các tiêu chuẩn OHSAS 18001:2007/ ISO 45001:2018, tiêu chuẩn ISO 9001-2015, tiêu chuẩn ISO 14001-2015 được tích hợp trong hệ thống IMS của CNG Việt Nam, và được xây dựng dựa trên mô hình cấu trúc chung là P-D-C-A (Plan-Do-Check-Act):





CƠ CẤU HỆ THỐNG QUẢN LÝ AT-CL-MT (tiếp theo)

MÔ HÌNH PLAN - DO - CHECK - ACT



SỰ ĐÓNG GÓP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀO HỆ THỐNG QUẢN LÝ AT-CL-MT:

Công ty cần phải tạo ra nhiều cơ hội để người lao động tham gia đóng góp vào Hệ thống quản lý AT-CL-MT, vì chính họ là một trong những bên liên quan trực tiếp của hệ thống này, nên sẽ đóng góp được những kinh nghiệm thực tế, cũng như những khó khăn trong quá trình thực hiện, giúp Ban lãnh đạo và Ban điều hành có những điều chỉnh chính sách kịp thời.

★ Công ty thực hiện tham khảo ý kiến của người lao động qua nhiều hình thức như: đối thoại trực tiếp, kênh thông tin nội bộ, email; các cuộc họp sinh hoạt an toàn định kỳ, hội thảo, hội nghị an toàn; thực hiện chương trình nhận thức an toàn (thẻ STOP), phiếu Khắc phục phòng ngừa.

★ Các CBNV được tham khảo ý kiến, khuyến khích đóng góp ý kiến khi công ty thực hiện nhận diện mối nguy, khía cạnh môi trường tại nơi làm việc; điều tra TNSC, thay đổi cơ cấu tổ chức, cơ sở vật chất, chế độ vận hành, quy trình sản xuất; ban hành chính sách, mục tiêu AT-CL-MT, các tài liệu mới về an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp, môi trường.

★ Định kỳ hàng năm, công ty lập kế hoạch rà soát và cập nhật các quy trình, hướng dẫn công việc, các quy chế, quy định để tiến hành cập nhật bản mới, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế tại đơn vị và đáp ứng yêu cầu của tiêu chuẩn, tuân thủ các quy định của Tổng công ty áp dụng cho công ty thành viên.

HẠN CHẾ CỦA CÔNG TÁC QUẢN LÝ AT-CL-MT NĂM 2019:

- ★ Công tác rà soát, đánh giá tuân thủ yêu cầu pháp luật về AT-CL-MT còn mang tính hình thức. Cách hiểu và cách đánh giá mức độ tuân thủ pháp luật giữa các bộ phận cũng chưa đồng đều. Một số văn bản pháp luật còn chồng chéo, khó thực hiện.
- ★ Một số lãnh đạo của bộ phận chưa quan tâm sâu sát và chưa có chỉ đạo kịp thời để triển khai hệ thống một cách đồng bộ và quyết liệt.
- ★ Các khóa đào tạo về hệ thống quản lý AT-CL-MT chưa đa dạng về nội dung và sinh động về hình thức thực hiện, dẫn đến CBNV tham gia đào tạo đạt hiệu quả thấp.
- ★ Dù đã nỗ lực trong công tác quản lý an toàn, nhưng đáng tiếc trong năm 2019 đã xảy ra 01 vụ va quệt nhỏ đối với phương tiện vận chuyển tại Chi nhánh Phú Mỹ, vụ việc đã được xử lý, kiểm điểm rút kinh nghiệm.

GIẢI PHÁP CẢI THIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ AT-CL-MT:

- ★ Kiểm soát thường xuyên và chặt chẽ công tác an toàn trong sản xuất, vận chuyển và phân phối
- ★ Thường xuyên làm việc với Ban quản lý khu công nghiệp các tỉnh nhằm cập nhật thông tin liên quan đến công tác AT-CL-MT nhằm đưa ra phương án điều chỉnh quy trình, chính sách, hệ thống kiểm soát AT-CL-MT kịp thời và phù hợp
- ★ Thực hiện các thủ tục ký hợp đồng tái cấp chứng chỉ thực hành tốt 5S và tiếp đoàn đánh giá chứng nhận.
- ★ Tiến hành kiểm tra an toàn và đánh giá nội bộ, thực hành tốt 5S.
- ★ Lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị, và phương tiện vận chuyển theo đúng quy định kỹ thuật.





VỚI ĐẶC TRƯNG SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG, NÊN MỖI HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA CNG VIỆT NAM ĐÓNG GÓP VÀO VIỆC NÂNG CAO Ý THỨC VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG CỘNG ĐỒNG DOANH NGHIỆP. NGOÀI RA, SẢN XUẤT KINH DOANH NĂNG LƯỢNG XANH CÒN GÓP PHẦN KHÔNG NHỎ VÀO QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG MỘT NỀN KINH TẾ BỀN VỮNG CHUNG CỦA ĐẤT NƯỚC THÔNG QUA HOẠT ĐỘNG XANH HÓA NGUỒN NĂNG LƯỢNG SỬ DỤNG.



VỚI SLOGAN “ĐEM NGUỒN NĂNG LƯỢNG SẠCH ĐẾN MỌI NƠI”, CNG VIỆT NAM ĐÃ ĐÓNG GÓP MỘT PHẦN SỨC MÌNH VÀO VIỆC CẢI THIỆN Ý THỨC VỀ MÔI TRƯỜNG THÔNG QUA CHUYỂN ĐỔI THÓI QUEN SỬ DỤNG NHIÊN LIỆU TRUYỀN THỐNG SANG SỬ DỤNG CÁC NGUỒN NĂNG LƯỢNG XANH. HOẠT ĐỘNG TĂNG CƯỜNG NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU CỦA CNG VIỆT NAM CŨNG GÓP PHẦN GIA TĂNG NHẬN THỨC CỘNG ĐỒNG VỀ LỢI ÍCH CỦA VIỆC SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG XANH. NGOÀI RA, KIỂM SOÁT CÁC KHÍA CẠNH VỀ MÔI TRƯỜNG KHÔNG NHỮNG GIÚP CÔNG TY TUÂN THỦ CÁC YÊU CẦU VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT LIÊN QUAN, MÀ CÒN GIÚP CÔNG TY ĐẢM BẢO SỨC KHỎE CÙNG ĐIỀU KIỆN SINH HOẠT CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN. ĐẶC BIỆT LÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG, NHỮNG NGƯỜI CHỊU TÁC ĐỘNG, VÀ RỦI RO TRỰC TIẾP TỪ MÔI TRƯỜNG.



VẬT LIỆU

Công ty chỉ thực hiện công đoạn nén/ nạp khí thiên nhiên vào thiết bị chứa chuyên dùng, vận chuyển đến khách hàng, nên không sử dụng nguyên liệu để sản xuất và đóng gói.

NĂNG LƯỢNG

Nhờ có những sáng kiến, giải pháp tiết kiệm năng lượng, chi phí trong hoạt động SXKD (chi phí nhiên liệu, điện,...) của CNG Việt Nam trong năm 2019 tiết giảm được 11,65 tỷ đồng. CBNV tại CNG Việt Nam luôn được nhắc nhở tắt các thiết bị điện khi không có nhu cầu sử dụng nhằm tiết kiệm chi phí cho Công ty và góp phần bảo vệ môi trường.

Tên vật tư	ĐVT	Năm 2016		Năm 2017		Năm 2018		Năm 2019	
		Số lượng	Triệu VNĐ	Số lượng	Triệu VNĐ	Số lượng	Triệu VNĐ	Số lượng	Triệu VNĐ
Dầu Diesel 0.05	lít	641.248	6.713,5	693.707	9.017,5	764.390	13.090	604.720	9.830,1
Nhớt	lít	4.104	219,1	5.454	290,1	5.562	317	3.618	216,9
Xăng	lít	75.000	1.057,4	82.537	1.450,4	80.750	1.751,34	37.320	735,6
Điện sử dụng cho NM và Trạm MP3	m ³	8.288.375	12.899,1	8.823.508	13.554,7	10.399.480	17.500	14.078.883	25.202,6
Nước sinh hoạt	m ³	8.945	86,3	7.406	94,6	9.703	126,8	4.952	66,1



NƯỚC

Hoạt động sản xuất của CNG Việt Nam là hoạt động nén/ nạp khí thiên nhiên nên không sử dụng nước trong sản xuất. Nước chỉ dùng cho các hoạt động phụ trợ như PCCC, bảo dưỡng sửa chữa, và sinh hoạt của CBNV. CNG Việt Nam hiện đang sử dụng nguồn nước máy được cung cấp bởi Công ty CP cấp nước Phú Mỹ. Bình quân trong năm 2019, lượng nước sử dụng của Công ty là 412,6 m³/ tháng.

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động như nước thải từ nhà vệ sinh, nước rửa phương tiện vận chuyển,... được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại tại khu vực nhà vệ sinh, sau đó được xả thải vào hệ thống thu gom nước thải của KCN và được xử lý trước khi thải ra môi trường. CNG Việt Nam đã ký kết hợp đồng xử lý nước thải với Ban quản lý KCN nhằm đảm bảo nước thải được xử lý theo đúng quy chuẩn an toàn để không gây ra các tác động tiêu cực cho môi trường xung quanh.



PHÁT THẢI

Dựa trên nguồn gốc phát sinh, nguồn phát thải tại CNG Việt Nam được phân thành 3 loại chính là: phát thải từ hoạt động của phương tiện vận chuyển, phát thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, và tiếng ồn, độ rung trong quá trình sản xuất.

KẾT QUẢ VI KHÍ HẬU VÀ TIẾNG ỒN NĂM 2019:

Điểm Đo (Nhà máy PM)	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Ánh sáng (Lux)
1. Phòng bảo vệ	-	-	52,1	-	1.993
2. Khu vực nạp ngoài trời	85	31,4	59,2	0,3	ASTN
3. Phòng lễ tân	-	-	60,2	-	373
4. Phòng điều khiển 200 bar	75	26,5	52,2	0,2	529
5. Khu vực nén 200 bar	85	31,7	52,8	0,3	832
6. Phòng điều khiển 250 bar	72	26,8	47,1	0,2	565
7. Khu vực nén 250 bar	84	30,2	60,2	0,4	1.163
8. Văn phòng lầu 1	-	-	50,0	-	392
9. Phòng hành chính tổng hợp	-	-	46,0	-	362
10. Hội trường lớn	-	-	71,6	-	394
11. Phòng nghỉ lái xe	-	-	51,6	-	258
12. Phòng điều độ	-	-	40	-	538

(*) Các vị trí trong phòng kín có máy lạnh không thực hiện

Nguồn: Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH KHÔNG KHÍ KHU VỰC SẢN XUẤT

Điểm Đo (CNMB)	Cường độ ồn (dBA)	Nhiệt độ (°C)	Độ ẩm (%)	Tốc độ gió (m/s)	Ánh sáng (Lux)
I. Khu vực trung tâm điều độ (Thái Bình)					
1. Khu vực văn phòng	69,2	28,5	68,1	0,2	420
2. Khu vực kho để vật tư	65,1	30,5	69,8	0,2	330
3. Khu vực nhà để xe	75,5	31,6	67,4	0,4	540
II. Khu vực trạm Kyoiei (Ninh Bình)					
1. Khu vực vận hành trạm PRU	74,5	30,1	67,4	0,2	490
2. Khu vực giữa trạm PRU	71,6	30,6	68,2	0,3	490
3. Khu vực phòng điều hành trạm	72,3	30,1	67,4	0,3	500
III. Khu vực văn phòng CNMB (Hà Nội)					
1. Khu vực văn phòng	52,3	28,2	52,7	0,2	340
2. Khu vực lễ tân	56,6	28,2	58,7	0,2	510
3. Khu vực phòng họp	53,8	28,2	55,0	0,2	510

Nguồn: Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động

Điểm Đo (CNMB)	Bụi	CO	CO ₂	SO ₂	NO ₂	H ₂ S	Gia tốc rung	Từ trường	Điện từ
Khu vực trạm Kyoiei Ninh Bình									
1. Khu vực vận hành trạm PRU	0,25	3,51	910	0,26	0,16	0,25	0,27	2,3	125
2. Khu vực giữ trạm PRU	0,21	3,50	850	0,24	0,14	0,25	0,38	2,9	145
3. Khu vực phòng điều hành trạm PRU	0,22	3,46	990	0,23	0,11	0,25	KPH	2,7	110

Nguồn: Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động

Nhằm hạn chế phát thải ra môi trường, CNG Việt Nam đã và đang áp dụng các biện pháp như:

- ★ Phương tiện vận chuyển khí được kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên, đăng kiểm đủ tiêu chuẩn mới đưa vào sử dụng.
- ★ Sắp xếp lộ trình/ tuyến đường giao hàng thích hợp nhằm tiết kiệm tiêu hao nhiên liệu, giảm phát thải khí ra môi trường.
- ★ Tăng cường sử dụng khí CNG làm nhiên liệu cho các phương tiện vận chuyển của công ty nhằm giảm thiểu phát thải độc hại ra môi trường.
- ★ Bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị định kỳ nhằm giảm thiểu tiếng ồn khi hoạt động, tiêu hao nhiên liệu, cũng như phát thải ra môi trường.



NƯỚC THẢI VÀ CHẤT THẢI

NƯỚC THẢI:

Dù nguồn phát sinh nước thải chỉ đến từ hoạt động phụ trợ và sinh hoạt, không phải từ hoạt động sản xuất, nhưng CNG Việt Nam luôn chú trọng đến công tác xử lý nước thải tránh ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Chất lượng nước thải được kiểm tra định kỳ và bất thường nhằm đảm bảo các quy định về bảo vệ môi trường.

CHẤT THẢI:

Chất thải rắn sinh hoạt:

phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt hằng ngày của CBCNV khu vực văn phòng của Công ty. Hệ thống thùng rác được bố trí trong phạm vi toàn Công ty nhằm tránh hiện tượng vứt bỏ bừa bãi loại rác thải này. Bên cạnh đó, CNG Việt Nam còn ký kết hợp đồng với Công ty Môi trường Đô thị Tân Thành để thu gom rác thải sinh hoạt hằng ngày.

Chất thải sản xuất gồm hai loại:

Chất thải không nguy hại: phát sinh từ các hoạt động sinh hoạt của CBCNV khu vực sản xuất của Công ty. Chất thải được phân loại thành: nhóm kim loại, nhựa, giấy. Loại chất thải này được thu gom và lưu trữ trong những ô riêng biệt tại khu tập kết. Các chất thải có khả năng tái chế hoặc tái sử dụng như thùng giấy, ... được thu gom, cho vào bao tải và bán cho các cơ sở có nhu cầu sử dụng. Các chất thải không có khả năng tái chế được thu gom riêng và xử lý bởi đơn vị có chức năng theo hợp đồng đã ký kết với công ty.



Chất thải sản xuất nguy hại: phát sinh từ quá trình bảo trì, bảo dưỡng các máy móc thiết bị, hoặc phát sinh từ quá trình vệ sinh khu vực sản xuất định kỳ. Loại chất thải này được phân loại, đóng gói theo từng chủng loại theo đúng yêu cầu về an toàn kỹ thuật, và được dán nhãn theo quy định. Sau đó, loại chất thải này sẽ được tập kết tại khu vực an toàn riêng biệt, có rào chắn và biển báo trước khi được đơn vị chức năng thu gom xử lý. CNG Việt Nam đã ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Hà Lộc để vận chuyển và xử lý chất thải theo Thông tư 36/2015/TT-BTNMT về Quản lý chất thải nguy hại.

Tiêu chí	2016	2017	2018	2019	Tăng, giảm 2019/2018
1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên					
- Chất thải rắn	2.837 kg/năm	1.677 kg/năm	830 kg/năm	2.120 kg/năm	+155%
- Chất thải lỏng	3.981 kg/năm	4.681 kg/năm	5.100kg/năm	3.427 kg/năm	-32,8%
2. Chất thải thông thường					
- Chất thải rắn	2.808 kg/năm	2.808 kg/năm	2.400 kg/năm	2.400 kg/năm	0%
- Chất thải lỏng bùn	n/a	n/a	n/a	n/a	
3. Khối lượng nước thải được xử lý đáp ứng tiêu chuẩn xả thải					
- Thải vào khu xử lý chung của KCN	6.052 m ³ /năm	4.265 m ³ /năm	7.390 m ³ /năm	3.436 m ³ /năm	-53,5%

Tài liệu được lưu trữ và chuyển đến các bộ phận cần sử dụng qua hệ thống BES, giúp giảm thiểu rác thải, tiết kiệm chi phí văn phòng phẩm và thời gian trao đổi thông tin nội bộ.

TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG

CNG Việt Nam hiểu rõ sự quan trọng của việc bảo vệ môi trường vì bản thân công ty là một doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nhiên liệu xanh, nên việc nỗ lực không để xảy ra bất kỳ vi phạm nào liên quan đến tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường đã và đang được thực hiện tại công ty. Bên cạnh đó, CNG Việt Nam cũng xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường trong Công ty, giúp mỗi CBCNV trong công ty từ cấp cao nhất đến thấp nhất có ý thức về bảo vệ môi trường. **Trong năm 2019, Công ty không bị xử phạt về các vi phạm liên quan đến lĩnh vực môi trường.**

ĐÁNH GIÁ NHÀ CUNG CẤP VỀ MÔI TRƯỜNG

PV Gas là công ty mẹ cũng là nhà cung cấp khí CNG duy nhất, nên hoạt động bảo vệ môi trường luôn được tuân thủ. Bên cạnh đó, PV Gas còn truyền thông việc thực hiện bảo vệ môi trường đến từng công nhân viên. Thông qua quá trình trao đổi giữa các công ty thành viên thì một số biện pháp quản lý giúp hạn chế sự tác động đến môi trường trong chuỗi cung ứng được đưa ra và áp dụng đồng nhất trong toàn hệ thống như:

- ★ Kiểm tra bảo dưỡng thường xuyên và đăng kiểm đủ tiêu chuẩn mới đưa các phương tiện vận chuyển khí vào sử dụng;
- ★ Sắp xếp lộ trình/ tuyến đường giao hàng thích hợp để giảm phát thải khí ra môi trường và tiết kiệm tiêu hao nhiên liệu;
- ★ Khuyến khích sử dụng khí CNG làm nhiên liệu cho các phương tiện vận chuyển của công ty nhằm giảm thiểu khí thải độc hại ra môi trường;
- ★ Sắp xếp kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị định kỳ nhằm giảm thiểu tiếng ồn khi hoạt động, tiêu hao nhiên liệu, cũng như khí thải ra môi trường
- ★ Áp dụng hệ thống quản lý BES nhằm tăng tính hiệu quả trao đổi thông tin nội bộ, tiết kiệm giấy, mực in, góp phần giảm thiểu rác thải bảo vệ môi trường;
- ★ Nhắc nhở CBCNV tắt các thiết bị điện khi không có nhu cầu sử dụng;
- ★ Rà soát hệ thống quản lý AT-CL-MT nhằm cập nhật và điều chỉnh kịp thời phù hợp với tình hình thực tế tại công ty cũng như các quy định pháp luật hiện hành.



NGƯỜI LAO ĐỘNG
LÀ NGƯỜI TRỰC TIẾP TẠO RA
GIÁ TRỊ CHO CÔNG TY,
VÀ LÀ MỘT TRONG NHỮNG
BÊN LIÊN QUAN QUAN TRỌNG
CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
CỦA CNG VIỆT NAM.

SỐ LƯỢNG
CBNV NĂM 2019

258
NGƯỜI

Người lao động là người trực tiếp tạo ra giá trị cho công ty, và là một trong những bên liên quan quan trọng cho sự phát triển bền vững của CNG Việt Nam. Vì vậy, các quy định, chính sách liên quan đến nguồn nhân lực luôn được Công ty chú trọng. CNG Việt Nam sử dụng lao động trên cơ sở tự nguyện, dân chủ và tuân thủ các quy định pháp luật về lao động hiện hành. Do đó, không có trường hợp sử dụng lao động trẻ em cũng như lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc xảy ra tại Công ty. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo Công ty và đại diện tập thể lao động cùng ký kết thỏa ước lao động tập thể, và các quyết định liên quan đến người lao động được đưa ra thảo luận và thống nhất tại hội nghị người lao động hoặc các cuộc đối thoại trực tiếp định kỳ.

VIỆC LÀM

Tổng số lao động tại CNG Việt Nam trong năm 2019 là 258 người, trong đó, 01 lao động tiếp nhận mới, 6 lao động tuyển dụng mới, 6 lao động nghỉ việc. Với đặc thù doanh nghiệp ngành khí thì lao động nam chiếm đa số trong đội ngũ lao động, CNG Việt Nam đã nỗ lực cân đối tỷ lệ giới tính trong công ty.

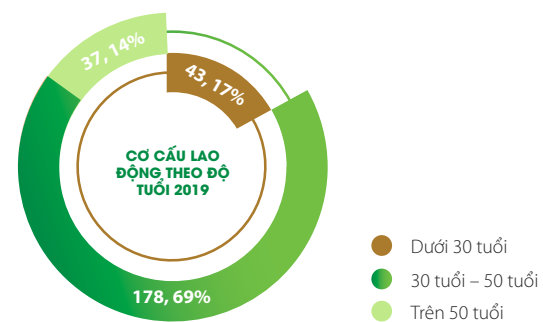
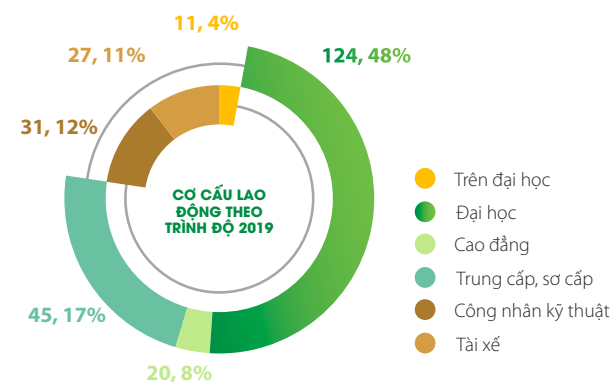
Trong năm 2019, lao động nữ chiếm 22% tổng số lao động, tỷ lệ lao động nữ trong HĐQT và BGD lần lượt là 20% và 0%. Ngoài việc nỗ lực cân đối tỷ lệ giới tính trong đội ngũ nhân sự, CNG Việt Nam cũng nỗ lực trong việc

xây dựng một đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao nhằm đáp ứng tốt nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại cũng như phát triển trong tương lai của công ty. Trong năm 2019, tỷ lệ lao động có trình độ đại học và trên đại học là 52%, trình độ cao đẳng và trung cấp là 22%. Với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao thì cơ cấu lao động theo độ tuổi cũng là yếu tố cần phải quan tâm. Lao động từ 30-50 tuổi hiện đang chiếm tỷ trọng cao trong lực lượng lao động với 178 lao động, chiếm 69%. Lao động trẻ dưới 30 tuổi chiếm 17%, và lao động trên 50 tuổi chiếm 14%.

Số lượng nhân viên thuê mới và thôi việc

ĐVT: Người

Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018	2019
Tuyển dụng, tiếp nhận mới	13	37	18	9	18	7
Nghỉ việc, trong đó	1	0	5	1	6	6
<i>Nghỉ hưu</i>	0	0	0	1	0	0
<i>Chấm dứt hợp đồng</i>	1	0	5	0	6	6



Cơ cấu lao động theo trình độ và độ tuổi:

	Số lượng	% lao động nữ
Cơ cấu lao động theo trình độ	258	100%
Trên đại học	11	27%
Đại học	124	35%
Cao đẳng	20	15%
Trung cấp	45	16%
Công nhân kỹ thuật	31	0%
Tài xế	27	0%
Cơ cấu lao động theo độ tuổi	258	100%
Dưới 30 tuổi	43	17%
30 tuổi – 50 tuổi	178	69%
Trên 50 tuổi	37	14%



VIỆC LÀM (tiếp theo)



Nguồn nhân lực được xem là tài sản vô giá, và cũng là một trong những lợi thế cạnh tranh của công ty, nên CNG Việt Nam đã tập trung phát triển nguồn nhân lực trên 4 khía cạnh:

- THỂ CHẤT** An toàn lao động; Hỗ trợ điều kiện làm việc; Trang bị đầy đủ thiết bị, máy móc, dụng cụ; Hỗ trợ tối ưu yếu tố con người.
- TINH THẦN** Lập kế hoạch làm việc, chiến lược cụ thể; Thiết lập KPIs nhằm đo lường và đánh giá năng lực chính xác, đánh giá đúng năng lực nhân viên; Đào tạo và nâng cao năng lực làm việc; Sắp xếp vị trí công việc phù hợp với khả năng và năng lực của nhân viên nhằm tối đa hóa nguồn nhân lực; Tạo cơ hội gắn kết, chia sẻ giữa các nhân viên trong công ty.
- XÃ HỘI** Gắn kết người lao động với trách nhiệm xã hội; Khuyến khích tham gia các chương trình vì cộng đồng do công ty tổ chức nhằm nâng cao ý thức của nhân viên về trách nhiệm cộng đồng và xã hội.
- TÀI CHÍNH** Đảm bảo lương, thưởng hợp lý; Hỗ trợ làm việc tối ưu nhằm phát huy tối đa năng lực của nhân viên.

Để biểu thị sự trân trọng đối với những giá trị đóng góp của người lao động, Ban lãnh đạo và điều hành Công ty luôn chú trọng đến việc xây dựng chế độ chính sách, phúc lợi hợp lý cho toàn thể CBNV. Trong đó, Quỹ khen thưởng và phúc lợi được Công ty trích lập theo đúng các quy định pháp luật. CNG Việt Nam cũng nỗ lực điều chỉnh lương của toàn thể CBNV một cách phù hợp, giúp người lao động có thể yên tâm lao động. Mức lương bình quân/ người/ tháng tại CNG Việt Nam là 19,5 triệu đồng, tương đương so với 2018.

	2015	2016	2017	2018	2019
Lương bình quân/người/tháng	18,3	18,3	18,32	19,34	19,5



Đối với khía cạnh sức khỏe, CNG Việt Nam đã lựa chọn đơn vị uy tín để tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp cho CBNV. Tỷ lệ CBNV đi khám cao, một số không tham gia khám vì lý do thai sản hoặc đang điều trị bệnh. Bên cạnh đó, CBNV của CNG Việt Nam đều được tham gia Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm sức khỏe sinh mạng cá nhân, với tổng số chi phí là 13,9 tỷ đồng trong năm 2019.

TT	Chương trình	Chi phí 2018 (Đồng)	Chi phí 2019 (Đồng)
1	Bảo hiểm y tế	1.713.563.225	1.790.035.090
2	Bảo hiểm xã hội	9.994.584.577	10.492.589.616
3	Bảo hiểm sức khỏe sinh mạng cá nhân	1.587.203.280	1.617.972.480

	Nam		Nữ	
	Số lượng	%/ tổng số lao động	Số lượng	%/ tổng số lao động
Tổng số nhân viên nghỉ thai sản	0	0%	5	2%
Tổng số nhân viên quay lại làm việc sau khi kết thúc nghỉ thai sản	0	0%	5	2%



MỐI QUAN HỆ LAO ĐỘNG/ QUẢN LÝ

Người lao động là một trong những bên liên quan quan trọng đối với sự phát triển bền vững, nên việc tham vấn bên liên quan này trước khi đưa ra các quyết định cụ thể là điều cần thiết, và cũng được thể hiện trong các chuẩn mực quốc tế liên quan. Tại CNG Việt Nam, báo cáo cho biết thời hạn thông báo và các điều khoản tham vấn, đàm phán được nêu cụ thể trong thỏa ước tập thể. Ngoài ra, Hội nghị người lao động và các cuộc đối thoại trực tiếp cũng được tổ chức định kỳ. Ngày 27/11/2019, CNG Việt Nam đã tổ chức Hội nghị người lao động nhằm tạo điều kiện cho người lao động được tham gia đóng góp ý kiến, được quyết định và giám sát những vấn đề có liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động. Cụ thể, các nội dung được thông qua trong hội nghị như: Báo cáo tình hình thực hiện Thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động, quy chế dân chủ và chính sách cho người lao động 2019, danh sách nhân sự tham gia đối thoại định kỳ 2020, danh sách CBNV tham dự hội nghị người lao động cấp trên.

AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

AN TOÀN LAO ĐỘNG:

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong ngành khí thì vấn đề an toàn được đặt lên hàng đầu, vì khi xảy ra sự cố sẽ gây ra thiệt hại nghiêm trọng về tài sản và con người. Công tác an toàn được kiểm soát thông qua hệ thống tích hợp AT-CL-MT, và được rà soát và điều chỉnh thường xuyên nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động. Dựa trên hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác an toàn tại CNG Việt Nam được phân chia thành 04 khía cạnh chính là Công nghệ - thiết bị, Sản xuất - vận hành - vận chuyển, Cấp khí cho khách hàng, và Phòng tránh cháy nổ.



Công nghệ - thiết bị

- ★ Hầu hết các máy móc, thiết bị sử dụng tại CNG Việt Nam như bồn, máy nén, trạm giảm áp,... đều được nhập khẩu từ các nhà sản xuất hàng đầu như Canada, Mỹ, Đức, Ý với công nghệ hiện đại và tiên tiến, giúp giảm thiểu rủi ro, hư hỏng thiết bị, luôn đảm bảo cấp khí ổn định cho khách hàng.
- ★ Quy trình công nghệ sản xuất và vận chuyển CNG được tự động hóa, quá trình thao tác đơn giản.
- ★ Thiết bị được đăng ký kiểm định an toàn trước khi đưa vào sử dụng, và được bảo trì, bảo dưỡng, và kiểm tra định kỳ theo quy chuẩn trong suốt quá trình sử dụng.
- ★ Đầu tư công nghệ tiên tiến góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và tính an toàn.



Sản xuất - vận hành - vận chuyển

- ★ Hệ thống an toàn trong vận hành Fire and Gas được lắp đặt tại phòng điều khiển của trạm máy nén, các tín hiệu của hệ thống như dò khí, dò khói, lửa,... sẽ được kiểm soát và gửi tín hiệu về hệ thống điều khiển để đóng ngắt các thiết bị khi xảy ra sự cố.
- ★ Các quy trình, hướng dẫn vận hành, vận chuyển, bảo dưỡng máy móc thiết bị được lập, kiểm tra, rà soát, và cập nhật thường xuyên để đáp ứng kịp thời tình hình thực tế.
- ★ Kiểm tra an toàn đầu ca sản xuất, kiểm tra các thiết bị vận hành, xe vận chuyển khí và con người điều khiển trước khi thực hiện, nhằm loại bỏ các yếu tố gây mất an toàn, lỗi kỹ thuật của phương tiện, thiết bị sản xuất, ý thức chủ quan của con người.
- ★ Bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị và phương tiện vận chuyển định kỳ theo quy chuẩn kỹ thuật, xử lý kịp thời các thiết bị hư hỏng đột xuất, đảm bảo các phương tiện, thiết bị luôn ở tình trạng an toàn, hoạt động hiệu quả.
- ★ Tổ chức đào tạo về chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ, và quy trình an toàn lao động cho CBNV liên quan trực tiếp nhằm đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra an toàn, liên tục.
- ★ Mạng lưới an toàn vệ sinh viên được thiết lập nhằm tuyên truyền, hướng dẫn mọi người nâng cao nhận thức về bảo hộ lao động, và kiểm tra việc chấp hành các quy định về ATVSLĐ trong công ty.
- ★ Tổ chức các hội nghị An toàn – Sức khỏe – Môi trường, hội nghị bảo dưỡng, sửa chữa, vận hành nhằm nâng cao kiến thức về an toàn, vệ sinh lao động cho CBNV; trao đổi và tiếp nhận ý kiến từ CBNV về các vấn đề liên quan để điều chỉnh quy trình, chính sách kịp thời.
- ★ Triển khai thực hiện chương trình 5S cho toàn hệ thống với mục tiêu giúp môi trường làm việc trở nên sạch đẹp, chuyên nghiệp và an toàn, góp phần nâng cao năng suất và hiệu quả lao động nhờ tiết kiệm thời gian, tiết kiệm không gian và hợp lý hóa trong sản xuất.



Cấp khí cho khách hàng

- ★ Trước khi cấp khí cần: (1) Thực hiện khảo sát địa điểm để đảm bảo các tiêu chuẩn an toàn cho trạm con. (2) Lên bản vẽ chi tiết. (3) Cung cấp hồ sơ hoàn chỉnh về phòng cháy chữa cháy, quy trình phối hợp vận hành giữa CNG Việt Nam và khách hàng. (4) Hỗ trợ khách hàng về đào tạo vận hành, sử dụng khí, hướng dẫn các quy định về an toàn, hỗ trợ, tư vấn kỹ thuật từ khi chuyển đổi thiết bị cho đến vận hành, đảm bảo quá trình sản xuất liên tục của khách hàng.
- ★ Sau khi cấp khí cần phải hỗ trợ tư vấn kỹ thuật cho khách hàng, và định kỳ khảo sát, đánh giá chất lượng, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cho khách hàng để đảm bảo an toàn hoạt động. Bên cạnh đó, mời khách hàng tham gia hội nghị An toàn – Sức khỏe – Môi trường để trao đổi về những vấn đề còn vướng mắc, và những khó khăn trong vận hành liên quan đến vấn đề An toàn – Sức khỏe – Môi trường



Phòng tránh cháy nổ

- ★ Đối với đặc thù ngành, thì sự cố cháy nổ là một trong những rủi ro lớn nên công tác quản lý, ngăn chặn và hạn chế thấp nhất thiệt hại do cháy nổ gây ra luôn được Công ty thực hiện nghiêm ngặt. Bảo trì các thiết bị PCCC định kỳ và liên kết với công an PCCC khu công nghiệp để tiến hành tập huấn định kỳ cũng là hoạt động được Công ty chú trọng.
- ★ Tuân thủ quy định PCCC, an toàn điện, thường xuyên thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống điện.
- ★ Nắm chắc quy trình vận hành, Đào tạo an toàn bước 1, 2, 3 và đảm bảo vận hành, lái xe CNG có kinh nghiệm xử lý các tình huống sự cố nếu xảy ra.
- ★ Phối hợp với Công an PCCC huấn luyện PCCC định kỳ, diễn tập ứng cứu sự cố.
- ★ Trang bị và thường xuyên kiểm tra đầy đủ các thiết bị chữa cháy tại các vị trí cần thiết.



AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

(tiếp theo)

AN TOÀN LAO ĐỘNG:

Năm 2019, CNG Việt Nam tổ chức Hội thảo Vận hành – Vận chuyển & Bảo dưỡng sửa chữa lần thứ VII tại chi nhánh Phú Mỹ nhằm rà soát và tổng kết về vận hành – vận chuyển – bảo dưỡng sửa chữa, tìm ra những hạn chế còn tồn tại, và đề ra phương hướng hoạt động thời gian tới. Ngoài ra, Hội nghị An toàn – Sức khỏe – Môi trường cũng là một trong những hoạt động được tổ chức thường niên khác của CNG Việt Nam. Hội nghị mang đến một cái nhìn tổng thể về những hoạt động trong công tác AT-CL-MT như hệ thống quản lý AT-CL-MT, đào tạo, huấn luyện, công tác ÚPKC – PCCC.



Thống kê sự cố lao động qua các năm:

Năm	Số lượng/Loại sự cố
2015	11 sự cố
2016	04 sự cố
2017	03 sự cố, trong đó 02 sự cố thiết bị trong vận hành tại trạm khách hàng, 01 sự cố giao thông trên đường vận chuyển.
2018	02 sự cố, trong đó 01 sự cố về thiết bị, 01 tai nạn lao động liên quan đến nhà thầu thi công công trình xây dựng Văn phòng Chi nhánh Phú Mỹ, sự việc làm 02 người bị thương nhẹ.
2019	01 tai nạn sự cố loại 1

Sức khỏe nghề nghiệp:

- Các hoạt động/biện pháp đã và đang thực hiện tại CNG Việt Nam để nâng cao sức khỏe người lao động:
- Cung cấp cơ sở thuốc thiết yếu đầy đủ cho các khu vực SXKD 4 lần/năm, cung cấp các túi sơ cấp cứu tại Văn phòng Công ty.
- Bồi dưỡng bằng hiện vật bằng sữa cho CBNV làm việc trong môi trường có yếu tố nguy hiểm, độc hại
- Tổ chức đi khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm cho toàn bộ CBNV, khám bệnh nghề nghiệp cho các Chi nhánh, khám sức khỏe cho các lái xe.
- Tổ chức các hoạt động giúp nâng cao đời sống tinh thần của CBNV như Hội thao kỷ niệm 12 năm ngày thành lập CNG Việt Nam, tổ chức về nguồn năm 2019.

TT	Chương trình	Đối tượng
1	Khám sức khỏe định kỳ	100% CBNV
2	Khám sức khỏe chuyên sâu cho CBNV nữ	100% CBNV
3	Khám bệnh nghề nghiệp cho CBNV làm việc trong môi trường nguy hiểm độc hại	100% CBNV
4	Bảo hiểm y tế	100% CBNV
5	Bảo hiểm xã hội	100% CBNV
6	Bảo hiểm sức khỏe sinh mạng cá nhân	100% CBNV
7	Bảo hiểm hưu trí tự nguyện với mức ủng hộ của Công ty: 1 triệu đồng/tháng/người	100% CBNV

Tổng kết kết quả thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe cho CBNV:

Năm	Tổng số người			Phân loại sức khỏe (số người, tỷ lệ)					
	Đăng ký khám	Tham gia khám	Đạt	I	II	III	IV	V	Không XL
2017	tỉ lệ	283	98%	XL	170	85	7	1	5
2018	299	293	98%	0	267	20	6	0	6
2019	259	259	100%	2	112	133	9	0	3

GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Để đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực thì công tác giáo dục và đào tạo luôn được sự quan tâm của Ban lãnh đạo CNG Việt Nam. Công tác đánh giá hiệu quả công việc được thực hiện định kỳ tại CNG Việt Nam để xác định mức độ phù hợp của vị trí công việc và có phương hướng điều chỉnh hoặc sắp xếp đào tạo cho phù hợp. Ngoài ra việc hoạch định nhân sự kế thừa và lên kế hoạch đào tạo kế thừa phù hợp cũng được Công ty chú trọng để đảm bảo hoạt động SXKD không bị gián đoạn do thiếu nhân lực. Đối với nhân sự mới, Công ty tiến hành đào tạo hội nhập nhằm giúp nhân viên nhanh chóng làm quen và hiểu rõ quyền lợi cũng như trách nhiệm của mình. Bên cạnh đó, CNG Việt Nam lập kế hoạch trước khi nghỉ hưu cho những lao động chuẩn bị nghỉ hưu nhằm sắp xếp nhân sự kế thừa kịp thời cũng như cung cấp những chương trình hỗ trợ giúp lao động chuẩn bị nghỉ hưu có thể thích nghi.

Hoạt động đào tạo tại CNG Việt Nam:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2015	2016	2017	2018	2019
1	Số lượng khóa đào tạo	Khóa	44	52	55	30	39
a	Đào tạo nội bộ	Khóa	13	12	5	15	5
b	Đào tạo bên ngoài	Khóa	31	40	50	45	34
2	Số lượt người tham dự đào tạo	Lượt người	973	721	1.177	1.069	1.486
a	Cấp độ nhân viên	Lượt người	908	639	893	963	1.195
b	Cấp độ quản lý	Lượt người	65	82	284	316	291
3	Số giờ đào tạo/nhân viên	Giờ	2,5	2,8	6,98	16	12
4	Chi phí dành cho hoạt động đào tạo						
a	Chi phí kế hoạch dành cho đào tạo	Tỷ đồng	1,81	3,6	3,95	2,64	2,644
b	Chi phí đào tạo sử dụng thực tế	Tỷ đồng	2,18	3,34	3,67	2,45	2,418
c	Tỷ trọng chi phí thực tế/ngân sách	%	120,9	92,8	93	93	91,5

SỰ ĐA DẠNG VÀ CƠ HỘI BÌNH ĐẲNG

Cơ cấu lao động theo chức vụ	Số lượng	Tỷ lệ lao động nữ
Hội đồng Quản trị	5	2/5
Ban Giám đốc	5	0/5
Ban Kiểm soát	3	2/3

Xóa bỏ phân biệt đối xử và trao quyền cho phụ nữ không những là hành động góp phần thực hiện SDG 5, mà còn là quản trị công ty theo thông lệ tốt. Cụ thể, tỷ lệ lao động nữ trong HĐQT lên đến 2/5. Ngoài ra, đa dạng về giới tính trong cơ cấu lãnh đạo và quản lý giúp quá trình đưa ra quyết định được xem xét dưới những khía cạnh toàn diện hơn.

Bên cạnh việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động thì CNG Việt Nam còn xây dựng môi trường làm việc với những cơ hội phát triển nghề nghiệp tương xứng với tiềm năng người lao động nhằm phát huy tối đa khả năng của người lao động và hiệu quả công việc. Năng lực của CBNV được đánh giá định kỳ thông qua KPIs nhằm gia tăng tính công bằng và minh bạch.



VỚI TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THÌ BÊN CẠNH VIỆC TẠO LẬP TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG, VIỆC CHIA SẺ GIÁ TRỊ CÓ ĐƯỢC VỚI CỘNG ĐỒNG CŨNG LÀ MỘT HOẠT ĐỘNG KHÔNG THỂ THIẾU CỦA CNG VIỆT NAM. CNG VIỆT NAM ĐÃ VÀ ĐANG TRIỂN KHAI CÁC CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI BÊN CẠNH VIỆC ĐÓNG GÓP TÍCH CỰC VỀ MẶT KINH TẾ CHO ĐẤT NƯỚC.

Đóng góp thiết thực cho địa phương và cộng đồng địa phương thông qua việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế, phát triển hoạt động SXKD nhằm tạo thêm việc làm cho người dân địa phương giúp họ cải thiện đời sống qua đó đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội. Ngoài ra chia sẻ giá trị tạo lập được thông qua các hoạt động đầu tư cho cộng đồng - xã hội cũng là một trong những hành động thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với bên liên quan này.

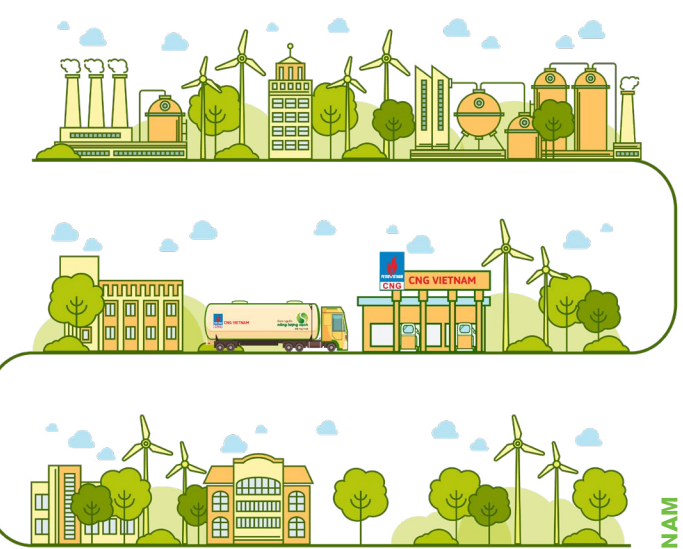
Với tiêu chí phát triển bền vững thì bên cạnh việc tạo lập tăng trưởng kinh tế bền vững, việc chia sẻ giá trị có được với cộng đồng cũng là một hoạt động không thể thiếu của CNG Việt Nam. CNG Việt Nam đã và đang triển khai các chương trình hoạt động an sinh xã hội bên cạnh việc đóng góp tích cực về mặt kinh tế cho đất nước. Trong đó chương trình "Tiếp sức đến trường", "Tình xuân", "Về nguồn" đã trở thành một trong những hoạt động thường niên của Công ty.

NHỮNG HOẠT ĐỘNG CHIA SẺ GIÁ TRỊ TẠO LẬP VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG CỦA CNG VIỆT NAM TRONG NĂM 2019:

- ★ Ngày 6/1/2019, CNG Việt Nam đã tổ chức chương trình "Tình xuân 2019", trao tặng 110 phần quà cho các thầy cô giáo tại trường Tiểu học An Hào B, và người dân tại xã An Hào, huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn để đón tết. Chương trình đã trao tặng cho trường Tiểu học An Hào B một số dụng cụ hỗ trợ công tác dạy và học: 8 bộ bình acqui, 1 bộ loa di động, các bộ đồ chơi vận động. Bên cạnh đó, chương trình còn trao 20 suất học bổng cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn, và áo mới đón tết cho toàn thể học sinh của trường.
- ★ Ngày 20/1/2019 CNG Việt Nam đã trao tặng 50 triệu đồng cho Công đoàn ngành giáo dục tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhằm chia sẻ khó khăn, hỗ trợ các thầy cô giáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vui xuân đón tết.
- ★ Ngày 26/1/2019, chương trình "Xuân yêu thương" được Công đoàn - Đoàn thanh niên của Công ty phối hợp cùng Đoàn thanh niên Công an thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương đã trao tặng 25 phần quà trị giá 50 triệu đồng cho người già neo đơn, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh.
- ★ Chương trình "Tuyên truyền, phổ biến pháp luật và xuân yêu thương" được tổ chức tại trường THCS Nguyễn Công Trứ, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu đã trao tặng 50 suất học bổng cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong học tập.
- ★ Tiếp tục hành trình về nguồn tổ chức hàng năm, ngày 03/10/2019 - 5/10/2019, CNG Việt Nam đã tổ chức chuyến hành trình về nguồn tại Quảng Nam. Ngoài hoạt động thắp hương tưởng nhớ những người có công, thì chương trình còn thực hiện thăm hỏi và trao tặng 56 phần quà cho các Bà mẹ Việt Nam anh hùng đang được chăm sóc tại Trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công tỉnh Quảng Nam, và trao tặng phần quà trị giá 20 triệu đồng cho các cán bộ chăm sóc và phụng dưỡng các mẹ.
- ★ Thực hiện chương trình "Tiếp sức đến trường" với mong muốn góp một phần nhỏ vào việc tiếp thêm tinh thần học tập và vun mầm trí thức cho thế hệ trẻ. Trong đó, chương trình Tủ sách "Chân trời mở rộng", tặng gần 1.000 quyển sách và tủ cho các trường trên địa bàn hoạt động của Công ty là BRVT như THCS Nguyễn Huệ, THCS Võ Trường Toản (huyện Châu Đức), THCS Quang Trung và THCS Hòa Hiệp (huyện Xuyên Mộc). Công ty đã chọn lọc những tác phẩm sách nổi tiếng và thịnh hành trong các lĩnh vực: khoa học, văn học, nghệ thuật, lịch sử, tâm lý, kỹ năng, giáo dục giới tính phù hợp với lứa tuổi học trò nhằm khơi gợi niềm đam mê đọc sách của các em học sinh. Và thông qua đó phát triển văn hóa đọc, giúp các em lĩnh hội các giá trị văn hóa, xã hội từ đó hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp thông tin, tiếp nhận tri thức, hình thành nên nhân cách cho các em.
- ★ Cũng trong khuôn khổ chương trình "Tiếp sức đến trường" 2019, CNG Việt Nam đã trao tặng những phần quà và học bổng cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn nhằm giúp các em vươn lên trong học tập. Cụ thể, CNG Việt Nam đã trao tặng 20 phần quà và 20 suất học bổng tại trường THCS Hòa Hiệp và THCS Quang Trung (huyện Xuyên Mộc). Ngoài ra, CNG Việt Nam cũng đã trao tặng 40 suất học bổng và quà cho 40 em tại trường Tiểu học Phan Đình Phùng (xã Sông Xoài), và Trường tiểu học Lý Thường Kiệt (xã Phước Hòa).



CÔNG TÁC NÂNG CAO NHẬN DIỆN THƯƠNG HIỆU VÀ TĂNG CƯỜNG HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CNG VIỆT NAM GÓP PHẦN GIA TĂNG NHẬN THỨC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG THÔNG QUA CHUYỂN ĐỔI THÓI QUEN SỬ DỤNG NHIÊN LIỆU TRUYỀN THỐNG SANG SỬ DỤNG KHÍ THIÊN NHIÊN, THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG.





Vững NIỀM TIN



BÁO CÁO TÀI CHÍNH (KIỂM TOÁN)

Báo cáo của Ban Giám đốc	138
Báo cáo kiểm toán độc lập	139
Bảng cân đối kế toán	140
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	142
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	143
Thuyết minh báo cáo tài chính	144



CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

Số 61B, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thị Hồng Hải	Chủ tịch
Bà Lê Thị Thu Giang	Thành viên độc lập
Ông Vũ Văn Thực	Thành viên
Ông Phạm Đình Đạt	Thành viên
Ông Bùi Văn Đản	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2019)
Ông Bùi Tường Định	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2019)

Ban Giám đốc

Ông Vũ Văn Thực	Giám đốc
Ông Trần Quang Đán	Phó Giám đốc
Ông Bùi Văn Đản	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Nguyên Vũ	Phó Giám đốc
Ông Trương Mạnh Thắng	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Phan Thị Kim Thoa	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Kim Yến	Thành viên Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Quang Bà	Thành viên Ban Kiểm soát

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- * Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- * Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- * Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- * Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- * Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Vũ Văn Thực

Giám đốc

Ngày 04 tháng 03 năm 2020

Deloitte.

Số: 0354 /VN1A-HC-BC

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Tầng 18, Tòa nhà Times Square, 57-69F Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q.1, Tp. HCM, Việt Nam
Điện thoại: +84 28 3910 0751 Fax: +84 28 3910 0750 Website: www.deloitte.com/vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

Các Cổ đông

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 04 tháng 3 năm 2020, từ trang 3 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Võ Thái Hòa

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2018-001-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 04 tháng 03 năm 2020

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Ltd. và các hãng thành viên.

Trần Thị Kim Khánh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0395-2018-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

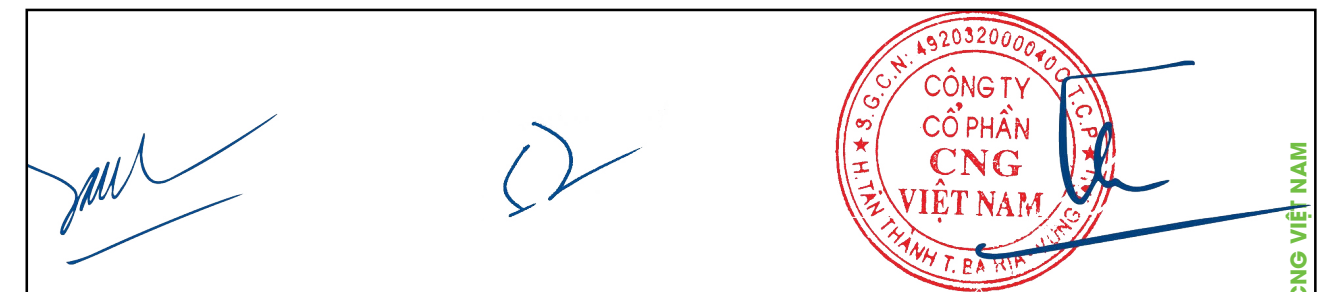
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		660.019.130.589	615.451.203.951
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	377.381.771.210	348.193.699.715
1. Tiền	111		34.093.771.210	26.693.699.715
2. Các khoản tương đương tiền	112		343.288.000.000	321.500.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		252.482.937.146	197.370.624.047
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	245.228.183.467	194.842.602.067
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.331.919.770	1.985.528.384
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	5.672.624.888	2.196.014.563
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(749.790.979)	(1.653.520.967)
III. Hàng tồn kho	140	8	23.235.850.329	55.480.135.095
1. Hàng tồn kho	141		27.925.459.686	61.389.290.981
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.689.609.357)	(5.909.155.886)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.918.571.904	14.406.745.094
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	5.998.475.974	5.777.651.906
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		920.095.930	8.629.093.188
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		178.625.127.330	220.002.863.459
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		258.000.000	1.696.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	258.000.000	1.696.000.000
II. Tài sản cố định	220		161.338.246.390	203.819.819.588
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	124.452.295.174	165.963.185.444
- Nguyên giá	222		825.959.405.116	822.971.743.702
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(701.507.109.942)	(657.008.558.258)
2. Tài sản vô hình	227	11	36.885.951.216	37.856.634.144
- Nguyên giá	228		40.807.806.700	40.807.806.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.921.855.484)	(2.951.172.556)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.575.260.907	671.937.455
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.575.260.907	671.937.455
IV. Tài sản dài hạn khác	260		15.453.620.033	13.815.106.416
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	10.814.381.841	7.859.379.948
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	4.639.238.192	5.955.726.468
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		838.644.257.919	835.454.067.410

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		295.792.518.738	298.174.039.246
I. Nợ ngắn hạn	310		278.016.395.438	280.397.915.946
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	260.404.529.012	226.723.152.312
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	8.121.269.168	12.111.826.025
3. Phải trả người lao động	314		3.329.976.457	11.417.182.128
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	5.282.196.642	26.799.938.675
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	805.675.981	1.152.196.479
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	488.997.000
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		72.748.178	1.704.623.327
II. Nợ dài hạn	330		17.776.123.300	17.776.123.300
1. Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	17.776.123.300	17.776.123.300
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		542.851.739.181	537.280.028.164
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	542.851.739.181	537.280.028.164
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		270.000.000.000	270.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.695.680.000	1.695.680.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.179.045.649	9.179.045.649
4. Cổ phiếu quỹ	415		(3.270.000)	(3.270.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		114.683.475.349	91.822.605.088
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		147.296.808.183	164.585.967.427
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		69.349.531.253	59.281.616.120
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		77.947.276.930	105.304.351.307
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		838.644.257.919	835.454.067.410



Trần Ngọc Lan
Người lập biểu

Nguyễn Mạnh Hùng
Kế toán trưởng

Vũ Văn Thực
Giám đốc
Ngày 04 tháng 03 năm 2020

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01	22	2.130.387.704.894	1.819.225.869.221
2. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01)	10		2.130.387.704.894	1.819.225.869.221
3. Giá vốn hàng bán	11	23	1.941.146.371.979	1.582.629.897.065
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		189.241.332.915	236.595.972.156
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	13.483.094.198	11.638.298.715
6. Chi phí tài chính	22		17.603.159	71.924.861
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.349.700	71.522.308
7. Chi phí bán hàng	25	26	24.925.377.766	34.449.632.635
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	72.901.261.903	75.138.849.257
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		104.880.184.285	138.573.864.118
10. Thu nhập khác	31		2.868.783.037	7.304.156.531
11. Chi phí khác	32		139.286.856	660.589.195
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.729.496.181	6.643.567.336
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		107.609.680.466	145.217.431.454
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	21.945.915.260	28.814.683.871
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	13	1.316.488.276	2.098.396.276
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		84.347.276.930	114.304.351.307
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.620	3.738

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	107.609.680.466	145.217.431.454
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	54.296.660.030	45.225.247.224
Các khoản dự phòng	03	(2.123.276.517)	6.907.043.713
Lãi chưa thực hiện	04	(238.549)	(1.461.121)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(13.215.559.137)	(11.636.435.041)
Chi phí lãi vay	06	17.349.700	71.522.308
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	146.584.615.993	185.783.348.537
Thay đổi các khoản phải thu	09	(43.229.742.946)	(36.461.685.225)
Thay đổi hàng tồn kho	10	33.463.831.295	(10.725.157.017)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(5.775.426.381)	48.316.111.171
Thay đổi chi phí trả trước	12	(3.175.825.961)	(70.474.733)
Tiền lãi vay đã trả	14	(17.349.700)	(71.522.308)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(27.014.510.526)	(35.223.516.377)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.566.244.910)	(12.725.540.853)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	98.269.346.864	138.821.563.195
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(14.831.974.284)	(74.948.334.038)
2. Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn	24	-	33.900.000.000
3. Tiền thu lãi tiền gửi	27	13.744.724.241	11.706.004.029
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.087.250.043)	(29.342.330.009)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(488.997.000)	(646.668.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(67.505.266.875)	(40.520.402.625)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(67.994.263.875)	(41.167.070.625)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	29.187.832.946	68.312.162.561
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	348.193.699.715	279.880.076.033
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	238.549	1.461.121
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	377.381.771.210	348.193.699.715

Trần Ngọc Lan
Người lập biểu

Nguyễn Mạnh Hùng
Kế toán trưởng



Vũ Văn Thực
Giám đốc

Ngày 04 tháng 03 năm 2020

Trần Ngọc Lan
Người lập biểu

Nguyễn Mạnh Hùng
Kế toán trưởng



Vũ Văn Thực
Giám đốc

Ngày 04 tháng 03 năm 2020



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động là 20 năm theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 492032000040 ngày 28 tháng 5 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 23 tháng 11 năm 2011 với mã chứng khoán là CNG.

Các cổ đông chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần và Samarang Ucits – Samarang Asia Prosperity với tỷ lệ sở hữu cổ phần lần lượt là 56% và 9,63%. Các cổ đông khác sở hữu 34,37% cổ phần còn lại của Công ty.

Công ty được thành lập nhằm thực hiện dự án Chiết nạp khí thiên nhiên (gọi tắt là dự án "CNG Việt Nam") với thời gian hoạt động của dự án là 20 năm kể từ ngày 28 tháng 5 năm 2007.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 258 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 245 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG; cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG; kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG và LPG và kinh doanh các nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật; cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khí; mua bán và cho thuê thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG để phân phối cho khách hàng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại số 61B, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu và hai (02) chi nhánh phụ thuộc.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên tuổi nợ của các nhóm nợ. Cụ thể như sau:

Nợ quá hạn	Mức trích lập dự phòng
Từ 11 ngày đến dưới 6 tháng	20%
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất, chậm luân chuyển và trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Phương tiện vận tải	3 - 6

Từ năm 2015, đối với các tài sản cố định hữu hình là máy móc thiết bị và phương tiện vận tải dùng cho việc sản xuất, chiết nạp khí CNG, Công ty thực hiện khấu hao nhanh theo phương pháp số dư giảm dần được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013, với thời gian hữu dụng được áp dụng tương tự như thời gian hữu dụng theo phương pháp khấu hao đường thẳng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình thể hiện phần mềm kế toán, phần mềm quản lý nhân sự và quyền sử dụng đất. Tài sản vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các phần mềm này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ ba năm đến mười năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước chi phí quảng cáo, tiền thuê đất trả trước và chi phí bảo hiểm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không tính thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	595.023.990	1.000.394.830
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.754.981.816	25.693.304.885
Tiền đang chuyển	7.743.765.404	-
Các khoản tương đương tiền	343.288.000.000	321.500.000.000
	377.381.771.210	348.193.699.715

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn trong vòng 3 tháng với lãi suất tiền gửi hằng năm từ 4,7% đến 5,5% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: từ 0,25% đến 5,4%).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản và Sản xuất Vật liệu Xây dựng ("VLXD") Trung Nguyên	23.872.044.898	2.970.338.204
Công ty TNHH Thiết bị Hệ thống LPG	43.684.646.031	30.098.722.265
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Phúc Sang Minh	29.029.571.178	15.144.500.295
Công ty TNHH Thép KYOEI Việt Nam	7.667.384.220	5.402.927.890
Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	19.925.915.855	37.445.258.894
Các khoản phải thu khách hàng khác	121.048.621.285	103.780.854.519
	245.228.183.467	194.842.602.067



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	5.672.624.888	2.196.014.563
- Phải thu người lao động	502.564.160	104.000.000
- Ký cược, ký quỹ	429.980.000	457.380.064
- Lãi dự thu từ tiền gửi có kỳ hạn	906.547.420	1.168.416.012
- Phải thu khác	3.833.533.308	466.218.487
b. Dài hạn	258.000.000	1.696.000.000
- Ký cược, ký quỹ	258.000.000	1.696.000.000
	5.930.624.888	3.892.014.563

7. NỢ QUÁ HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Công ty TNHH Bia Anheuser - Busch Inbev Việt Nam	1.496.997.934	1.496.997.934	-	3.874.347.723	3.595.394.759	278.952.964
Công ty Cổ phần Khai thác Khoáng sản và Sản xuất VLXD Trung Nguyên	3.748.954.893	2.999.163.914	749.790.979	-	-	-
Công ty TNHH Xăng dầu Thành Tâm	-	-	-	6.176.472.621	5.691.896.355	484.576.266
Công ty TNHH MTV SX VLXD Đồng Tâm	2.308.675.032	2.308.675.032	-	8.528.887.113	8.054.553.827	474.333.286
Công ty Cổ phần Đồng Tâm Dotalia	1.047.052.013	1.047.052.013	-	4.850.544.570	4.582.609.717	267.934.853
Công ty TNHH Sản xuất Bia SAB	744.100.424	744.100.424	-	1.750.270.153	1.633.320.745	116.949.408
Chi nhánh Công ty TNHH Alhonga Việt Nam	64.004.509	64.004.509	-	375.338.614	344.564.424	30.774.190
Các khách hàng khác	42.374.077.296	42.374.077.296	-	124.640.965.386	124.640.965.386	-
	51.783.862.101	51.034.071.122	749.790.979	150.196.826.180	148.543.305.213	1.653.520.967

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	27.700.209.500	4.689.609.357	61.149.877.699	5.909.155.886
Công cụ dụng cụ	225.250.186	-	239.413.282	-
	27.925.459.686	4.689.609.357	61.389.290.981	5.909.155.886

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Chi phí quảng cáo trả trước	880.666.663	723.250.000
Chi phí bảo hiểm trả trước	4.982.514.021	4.936.320.406
Chi phí khác	135.295.290	118.081.500
	5.998.475.974	5.777.651.906
b. Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí quảng cáo trả trước	6.825.333.341	3.723.083.337
Chi phí thuê đất trả trước	3.989.048.500	4.136.296.611
	10.814.381.841	7.859.379.948

Tiền thuê đất trả trước thể hiện tiền thuê đất trả trước cho lô đất tại Long An theo hợp đồng thuê số 07/2017/HĐ-KD/KCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 với thời hạn 44 năm. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian thuê.

10. TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND				Tổng cộng
	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	39.005.355.680	344.670.226.117	4.175.131.623	435.121.030.282	822.971.743.702
Tăng trong năm	-	10.150.036.684	197.895.455	4.501.274.545	14.849.206.684
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	328.848.477	-	-	-	328.848.477
Thanh lý, nhượng bán	-	(11.713.580.929)	-	(476.812.818)	(12.190.393.747)
Số dư cuối năm	39.334.204.157	343.106.681.872	4.373.027.078	439.145.492.009	825.959.405.116
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	10.387.715.462	240.046.175.864	1.949.426.496	404.625.240.436	657.008.558.258
Khấu hao trong năm	1.447.088.874	37.878.434.501	387.576.925	13.612.876.802	53.325.977.102
Thanh lý, nhượng bán	-	(8.350.612.600)	-	(476.812.818)	(8.827.425.418)
Số dư cuối năm	11.834.804.336	269.573.997.765	2.337.003.421	417.761.304.420	701.507.109.942
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	28.617.640.218	104.624.050.253	2.225.705.127	30.495.789.846	165.963.185.444
Tại ngày cuối năm	27.499.399.821	73.532.684.107	2.036.023.657	21.384.187.589	124.452.295.174

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 460.156.001.761 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 459.679.398.242 đồng).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	39.798.000.000	1.009.806.700	40.807.806.700
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	1.941.365.856	1.009.806.700	2.951.172.556
Khấu hao trong năm	970.682.928	-	970.682.928
Số dư cuối năm	2.912.048.784	1.009.806.700	3.921.855.484
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	37.856.634.144	-	37.856.634.144
Tại ngày cuối năm	36.885.951.216	-	36.885.951.216

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.009.806.700 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1.009.806.700 đồng).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án xây dựng văn phòng Công ty	1.239.806.362	671.937.455
Dự án trạm LPG	335.454.545	-
	1.575.260.907	671.937.455

13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
- Thuế suất thông thường	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Chịu thuế suất thông thường	4.639.238.192	5.955.726.468
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	4.639.238.192	5.955.726.468

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải trả người bán là các bên liên quan	42.489.217.306	40.011.306.851
b. Phải trả người bán là bên Thứ ba (chi tiết tại Thuyết minh số 30)	217.915.311.706	186.711.845.461
- Công ty Cổ phần khí thấp áp Việt Nam	198.148.626.317	164.467.359.446
- Công ty Cổ phần kinh doanh Khí Miền Nam	15.238.314.925	19.046.289.534
- Công ty Cổ phần kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Đông	115.340.600	229.927.500
- Tổng Công ty Cổ phần vận tải Dầu khí	3.446.384.664	2.968.268.981
- Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu Khí Vũng Tàu	966.645.200	-
	260.404.529.012	226.723.152.312

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Số dư đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số dư cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	-	3.682.260.007	3.416.206.822	266.053.185
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.291.859.858	21.945.915.260	27.014.510.526	6.223.264.592
Thuế thu nhập cá nhân	819.966.167	10.586.423.336	9.774.438.112	1.631.951.391
	12.111.826.025	36.214.598.603	40.205.155.460	8.121.269.168

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí sử dụng thương hiệu	-	4.274.631.717
Trích trước chi phí quà tặng khách hàng	2.516.330.000	2.563.740.000
Trích trước chi phí thuê bồn và đầu kéo	1.481.852.985	13.583.962.414
Các khoản trích trước khác	1.284.013.657	6.377.604.544
	5.282.196.642	26.799.938.675

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	96.539.060	1.471
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	263.824.500	269.908.875
Các khoản phải trả, phải nộp khác	445.312.421	882.286.133
	805.675.981	1.152.196.479

18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường, được trích lập bằng 0,5% doanh thu thuần trong năm và không vượt quá 5% lợi nhuận trước thuế năm theo hướng dẫn của Thông tư số 86/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 6 năm 2016. Số dư quỹ dự phòng này được trích lập đến khi bằng 10% Vốn điều lệ của doanh nghiệp. Kể từ năm 2019, Công ty đã ngừng trích lập khoản dự phòng này để chờ hướng dẫn về đối tượng cần thực hiện trích lập theo quy định hiện hành. Nếu Công ty thực hiện trích lập tiếp tục khoản dự phòng này trong năm 2019 thì giá vốn hàng bán trong năm sẽ tăng và lợi nhuận trước thuế sẽ giảm với cùng số tiền là 5.380.484.023 đồng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU
Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Số dư đầu năm trước		Số dư đầu năm nay		Số dư cuối năm nay	
	Số dư đầu năm trước	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Số dư đầu năm nay	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Số dư cuối năm nay	Phân phối quỹ
Vốn góp của chủ sở hữu	270.000.000.000	-	270.000.000.000	-	270.000.000.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	1.695.680.000	-	1.695.680.000	-	1.695.680.000	-
Vốn khác của chủ sở hữu	9.179.045.649	-	9.179.045.649	-	9.179.045.649	-
Cổ phiếu quỹ	(3.270.000)	-	(3.270.000)	-	(3.270.000)	-
Quý đầu tư phát triển	69.972.247.531	-	91.822.605.088	-	22.860.870.261	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	25.522.909.790	104.251.787.791	59.281.616.120	105.304.351.307	(27.737.253.674)	(67.499.182.500)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	104.251.787.791	(104.251.787.791)	105.304.351.307	(105.304.351.307)	84.347.276.930	(67.499.182.500)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	114.304.351.307	(114.304.351.307)	105.304.351.307	(105.304.351.307)	84.347.276.930	(67.499.182.500)
Phân phối quỹ	(40.499.509.500)	-	(29.993.571.961)	(9.000.000.000)	(6.400.000.000)	(11.276.383.413)
Cổ tức được chia	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	480.618.400.761	-	537.280.028.164	-	542.851.739.181	-

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt mức chia cổ tức năm 2018 là 25% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã thanh toán cổ tức năm 2018 cho cổ đông bằng tiền với tổng số tiền là 67.499.182.500 đồng.

Trong năm, Công ty đã trích lập bổ sung Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 4.876.383.413 đồng và Quỹ đầu tư phát triển với số tiền là 22.860.870.261 đồng từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019. Đồng thời, Công ty cũng đã tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 6,4 tỷ đồng từ lợi nhuận sau thuế của năm 2019 dựa trên kế hoạch phân phối lợi nhuận được phê duyệt theo Nghị quyết này.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	27.000.000	27.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	26.999.673	26.999.673
- Cổ phiếu quỹ	327	327

Công ty chỉ có một loại cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phiếu. Các cổ phiếu này không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	%	Số đầu năm	%
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty cổ phần	151.200.000.000	56,00	151.200.000.000	56,00
Utilico Emerging Markets Limited	-	-	13.462.100.000	4,99
Samarang Ucits - Samarang Asia Prosperity	26.009.400.000	9,63	26.009.400.000	9,63
Cổ đông khác	92.790.600.000	34,37	79.328.500.000	29,38
	270.000.000.000	100,00	270.000.000.000	100,00

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	2.868	2.981,88

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh khí CNG. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh số 22 và số 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

22. DOANH THU BÁN HÀNG

Doanh thu bán hàng thể hiện doanh thu từ bán khí CNG trong năm.

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán thể hiện giá vốn của khí CNG đã bán trong năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	86.749.948.678	85.604.112.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	54.296.660.030	45.225.247.224
Chi phí dịch vụ mua ngoài	294.994.544.728	312.879.379.606
Chi phí khác bằng tiền	125.097.130.288	87.580.716.067
	561.138.283.724	531.289.455.297

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.482.855.649	11.636.435.041
Lãi chênh lệch tỷ giá	238.549	1.863.674
	13.483.094.198	11.638.298.715

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên quản lý	33.621.026.978	30.022.012.669
Chi phí đồ dùng văn phòng	543.539.958	605.495.095
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.087.087.873	2.049.275.251
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.042.035.844	11.465.920.962
Các khoản chi khác	25.607.571.250	30.996.145.280
	72.901.261.903	75.138.849.257
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên quản lý	4.211.814.504	5.905.036.842
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.566.236.161	14.357.526.657
Các khoản chi khác	7.147.327.101	14.187.069.136
	24.925.377.766	34.449.632.635

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	21.945.915.260	28.335.471.046
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	479.212.825
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21.945.915.260	28.814.683.871
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.316.488.276	2.098.396.276
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1.316.488.276	2.098.396.276

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	107.609.680.466	145.217.431.454
Điều chỉnh cho thu nhập tính thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không tính thuế</i>	<i>12.021.841.715</i>	<i>35.779.439.039</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>14.141.737.548</i>	<i>32.239.362.814</i>
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	109.729.576.299	141.677.355.229
<i>Thuế suất</i>	<i>20%</i>	<i>20%</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	21.945.915.260	28.335.471.046

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập tính thuế

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	VND	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	84.347.276.930	114.304.351.307
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh giảm	(13.600.000.000)	(13.376.383.413)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi quỹ thưởng Ban điều hành (i)	(13.600.000.000)	(13.376.383.413)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	70.747.276.930	100.927.967.894
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	26.999.673	26.999.673
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.620	3.738

(i) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 dựa trên số liệu kế hoạch năm 2019 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Trình bày lại số liệu năm trước

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại do thay đổi số liệu trích quỹ khen thưởng phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành năm 2018 dựa trên Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019. Theo đó, số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại như sau:

	VND			
	Mã số	Số đã báo cáo	Thay đổi	Số trình bày lại
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.652	86	3.738

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	8.251.781.747	3.475.884.467

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	7.144.801.499	1.469.213.700
Trên 1 năm đến 5 năm	1.981.100.000	1.861.760.000
Trên 5 năm	8.362.800.000	8.716.875.000
	17.488.701.499	12.047.848.700

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê đất và cơ sở hạ tầng tại Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và thuê văn phòng tại Thành phố Hà Nội, thuê xe đầu kéo và xe đưa đón cán bộ nhân viên Công ty. Chi tiết như sau:

- Tổng số tiền thuê 10.000 m2 đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ I, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam theo hợp đồng thuê đất số 41/HDT/TLĐ/IZICO ngày 16 tháng 8 năm 2007 và các phụ lục kèm theo.
- Tổng số tiền thuê văn phòng tại Thành phố Hà Nội, Việt Nam theo hợp đồng thuê số 3/1/2015/HDTVP ngày 20 tháng 3 năm 2015.
- Tổng số tiền thuê văn phòng và các căn hộ tại Thành phố Hà Nội, Việt Nam, đáo hạn hàng năm tùy theo nhu cầu sử dụng của Công ty.
- Tổng số tiền thuê xe đầu kéo theo hợp đồng thuê số 08/2019CNPB ngày 25 tháng 1 năm 2019.

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("PVN")
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần
Utilico Emerging Markets Limited
Samarang Ucits- Samarang Asia Prosperity
Công ty Cổ phần khí thấp áp Việt Nam
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Đông
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Dịch vụ Khí
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí

Mối quan hệ

Công ty mẹ của Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần
Cổ đông lớn
Cổ đông lớn (kết thúc từ 25 tháng 9 năm 2018)
Cổ đông lớn
Công ty trong cùng tập đoàn PVN
Công ty trong cùng tập đoàn PVN
Công ty trong cùng tập đoàn PVN
Công ty trong cùng tập đoàn PVN
Công ty trong cùng tập đoàn PVN
Công ty trong cùng tập đoàn PVN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Mua hàng		
Công ty Cổ phần Khí Thấp áp Việt Nam	1.209.424.478.428	1.034.439.250.745
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Đồng nai	153.494.459.577	126.789.378.977
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Đông	1.570.605.227	2.244.339.806
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	10.853.017.406	-
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	-	13.414.556.004
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	-	45.245.578.362
	1.375.342.560.638	1.222.133.103.894
Chi phí sử dụng tòa nhà văn phòng		
Công ty Cổ phần Khí Thấp áp Việt Nam	2.958.523.473	2.853.632.176
Chi phí sử dụng thương hiệu		
Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	1.452.174.315	1.423.848.060
Cổ tức chi trả trong năm		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	37.800.000.000	22.680.000.000
Utilico Emerging Markets Limited	-	3.139.095.000
Samarang Ucits - Samarang Asia Prosperity	6.502.350.000	3.901.410.000
	44.302.350.024	29.720.505.000

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng và thù lao	9.496.235.065	12.434.903.723



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Khí Thấp áp Việt Nam	198.148.626.317	164.467.359.446
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	15.238.314.925	19.046.289.534
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam - Chi nhánh Miền Đông	115.340.600	229.927.500
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	3.446.384.664	2.968.268.981
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Dầu Khí Vũng Tàu	966.645.200	-
	217.915.311.706	186.711.845.461
Chi phí phải trả		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.452.174.315	4.274.631.717

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của năm báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

	VND			
	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
Tài sản cố định hữu hình	221	153.557.261.139	12.405.924.305	165.963.185.444
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13.077.861.760	(12.405.924.305)	671.937.455

Trần Ngọc Lan
Người lập biểu

Nguyễn Mạnh Hùng
Kế toán trưởng



Vũ Văn Thực
Giám đốc
Ngày 04 tháng 03 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN CNG VIỆT NAM

[📍] : Tầng 7, Tòa nhà GAS Tower, Số 61B Đường 30/4
Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu

[☎] : (84.254) 3574.635

[✉] : (84.254) 3574.619

[🌐] : www.cng-vietnam.com